Tiến sỹ Nguyễn Thị Lan

Kinh tế Sinh Vật Cảnh Việt Nam



 NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

*Tiến sỹ **Nguyễn Thị Lan***

KINH TẾ
SINH VẬT CẢNH
VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
Thành phố Hồ Chí Minh - 2006

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

*Hội sinh vật cảnh (SVC) Việt Nam thành lập và hoạt động đã được 17 năm. Hiện nay có **35/64** Hội SVC của các tỉnh, thành phố với hơn 100.000 hội viên hoạt động trong các lĩnh vực sinh vật cảnh..*

Ngày 9/5/2004, nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải đã đến dự hội nghị toàn quốc SVC Việt Nam và nhấn mạnh: "...Phát triển nghề sản xuất kinh doanh SVC là một hướng đi mới giúp người nông dân thoát nghèo và làm giàu, cũng là một hướng giúp chuyển dịch nhanh cơ cấu trong nông nghiệp..."

Để SVC trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, mỗi hội viên, mỗi chi hội, Hội SVC các cấp chính quyền địa phương phải làm kinh tế SVC giỏi. Muốn làm giỏi kinh tế phải nắm vững kinh tế lý thuyết, hiểu được nội dung cơ bản về kinh tế và kinh tế ứng dụng cho SVC.

Trong thời buổi kinh tế thị trường, sản xuất kinh doanh có hiệu quả không phải là dễ dàng. SVC là loại hàng hóa đặc biệt và rất nhạy cảm với thị trường lại càng khó hơn. Vì vậy kinh tế SVC là rất quan trọng và cần thiết.

Từ trước đến nay, các khóa đào tạo về kỹ thuật SVC đã được tổ chức ở một số nơi. Nhưng môn Kinh tế SVC chưa được giảng dạy và cũng chưa được biên soạn thành sách, thành môn học để đào tạo.

Vừa qua, trong tháng 7 năm 2006, Ban đào tạo Kiến thức SVC của Trung tâm Nghiên cứu, Dịch vụ SVC Tp.HCM đã tổ chức giảng dạy khóa đầu tiên về môn học này. Kết quả thật không ngờ vì môn học mới này được các học viên của tỉnh Vĩnh Long nhiệt tình ủng hộ và một số hội SVC của các tỉnh khác cũng đăng ký được mở lớp.

Xuất phát từ thực tế, nhu cầu cần bổ sung kiến thức về kinh

tế SVC cho các hội viên SVC và thực hiện theo chỉ đạo của nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải để "SVC là hướng đi mới giúp nông dân thoát nghèo", TS. Nguyễn Thị Lan đã biên soạn sách ***"Kinh tế SVC Việt Nam".***

*Cuốn sách "**Kinh tế SVC Việt Nam**" gồm hai phần:*

Phần 1: Kinh tế lý thuyết*, trong đó đề cập đến những khái niệm cơ bản về kinh tế học, kinh tế vĩ mô và vi mô, những đặc điểm của các hệ thống kinh tế: Mệnh lệnh & kiểm soát, kinh tế thị trường và kinh tế hỗn hợp. Mối quan hệ cung - cầu hàng hóa với giá sản phẩm, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt đã trình bày 2 phương pháp phân tích chi phí - lợi ích (CBA) và phương pháp phân tích SWOT với các chỉ tiêu của 4 nội dung là Mạnh-Yếu-Cơ hội-Đe dọa của 1 công việc hay dự án đầu tư.*

Phần 2: Kinh tế ứng dụng SVC*, trình bày tóm lược phân loại sinh vật nói chung và sinh vật cảnh nói riêng, các bộ môn SVC: cá cảnh, hoa-cây cảnh, chim cảnh, thú cảnh, Hoa Lan, Mai Vàng, Bonsai, xương rồng, hòn non bộ và tiểu cảnh, đá cảnh và các dịch vụ SVC; sự hình thành và phát triển Hội SVC Việt Nam và một số tỉnh thành khác. Tác giả đã ứng dụng phương pháp SWOT, lựa chọn một số chỉ tiêu phân tích những thế mạnh, điểm yếu, những cơ hội và những mối đe dọa trước mắt và lâu dài đối với SVC Việt Nam. Đây là phần kinh tế ứng dụng cụ thể và rất bổ ích cho hội viên, các tổ chức và chính quyền địa phương. Tác giả vừa nêu vấn đề vừa mong muốn hội viên SVC và các bạn đọc thực hiện phương pháp SWOT để cùng phân tích, đánh giá và đề ra biện pháp khắc phục, bổ sung các điểm yếu kém, thiếu thốn, các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa những mối đe dọa trên cơ sở phát huy thế mạnh và những cơ hội của tình hình SVC hiện nay của trong và ngoài nước. Ngoài ra, tác giả phân tích mối quan hệ qua lại giữa 2 yếu tố chủ quan là Mạnh - Yếu, 2 yếu tố khách quan là Cơ hội và Đe dọa nhằm giúp chúng ta định tính những công việc, kế hoạch hay dự án đang và sẽ thực hiện.*

Sau phần định tính là phần định lượng, tính toán chi phí - lợi ích đơn giản hoặc đầy đủ cụ thể và chi tiết đối với các dự án

đầu tư, hay các kế hoạch thực hiện và sự cần thiết phải lựa chọn dự án. Ví dụ: trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ sản xuất nông nghiệp trồng lúa hay vườn tạp sang trồng hoa -cây cảnh hay dự án nuôi cá cảnh nhỏ làm thức ăn cho các loại cá cảnh lớn hơn, có giá trị kinh tế cao hơn với dự án nuôi tôm, cá, v.v.

Tùy từng điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường của từng địa phương, tác giả khuyến cáo các Hội SVC hãy thận trọng trong việc lựa chọn dự án đầu tư để tạo ra mặt hàng SVC độc đáo và có giá trị kinh tế cao của mỗi tỉnh, thành phố.

Phần quan trọng là đề xuất các biện pháp kích Cầu & nâng Cung SVC, tìm hiểu tâm lý người tiêu dùng SVC, giá trị và ý nghĩa của từng loại SVC và sự hài hòa giữa SVC với con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cùng một số mô hình sản xuất – kinh doanh SVC giỏi, mối quan hệ qua lại giữa người sản xuất và người tiêu dùng; những tác động tiêu cực của sự phát triển SVC và những kết luận về các vấn đề đặt ra cần giải quyết để phát triển SVC. Những thông tin về các loại SVC, các Hội chuyên ngành SVC trong và ngoài nước rất phong phú, cùng các địa chỉ trên Internet để bạn đọc dễ dàng tra cứu thông tin chi tiết hơn khi cần thiết nên rất hấp dẫn người đọc và còn kèm những minh họa ví von bằng các câu tục ngữ, thành ngữ, những câu thơ đính kèm làm cho một vấn đề kinh tế rất khó hiểu trở nên dễ hiểu và dễ nhớ. Trong sách cũng ghi thêm các từ tiếng Anh đồng nghĩa và tên khoa học để các bạn đọc có nhu cầu về tiếng Anh được biết thêm, học thêm rất tiện lợi.

Phần phụ lục với những thông tin về Ban chấp hành Hội SVC Việt Nam, Tp.HCM và một số nơi khác cùng các văn bản đính kèm thuận lợi cho việc tra cứu nhanh chóng những cây nguyên liệu làm cây Bonsai, danh mục những thực vật trong Sách đỏ Việt Nam, Pháp lệnh kiểm dịch động-thực vật, v.v. và đặc biệt còn có thêm một tập thơ về SVC. Điều thú vị ít ai ngờ đến là các bài thơ của tác giả đều gắn với kinh tế SVC, thể hiện lòng yêu thiên nhiên và con người, đặc tính của từng loại cây-con làm cảnh và giá trị kinh tế, rất chân thành và sống động.

Cám ơn TS. Nguyễn Thị Lan đã sáng tác ra 9 bài thơ chuyên về SVC trong đợt này, góp phần vào những trang thơ của hội SVC Việt Nam.

*Sách **"Kinh tế SVC Việt Nam"** ra mắt bạn đọc đúng vào dịp kỷ niệm Quốc khánh 2 tháng 9 năm 2006 và vào thời điểm cả nước đang chuẩn bị đón mừng Festival SVC lần đầu tiên tổ chức ở Tp.HCM nên rất cần thiết và có ý nghĩa.*

Sách Kinh tế SVC Việt Nam rất hữu ích đối với tất cả các hội viên SVC, các nhà quản lý, kỹ thuật – dịch vụ SVC, các sinh viên và học sinh,... Ngoài ra, đây cũng là tài liệu quý báu phục vụ cho công tác xúc tiến mọi việc chuẩn bị đại hội IV của hội SVC Việt Nam sẽ được tổ chức vào cuối năm 2006.

*Vì xuất bản lần đầu, thời gian bị hạn chế nên sách **"Kinh tế SVC Việt Nam"** không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các hội viên SVC và của tất cả các bạn đọc gần xa để cuốn sách này hoàn thiện hơn cho lần tái bản sau.*

TRƯƠNG HOÀNG
P. Chủ tịch Hội SVC Tp.HCM
Ban chỉ đạo Nông nghiệp & PTNT UBND TP. Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

Năm 1993, tôi được tham dự khóa học về kinh tế vĩ mô do Bộ Kế hoạch và đầu tư tổ chức kết hợp với Trường ĐH Kinh tế Manchester và Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM tổ chức tại Tp.HCM. Đối tượng tham dự lớp học này là các giáo viên dạy kinh tế. Lúc đó tôi đang công tác ở Viện Kinh tế Tp. HCM. Tôi nhớ mãi câu nói của GS.TS. Paul Cook "Các anh chị sẽ học môn kinh tế, và tập trung vào kinh tế thị trường và hãy ứng dụng lý thuyết kinh tế thị trường vào thực tế của Việt Nam". Tôi xuất thân không phải nhà kinh tế mà là kỹ thuật nên không hề biết về "kinh tế, kế hoạch". Tôi nhận thấy kinh tế thị trường rất linh hoạt, uyển chuyển.

Sau này tôi được học thêm 1 khóa huấn luyện ở Trường ĐH Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về Kinh tế Môi trường và có điều kiện đi sâu vào lĩnh vực này vì công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản lý. Khi tìm hiểu về sinh vật cảnh (SVC) tôi bị cuốn hút, vì nhận thấy SVC là sản phẩm của thiên nhiên và con người, trong đó có sức lao động, óc sáng tạo, tình cảm và tâm hồn của con người tạo ra SVC mà mình yêu thích.

Vì vậy, SVC là loại hàng hóa đặc biệt. Người ta sẵn lòng chi trả tiền (WTP - Willingness to Pay) để có được mặt hàng SVC mà họ mê say và cũng sẵn sàng chấp nhận (WTA – Willingness to Accept) mất giá khi hàng hóa SVC bị xuống cấp, không đảm bảo "chất lượng và hình thức".

*Cuốn sách **"Kinh tế SVC Việt Nam"** gồm hai phần: Kinh tế lý thuyết và Kinh tế ứng dụng và các nội dung được thể hiện trong 7 chương và phần kết luận. Đây sẽ là công cụ kinh tế hỗ trợ các hội viên sản xuất, dịch vụ SVC đạt hiệu quả kinh tế cao để ngành SVC trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giúp nông dân thoát khỏi nghèo đói, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.*

Tôi chân thành cám ơn Ban đào tạo kiến thức SVC, cám ơn PGS.TS. Trần Hợp - Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, Dịch vụ SVC Tp.HCM, các cán bộ của Trung tâm và đặc biệt là anh Dư Hữu Đức – Trưởng ban Đào tạo. Chính anh đã động viên tôi, cho tôi mượn một số tài liệu về chuyên ngành SVC và cũng là người khích lệ tôi làm thơ: "Thơ về cây Xương Rồng ít người viết lắm, thơ về kích Cầu SVC thì tôi chưa nghe bao giờ, cô cứ thử xem".

Thời gian còn lại không nhiều mà khối lượng công việc quá lớn vì từ giáo trình chỉ viết sơ lược, chỉnh sửa lại để thành sách ra mắt bạn đọc không phải dễ dàng và tôi phải cố gắng hoàn thành trước Festival SVC Việt Nam vào đầu tháng 9.

Tôi rất cám ơn các học viên lớp Kinh tế SVC đầu tiên ở TX. Vĩnh Long, cám ơn Ban lãnh đạo Hội SVC tỉnh Vĩnh Long đã đến tham dự lớp học và có ý kiến đóng góp khi sử dụng phương pháp phân tích SWOT đối với hội SVC tỉnh Vĩnh Long.

Tôi mong muốn sách ***"Kinh tế SVC Việt Nam"*** *sẽ góp phần cho sự thành công của Festival SVC và là món quà nhỏ bé mừng Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 2/09/2006.*

Tôi chân thành cám ơn NXB Nông nghiệp đã giúp đỡ để sách "Kinh tế SVC Việt Nam" ra mắt bạn đọc đúng thời điểm và kế hoạch đã đề ra.

Tôi xin cám ơn ông, bà, bố, mẹ, các em Thắng, Hoa; chồng tôi Lê Trung Thực và con trai Lê Chính Tâm, các cán bộ, nhân viên của Trung tâm Nghiên cứu kỹ thuật và Quản lý môi trường đã giúp đỡ tôi và đặc biệt là mẹ tôi, bà Lê Thị Phan, một người rất thích thơ và làm nhiều bài thơ. Bà đã dạy cho tôi học thuộc thơ từ khi tôi còn rất nhỏ.

Tôi đã trải qua những năm tháng rất vất vả từ khi mới 9-10 tuổi, do chiến tranh, do cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn, phải đi mò cua, bắt ốc, đi lên rừng hái củi và đi bộ đến lớp và trường ở khá xa. Chính những năm tháng gian lao, vất vả đó mà tôi đã viết được những bài thơ. Tập thơ về kinh tế SVC gắn với

những cây-con làm cảnh điển hình tôi đã chọn để mô tả như cá Dĩa, cá Rồng, hoa Lan, cây Bonsai, cây Phát tài, cây Xương rồng và những vấn đề "kích cầu SVC" đúng với góc độ kinh tế.. Anh Nam ở huyện Bình Minh tỉnh Vĩnh Long đã họa lại bài thơ "Giá trị kinh tế của cây Bonsai" khi học xong kinh tế SVC:

"Học môn kinh tế vẫy vùng,
Bonsai quý hiếm vô cùng,
Vàng mười mới biết, vừa mừng, vừa lo."

"Cô Lan ơi, cứ lo hàng hóa SVC ở Vĩnh Long không có đầu ra nhưng cái chính là hàng phải đẹp, khách mà đặt với số lượng lớn như Mai Vàng hay Bonsai có gom lại cả tỉnh cũng không đủ. Tôi mừng là hết nghèo vì làm cây cảnh nhưng lo là phải đảm bảo chất lượng hàng hóa và uy tín không phải của mình mà còn cả của Hội Vĩnh Long nữa".

Tôi cũng xin cám ơn TS. David Glover, GS.TS. Hermi Francisco – Trung tâm Kinh tế môi trường các nước Đông Nam Á, cám ơn Ban lãnh đạo Viện Kinh tế Tp.HCM, cám ơn Cố Viện trưởng Viện Kinh tế, TS. Đặng Hữu Ngọc, TS. Trần Du Lịch, cám ơn Cố GS. TS. Thái Văn Trừng, và tập thể các nhà khoa học đã tham gia đề tài "Đánh giá tài nguyên sinh vật Tp.HCM và các tỉnh miền Đông Nam bộ", đã hướng dẫn cho tôi các kiến thức về sinh học khi tôi là thư ký khoa học từ năm 1990. Tôi cám ơn GS.TS. Đặng Trung Thuận, PGS.TS. Nguyễn Hoàn, và các thầy cô khoa Địa lý - Địa chất trường Đại học Khoa học Tự nhiên ĐHQG Hà Nội, PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, và cám ơn... tất cả các bạn gần xa đã giúp đỡ tôi trong thời gian qua.

Do thời gian biên soạn cuốn sách bị hạn chế, để kịp ra mắt bạn đọc dịp Quốc khánh và vì xuất bản lần đầu nên không tránh khỏi những sai xót nhất định. Chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của bạn đọc, đặc biệt là các hội viên SVC của các tỉnh thành trong cả nước để cuốn sách được hoàn thiện hơn cho kỳ tái bản lần sau.

Tác giả

PHẦN I.

KINH TẾ LÝ THUYẾT

Chương 1

NHỮNG KHÁI NIỆM VỀ KINH TẾ

1.1. Kinh tế học

- **Kinh tế học** là môn khoa học xã hội, nghiên cứu cách lựa chọn của con người và xã hội loài người trong việc sử dụng các nguồn lực khan hiếm để sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ nhằm thỏa mãn những nhu cầu ngày càng cao của con người và xã hội loài người trong hiện tại cũng như trong tương lai.
- **Kinh tế học** nghiên cứu và giải thích các hành vi của con người trong sản xuất, trao đổi và sử dụng hàng hóa, dịch vụ.
- **Kinh tế học** nghiên cứu, giải quyết ba vấn đề: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai trong quá trình tồn tại và phát triển xã hội.

Nguồn lực khan hiếm gồm có: nguồn nhân lực (lao động, tay nghề), đất đai, tài nguyên thiên nhiên, vốn (tiền, vàng bạc), tài sản, trình độ khoa học công nghệ, trang thiết bị,...

Kinh tế là phúc lợi, là tiết kiệm và hiệu quả, là các điều kiện sống và làm việc, hoạt động của con người và xã hội loài người.

Kinh tế là tổng thể (hoặc một bộ phận) các yếu tố sản xuất, các điều kiện vật chất của đời sống con người và các mối quan hệ vật chất giữa con người và con người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội ở một giai đoạn lịch sử nhất định mà mấu chốt là vấn đề sở hữu và vấn đề lợi ích (Đỗ Hoàng Toàn, 2002).

1.2. Phân loại kinh tế học

a) Theo tính chất:

Sự giải thích mang tính chủ quan và khách quan nên kinh tế học được chia thành 2 loại: kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc.

- **Kinh tế học thực chứng-Positive Economics** là kinh tế học giải thích sự hoạt động của một nền kinh tế một cách **khách quan**, một cách khoa học.
- **Kinh tế học chuẩn tắc- Normative Economics** là kinh tế học giải thích sự hoạt động của một nền kinh tế một cách **chủ quan,** phụ thuộc vào cá nhân hay xã hội giải thích hay đánh giá và yêu cầu phải lựa chọn theo mức độ ưu tiên. **Kinh tế chuẩn tắc** liên quan đến đạo lý và đánh giá về giá trị như: Lạm phát cao đến mức nào có thể chấp nhận được? Có nên dùng thuế để lấy của người giàu giúp người nghèo không? Đó là những vấn đề liên quan đến những ý kiến chủ quan.

Với mục tiêu xã hội cho trước, các nhà kinh tế có thể sử dụng kiến thức để phân tích vấn đề và kiến nghị cách thức cần phải làm để đạt được mục tiêu đó.

Các nhà kinh tế có thể bất hòa với nhau trên các vấn đề chính sách, bởi vì họ theo đuổi các mục tiêu khác nhau: Người này thì chú trọng công bằng xã hội; người khác quan tâm đến tự do kinh doanh nhiều hơn, v.v... nên người ta thường nói "hai nhà kinh tế có 3 ý kiến đưa ra" nhưng kinh tế là động lực và mục tiêu của sự phát triển.

b) Theo quy mô:

Kinh tế chia ra 2 loại vĩ mô và vi mô.

- **Kinh tế vĩ mô –Macro-economics:** là khoa học nghiên cứu nền kinh tế tổng thể quy mô lớn của Quốc gia, vùng lãnh thổ hay thế giới, những vấn đề chung về thị trường, chiến lược phát triển, kinh tế của Nhà nước.
- **Kinh tế vi mô –Micro-economics:** là khoa học nghiên

cứu những vấn đề cụ thể như quan hệ người với người, quan hệ cung-cầu, giá thị trường, thái độ của người tiêu dùng (Customer) và người sản xuất (Producer) trong việc ra các quyết định kinh tế, kinh tế doanh nghiệp.

1.3. Các hê thống kinh tế

Có 3 hệ thống kinh tế: Mệnh lệnh và Kiểm soát (Command & Control – C&C), thị trường (Market) và hỗn hợp.

a) Kinh tế Mệnh lệnh và Kiểm soát:

Nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước quyết định các vấn đề kinh tế cơ bản: sản xuất cái gì, như thế nào và sản xuất cho ai.

Nền kinh tế Mệnh lệnh và kiểm soát có những ưu và nhược điểm sau:

Ưu điểm:

- Quản lý được tập trung thống nhất nên giải quyết được những cân đối lớn của nền kinh tế.
- Giải quyết những nhu cầu xã hội công cộng.
- Hạn chế sự phân hóa giàu – nghèo, bất công xã hội.

Nhược điểm:

- Bộ máy quản lý cồng kềnh dễ dẫn đến quan liêu, bao cấp, thiếu nhạy bén đối với sự thay đổi của nhu cầu thị trường.
- Phân phối nguồn lực kém hiệu quả đưa đến kiềm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất và năng suất lao động xã hội.
- Lãng phí tài nguyên thiên nhiên, nguyên vật liệu, tài sản công "Cha chung, không ai khóc", có những quyết định không phù hợp hoặc cản trở phát triển kinh tế của Nhà nước nhưng không ai là người chịu trách nhiệm.

b) Kinh tế thị trường – Market Economics

Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Việc giải quyết những vấn đề cơ bản: sản xuất cái gì, như thế nào và cho

ai đều thông qua hoạt động trên thị trường, thông qua Cung - Cầu, quan hệ cạnh tranh và giá cả thị trường.

Nền kinh tế thị trường có những ưu và nhược điểm sau:

Ưu điểm:

- Phát huy tính năng động sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thể hiện trình độ cao của nền kinh tế sản xuất hàng hóa.
- Đáp ứng kịp thời những nhu cầu luôn thay đổi của xã hội, nền kinh tế động lực có sự cạnh tranh, sản xuất gắn với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa.
- Đào thải những mặt yếu kém, chỉ những ai sản xuất những hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường cả về mặt chất và lượng thì mới tồn tại và phát triển và ngược lại.

Nhược điểm:

- Sản xuất luôn mất cân đối, lúc nhiều lúc ít nên thường xuyên mất cân đối trong nền sản xuất xã hội.
- Độc quyền.
- Sự phân hóa các tầng lớp xã hội diễn ra sâu sắc.
- Không đáp ứng nhu cầu công cộng rất cần cho xã hội vì lợi nhuận thấp hoặc không có lợi nhuận.
- Cạnh tranh, phá sản dẫn đến các hậu quả xã hội.
- Vì lợi nhuận dẫn đến kinh doanh lừa đảo, làm hàng giả, hàng nhái, dẫn đến các tệ nạn tham nhũng, hối lộ, tệ nạn khác, gây ô nhiễm môi trường sống, v.v.

c) Kinh tế hỗn hợp:

Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Chính phủ. Nền kinh tế hỗn hợp đòi hỏi việc giải quyết những vấn đề kinh tế cơ bản: sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai không thông qua thị trường nhưng có sự tham gia quản lý của Nhà nước khi cần thiết.

Trong nền kinh tế hỗn hợp, việc bảo vệ và phát triển quan

hệ cung, cầu, cạnh tranh, tôn trọng giá cả thị trường là cần thiết đồng thời phải tăng cường vai trò kinh tế và sự can thiệp của Nhà nước bằng các chính sách kinh tế.

Sự can thiệp của Nhà nước nhằm khắc phục những nhược điểm của nền kinh tế thị trường.

d) Mối quan hệ giữa các hệ thống kinh tế

Hiện nay trên thế giới hầu như các Quốc gia đều đang chọn mô hình kinh tế hỗn hợp để vận hành nền kinh tế nước mình. Có thể nói đây là một mô hình hiện đại và phù hợp với giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, ở mỗi Quốc gia có sự vận dụng khác nhau. Sự khác nhau thể hiện ở chỗ có Quốc gia chủ trương Nhà nước can thiệp nhiều, có Quốc gia chủ trương can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế ở mức độ ít hơn. Việt Nam cũng đang phát triển theo mô hình này, nhưng có điểm khác là chúng ta chủ trương định hướng phát triển kinh tế xã hội theo chủ nghĩa xã hội.

Tóm lược mối quan hệ các hệ thống kinh tế thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.1 **So sánh các hệ thống kinh tế**

Vấn đề kinh tế	**Kinh tế kế hoạch**	**Kinh tế thị trường**	**Kinh tế hỗn hợp**
1. Sản xuất cái gì?	Do Nhà nước quyết định	Do nhu cầu và giá hàng hóa trên thị trường	Do cung - cầu trên thị trường và có sự tác động điều chỉnh của Nhà nước
2. Sản xuất như thế nào?	Do Nhà nước quyết định	Do lợi nhuận quyết định	Do lợi nhuận quyết định và chịu sự điều tiết của Nhà nước
3. Sản xuất cho ai?	Do Nhà nước quyết định	Do thu nhập của người tiêu dùng quyết định	Do thị trường & Nhà nước quyết định

Trong nền kinh tế mệnh lệnh và kiểm soát Nhà nước quyết định về sản xuất và tiêu thụ hàng hóa. Cơ quan kế hoạch của Nhà

nước sẽ quyết định sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai. Sau đó các hướng dẫn cụ thể được phổ biến đến các gia đình và các công ty, công nhân viên chức... Trong nền kinh tế hỗn hợp khu vực Nhà nước và khu vực tư nhân có quan hệ chặt chẽ với nhau trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế. Nhà nước kiểm soát một phần đáng kể về cung cấp hàng hóa và dịch vụ công cộng cho xã hội.

1.4. Quan hệ Cung-Cầu hàng hóa & dịch vụ

a) Cầu hàng hóa:

- **Cầu (Demand)** hàng hóa và dịch vụ là số lượng hàng hóa và dịch vụ mà người mua muốn mua và có khả năng mua ở mỗi mức giá nhất định.

Cầu hàng hóa và dịch vụ khác với nhu cầu. Đây có nghĩa là nhu cầu có khả năng thanh toán chứ không phải bất cứ nhu cầu nào.

Cầu hàng hóa và dịch vụ có mối quan hệ nghịch với giá cả của chính hàng hóa dịch vụ đó. Nghĩa là, khi giá của hàng hóa dịch vụ đó giảm thì cầu hàng hóa dịch vụ đó tăng lên và ngược lại.

Đường Cầu là một đồ thị biểu diễn mối quan hệ giữa cầu hàng hóa và dịch vụ với giá cả của chính hàng hóa và dịch vụ đó.

Đường cầu có thể là một đường cong, đường thẳng, đường gãy khúc...

Quy luật cầu được thể hiện như sau: Nếu các nhân tố khác không thay đổi như giá hàng hóa liên quan, thu nhập của người tiêu dùng, thị hiếu, v.v...) thì cầu hàng hóa và dịch vụ tăng lên khi giá cả của hàng hóa và dịch vụ đó giảm xuống và ngược lại.

Mối quan hệ giữa giá của hàng hóa và dịch vụ đó với số lượng cầu về được thể hiện bằng một **hàm tuyến tính** có dạng sau:

$$Q(d) = a - b*P$$

Trong đó: Q(d) – Quantity : Số lượng Cầu

P – Price : Giá hàng hóa

a, b : Hằng số

Trên thực tế đường Cầu có dạng đường cong và mối quan hệ số lượng hàng hóa Cầu và giá hàng hóa là không tuyến tính.

b) Cung hàng hóa:

Cung (Supply) hàng hóa và dịch vụ là số lượng hàng hóa và dịch vụ mà người bán (người cung cấp, người sản xuất) muốn và có khả năng bán tại mỗi mức giá nhất định.

Cung hàng hóa và dịch vụ có mối quan hệ với giá cả của chính hàng hóa và dịch vụ đó. Đây là một quan hệ thuận, nghĩa là, khi giá cả hàng hóa giảm thì cung tăng và ngược lại.

Nếu quan hệ giữa giá cả hàng hóa và dịch vụ với Cung hàng hóa và dịch vụ được trình bày bằng một đồ thị thì gọi là **đường Cung**.

Quy luật Cung được thể hiện như sau: nếu các nhân tố khác không thay đổi như giá các yếu tố sản xuất, trình độ công nghệ, giá kỳ vọng, v.v thì Cung hàng hóa và dịch vụ tăng lên khi giá chính của hàng hóa và dịch vụ đó tăng lên và ngược lại.

Hàm số Cung có dạng tuyến tính như sau:

$$Q(s) = c + d*P$$

Trong đó: Q(s) - Quantity : Số lượng Cung

P- Price : Giá hàng hóa

c, d : Hằng số

Trên thực tế, đường Cung có dạng đường cong và mối quan hệ số lượng hàng hóa Cung và giá hàng hóa là không tuyến tính.

c) Mối quan hệ Cung-Cầu:

Mối quan hệ Cung - Cầu thể hiện qua mối quan hệ giữa những người Sản xuất (Producers) và những người Tiêu dùng (Customers) thông qua giá hàng hóa và số lượng hàng hóa trên thị trường.

Quy luật Cung-Cầu biểu hiện quan hệ giữa Cung và Cầu hàng hóa, dịch vụ thông qua Giá, tác động trực tiếp đến Giá và phương hướng sản xuất tiêu dùng của xã hội.

Đường Cung SS cho chúng ta biết người Sản xuất mong muốn bán như thế nào đối với mỗi giá hàng hóa mà họ nhận trên thị trường.

Đường Cầu DD cho chúng ta biết người Tiêu dùng mong muốn mua với giá bao nhiêu đối với mỗi đơn vị hàng hóa mà họ phải trả.

Hai đại lượng Cung -Cầu thay đổi theo quy luật ngược chiều nhau và ấn định mức giá mà cả người mua và người bán đều chấp nhận được.

Hai đường SS và DD cắt nhau tại điểm E và **điểm E là điểm cân bằng** giữa giá và số lượng hàng hóa hay còn gọi là điểm cân bằng thị trường.

Cân bằng Cung - Cầu thể hiện trên hình 1.1.

Cung và Cầu không phải lúc nào cũng trong trạng thái cân bằng. những người sản xuất sẽ cố gắng sản xuất và bán hàng nhiều hơn mức mà người tiêu dùng muốn mua. Khi số hàng hóa dư thừa gia tăng, người sản xuất bắt đầu giảm giá. Khi giá hàng hạ xuống lượng Cầu về hàng hóa gia tăng và lượng Cung sẽ giảm cho tới khi giá cân bằng ở mức $\mathbf{P_0}$.

Sự thay đổi của Cung - Cầu có thể xảy ra những trường hợp như sau:

- Cung không thay đổi, Cầu thay đổi
- Cầu không thay đổi, Cung thay đổi
- Cả Cung và Cầu đều thay đổi

d) Sự tác động của Nhà nước đối với Cung - Cầu:

- Kiểm soát giá cả bằng giá trần đối với những hàng hóa đang khan hiếm trên thị trường (cung cấp tem phiếu gạo thời kỳ bao cấp, giá xăng, dầu), giá sàn (mua lượng nông sản dư thừa của nông dân).
- Sử dụng công cụ Thuế (Tax): Các loại thuế sẽ làm cho hàng hóa gia tăng làm ảnh hưởng đến Cung - Cầu hàng hóa trên thị trường.
- Hạn chế Cung bằng cách khuyến khích nông dân tạm ngưng không canh tác một sản phẩm nào đó để giảm cung cấp sản phẩm này trên thị trường nhằm làm tăng giá hàng

hóa trên thị trường.

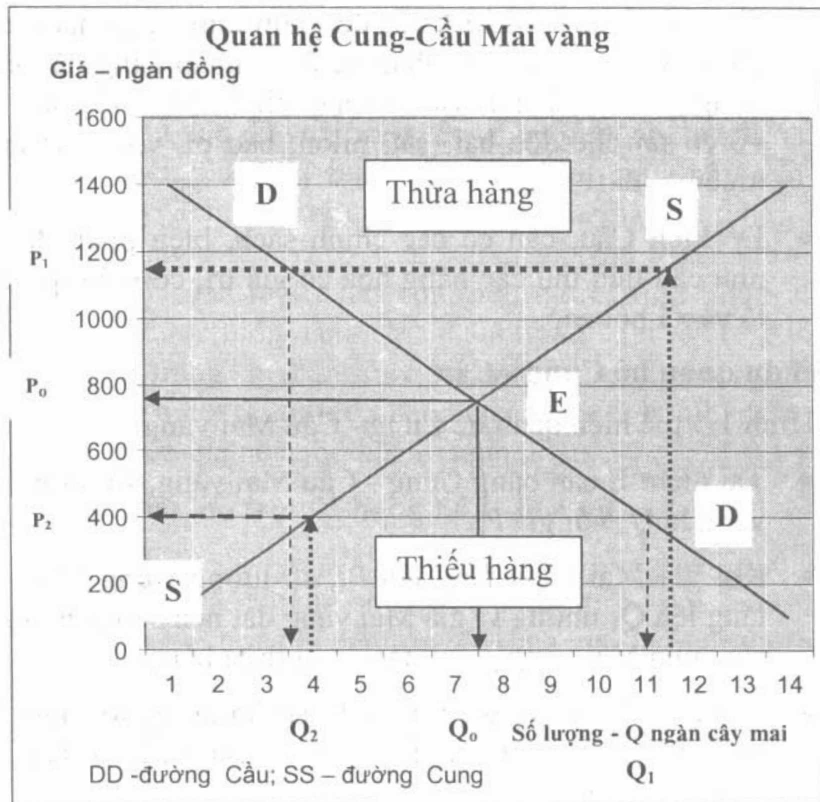
- Ngoài ra Nhà nước còn dùng chính sách thuế bảo hộ mậu dịch, thuế xuất nhập khẩu để giảm cung cấp hàng nhập khẩu. Ví dụ tăng thuế nhập xe ô tô, nhập hàng đã qua sử dụng (Second hand) và cấm hay phạt nặng việc nhập rác vô cơ tái chế độc hại (sắt, nilon, bao bì, v.v...) vì gây ô nhiễm môi trường.
- Để kích Cầu, cần có các chính sách, biện pháp để tăng nhu cầu tiêu thụ các hàng hóa có giá trị, có hiệu quả kinh tế và xã hội cao.

e) Ví dụ quan hệ Cung - Cầu

Hình 1.1 thể hiện quan hệ Cung - Cầu Mai vàng:

- Tại điểm E cân bằng Cung - Cầu Mai vàng, số lượng Mai vàng là Q_0 với giá P_0.
- Khi giá Mai vàng tăng lên P_1, số lượng Cung Mai vàng tăng lên Q_1 nhưng vì giá Mai vàng đắt nên số lượng người cần mua Mai vàng giảm, tạo ra sự thừa hàng.
- Khi giá Mai vàng giảm đến P_2, số lượng người mua Mai vàng lại gia tăng nhưng lượng hàng cung cấp có hạn, nên bị thiếu hàng.
- Khi khan hiếm Mai trên thị trường, giá Mai lại tăng lên.

Hình 1.1. Quan hệ Cung - Cầu Mai vàng



1.5. Giá hàng hóa và dịch vụ

Trong quan hệ Cung - Cầu, giá hàng hóa và dịch vụ tăng hay giảm theo thị trường.

- **Giá bán lẻ và giá bán sỉ**

Giá bán sỉ (Wholesale Price - bán buôn) được bán cho các đại lý, cung cấp số lượng hàng hóa khá lớn. Giá bán lẻ là giá bán trực tiếp cho người tiêu dùng thông qua đại lý các cấp (Wholesale dealer) hay trực tiếp từ người sản xuất. Việc mua bán tuân theo các Mối quan hệ làm ăn lâu dài và nhiều khi thực hiện theo hình thức "Gối đầu", có nghĩa là bán lô hàng sau, lấy tiền lô hàng trước. Tùy thuộc vào quan hệ Bạn hàng và chủng loại hàng

hóa, số tiền gối đầu và thời gian "gối đầu" sẽ được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định.

Ở các chợ hay trên thị trường nói chung khi mua bán hàng người mua và người bán chào mời bán hàng, **mặc cả (bargain)**, "cò kè bớt một thêm hai" việc trả giá sẽ được kết thúc khi hai bên mua – bán thỏa thuận được giá "thuận mua vừa bán".

Hiện nay, giá các hàng hóa bán trong Siêu thị được ghi trên bao bì, người mua không phải trả giá. Một số các của hàng các công ty cũng thống nhất bán hàng theo giá đã ghi trên bao bì và người mua sỉ sẽ được chiết khấu theo số phần trăm của giá bán hàng theo thỏa thuận.

Đối với các dịch vụ và mua bán các loại hàng hóa đặc biệt còn có 2 loại giá đó là: ***Giá sẵn lòng chi trả – Willingness To Pays (WTP) và giá sẵn lòng chấp thuận hay chấp nhận (Willingness To Accept –WTA).***

- **Giá sẵn lòng chi trả (WTP)**

Để đo lường lợi ích trong xã hội, một khái niệm thường được các nhà kinh tế sử dụng là "giá sẵn lòng chi trả". Đây là khái niệm cơ bản về sự ưa thích cơ bản của cá nhân đối với hàng hóa và dịch vụ. Bởi vì trong nền kinh tế hiện đại có hàng ngàn, hàng vạn ngàn hàng hóa và dịch vụ khác nhau; mỗi cá nhân có sự ưa thích đối với một số loại hàng hóa nào đó trong tổng lượng hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra trong nền kinh tế. Dĩ nhiên, khi cá nhân đã ưa thích hàng hóa nào đó, thì họ sẵn lòng trả tiền để có loại hàng hóa đó và do đó họ sẽ từ bỏ việc tiêu thụ loại hàng hóa khác. Điều này cũng phù hợp đối với một xã hội phát triển.

Xét về bản chất kinh tế, một người có được "lợi ích" thì họ vui lòng trả tiền để có nó. Như vậy, lợi ích mà người ta thu được là bằng số tiền mà họ bằng lòng chi trả để có nó. Điều này mang tính chất chi trả cho sự hưởng thụ hàng hóa mà họ mong đợi để ngắm nhìn, thưởng thức tác phẩm nghệ thuật hay muốn nổi danh hay muốn làm chủ các sản phẩm được tổ chức đấu thầu. Người ta sẵn lòng chi trả giá cao trong đấu thầu để dành phần thắng.

- **Giá sẵn lòng chấp nhận (WTA)**

Đây là giá bán hàng hóa khi món hàng đó không được giá như mình mong muốn nhưng vì có một số nhu cầu bức xúc như "kẹt tiền quá, bán đại", "chơi chán rồi không thích nữa", tồn nhiều hàng quá sắp hết hạn sử dụng, giảm giá, "bán đổ bán tháo" thu hồi một phần vốn đầu tư, hoặc cây trồng bị bệnh, hay trái cây đến vụ thu hoạch phải bán gấp không sẽ bị hư hỏng hay tôm cá không bán ngay sẽ bị chết bị ươn, thối, v.v. Giá này thấp hơn giá mong đợi rất nhiều lần. Đây là một loại giá mà trong khi làm kinh tế cần phải đặc biệt quan tâm, nếu người tinh khôn nhìn nhận đánh giá được món hàng chưa "tân trang" giá rẻ họ sẽ mua và sau khi "tân trang" họ bán sẽ có lời nhiều. Trong nhiều trường hợp nếu không biết cơ hội món hàng chào bán sẽ còn bị mất giá liên tiếp khi bị ép giá hoặc bị thua lỗ hoàn toàn.

- **Bù giá hay hỗ trợ giá hàng hóa, dịch vụ**

Trong thời kỳ bao cấp, tất cả hàng hóa đều phân phối do khan hiếm và giá gạo quá rẻ so với thị trường nên cái cảnh mọi người xếp hàng dài từ sáng đến trưa để mua gạo là bình thường. Hiện nay Nhà nước vẫn còn phải bù giá một số hàng hóa phục vụ cho phúc lợi công cộng như giá xăng dầu, hoặc ở mức quy định tiêu thụ điện, nước sạch, thu gom xử lý rác, xử lý nước thải, thoát nước đô thị hay làm cầu, đường giao thông đi lại, v.v... Trong sản xuất nông nghiệp Nhà nước bù giá thủy lợi phí, giá phân bón, giá thu mua nông sản, hỗ trợ khi mất mùa hay sâu bệnh, dịch bệnh như cúm gia cầm, v.v .

Đối với dịch vụ trong đó hỗ trợ giá phí đào tạo dạy nghề, y tế v.v...

- **Trượt giá**

Do lạm phát, giá vàng, đô la, giá một số hàng hóa vật liệu thay đổi nên có sự trượt giá. Trong tính toán thống kê để có thể so sánh cùng mặt bằng giá sản phẩm, doanh thu, giá trị tổng sản phẩm trong một khoảng thời gian nhất định, giá thực tế của từng năm sẽ được quy đổi tất cả theo giá cố định của một năm được chọn.

Trượt giá có vai trò rất quan trọng khi chúng ta phân tích tiền lời bán những sản phẩm phải đầu tư trong thời gian dài. Theo doanh thu giá tuyệt đối hàng hóa bán ra có lời nhưng so với giá vàng quy đổi thì không có lời mà lại bị thua lỗ. Như vậy trong kinh doanh tưởng là lời mà không có lời là như vậy.

Những khái niệm về giá này có ý nghĩa rất thiết thực đối với tất cả những người sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là những người sản xuất nhỏ, hay thực hiện trên quy mô kinh tế hộ gia đình.

1.6. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế vĩ mô

- **Tổng sản phẩm Quốc dân (GNP - Gross National Product)**

GNP tức Tổng sản phẩm quốc dân hay Tổng sản phẩm quốc gia là một chỉ tiêu kinh tế đánh giá sự phát triển kinh tế của một đất nước. GNP được tính là tổng giá trị bằng tiền của các sản phẩm cuối cùng và dịch vụ mà công dân của một nước làm ra trong một khoảng thời gian nào đó, thông thường là một năm tài chính, không kể làm ra ở đâu (trong hay ngoài nước).

Tổng sản phẩm Quốc dân là toàn bộ giá trị mới do công dân một nước tạo ra trong một thời gian nhất định, thường là một năm.

GNP là chỉ tiêu đo lường giá trị mới do công dân một nước tạo ra không kể là công dân nước đó đang ngụ cư ở nước nào.

Giá trị mới hay giá trị gia tăng (**Value Add**), là lượng gia tăng trong giá trị của hàng hóa và dịch vụ do kết quả của quá trình sản xuất, kinh doanh tạo ra.

Ví dụ: GNP của Việt Nam năm 2006 là tất cả giá trị gia tăng so với năm 2005 của toàn bộ người Việt Nam làm ra trong năm 2006, dù họ ở bất kỳ nước nào trên thế giới.

Chỉ có sản phẩm cuối cùng mới được tính trong thu nhập quốc gia, đó là những sản phẩm được sản xuất mới. Ví dụ, một nhà máy sản xuất mỹ phẩm do chủ sở hữu là công dân Hàn Quốc đầu tư tại Việt Nam **thì lợi nhuận sau thuế** từ nhà máy sẽ được tính là một phần của GNP của Hàn Quốc, không phải của Việt Nam vì sử dụng vốn trong sản xuất (nhà xưởng, máy móc,

v.v...) là thuộc sở hữu của người Hàn Quốc. Lương của công nhân người Việt là một phần GNP của Việt Nam, trong khi lương của công nhân Hàn Quốc làm việc tại Việt Nam là một phần GNP của Hàn Quốc.

- **Tổng sản phẩm Quốc nội (GDP – Gross Domestic Product)**

Tổng sản phẩm Quốc nội là toàn bộ giá trị mới được tạo ra trên lãnh thổ một Quốc gia trong một thời gian nhất định, thường là một năm.

Tổng sản phẩm Quốc nội đo lường kết quả giá trị mới làm ra của tất cả hoạt động kinh tế xảy ra bên trong lãnh thổ của đất nước không kể hoạt động đó do công dân của nước nào (mang quốc tịch nào) đang ở nước đó.

Ví dụ: GDP của Việt Nam năm 2006 là là tất cả giá trị gia tăng so với năm 2005 của tất cả mọi người, tất cả các tổ chức đã làm ra trên lãnh thổ Việt Nam trong năm 2006, dù họ là người của bất kỳ nước nào (quốc tịch nào) trên thế giới. Đây là chỉ tiêu quy hoạch rất quan trọng của phát triển kinh tế xã hội mà ta thường nghe trên TV, báo đài và tiếng Anh viết tắt này nhiều khi không dịch ra tiếng Việt Nam.

Phân biệt giữa GDP và GNP:

Giống nhau: Đều được tính toán trên cơ sở giá trị gia tăng không phải tính trên toàn bộ giá trị làm ra trong thời kỳ đó. Khi dùng phương pháp sử dụng giá trị mới sẽ giúp tránh được sự trùng lặp trong tính toán.

Giá trị mới (VA) = Tổng giá trị sản xuất – Chi phí trung gian

Tổng giá trị sản xuất (**GO – Gross Output**) là toàn bộ giá trị hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra. Chi phí trung gian là giá trị của hàng hóa trung gian đóng vai trò đầu vào cho quá trình sản xuất kinh doanh và được sử dụng hết trong quá trình đó (nguyên vật liệu, nhiên liệu).

Khác nhau: GDP là giá trị gia tăng được tính theo lãnh thổ, nghĩa là mọi người không kể mang Quốc tịch nào hiện đang

sống trên phạm vi lãnh thổ của Quốc gia khi làm ra giá trị gia tăng đều được tính vào GDP. Nếu công dân Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, khi làm ra giá trị gia tăng thì không được tính vào GDP của Việt Nam.

GNP là giá trị gia tăng được tính theo quyền sở hữu, nghĩa là mọi công dân của Quốc gia hiện tại họ đang sinh sống, mặc dù họ mang Quốc tịch của các nước khác nhau nhưng khi làm ra giá trị gia tăng đều được tính vào GNP của Quốc gia này.

Như vậy GDP và GNP khác nhau ở phần thu nhập ròng từ nước ngoài (**NIA- Net Income From Abroad**).

NIA = Thu nhập từ các yếu tố (xuất khẩu Export-nhập khẩu Import)

Như vậy **GNP = GDP + NIA**

có thể NIA< 0; NIA >0 hoặc NIA=0.

- **Tổng thu nhập Quốc gia (GNI – Gross National Income)**

GNI là Tổng thu nhập quốc gia hay Tổng thu nhập quốc dân, dựa trên cơ sở thu nhập của các công dân. Giá trị của nó tương đương với giá trị của Tổng sản phẩm quốc gia-GNP.

- **Mức sống dân cư:**

Thu nhập bình quân đồng/người/tháng, diện tích cây xanh m^2/người, nhu cầu cấp nước sạch lít/người/tháng, nhà ở m^2/người, các tiện nghi khác: điện thoại/1.000 người, xe máy/1.000 người, TV/hộ gia đình, v.v. Tỷ lệ dân thoát khỏi nghèo đói, tỷ lệ dân được cung cấp điện, nước sạch, tỷ lệ các hộ gia đình có nhà xây, trình độ văn hóa, v.v.

Đây là những chỉ tiêu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố và rộng lớn hơn cho cả vùng kinh tế, của quốc gia hoặc của cả châu lục hoặc của cả thế giới theo từng giai đoạn ngắn hạn hoặc dài hạn.

1.7. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Bảo vệ môi trường (Environmental Protection) là các

hoạt động làm cho môi trường trong lành, sạch đẹp, cải thiện môi trường, đảm bảo cân bằng sinh thái, ngăn chặn, khắc phục hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. *(Luật BVMT).*

Phát triển bền vững (Sustainable Development) là sự phát triển đáp ứng những nhu cầu cho đời sống hôm nay, nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng cho nhu cầu cuộc sống của các thế hệ khác trong tương lai.

Phát triển là quá trình nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần của con người bằng phát triển sản xuất, cải thiện mối quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, tinh thần cho mọi người dân trong xã hội.

Chương 2.

PHÂN TÍCH CHI PHÍ - LỢI ÍCH

2.1. Khái niệm về phân tích Chi phí - Lợi ích.

Phân tích Chi phí - Lợi ích (**Cost Benefit Analysic-CBA**) là một trong những phương pháp được sử dụng để phân tích các chi phí và lợi ích của một dự án đầu tư cụ thể.

Phân tích Chi phí - Lợi ích được ước lượng và tính tổng giá trị bằng tiền tương đương đối với những lợi ích và chi phí của cộng đồng từ các dự án nhằm xác định xem chúng có đáng để đầu tư hay không.

Phân tích chi phí – lợi ích là một công cụ đặc biệt hữu ích. Sử dụng phương pháp này giúp chúng ta thực hiện các công việc sau:

- Xác định biện pháp hiệu quả nhất trên chi phí cần được thực hiện.
- Xây dựng trình tự tối ưu trong việc thực hiện các biện pháp.
- Kiểm chứng tính hiệu quả kinh tế của biện pháp hiện hữu.
- Kiểm tra mức độ khả thi của dự án đầu tư hay kế hoạch thực hiện hoặc rộng hơn nữa là chiến lược.
- Xác định chỉ tiêu đạt được với một ngân sách hiện thực.

Phân tích chi phí - lợi ích cho phép đánh giá nhiều yếu tố trong cơ cấu lợi ích và chi phí về bản chất rất rõ ràng. Vì vậy cần phải có một đơn vị đo lường chung, với tất cả khía cạnh: cả yếu tố tích cực và tiêu cực phải được thể hiện bằng tiền. Đối với Việt Nam sử dụng đồng Việt Nam hay các loại tiền thông dụng như đô la Mỹ, đô la Canada, đồng Euro, đồng Yên của Nhật Bản, v.v... theo tỷ hối đoái của Ngân hàng ứng với từng khoảng thời

gian giao dịch.

Sự đánh giá về chi phí và lợi ích phản ánh những ưu tiên được thể hiện thông qua các lựa chọn.

Ngoài ra, những đánh giá chi phí và lợi ích phản ánh được ý kiến của người tiêu dùng và nhà sản xuất thể hiện qua hành vi thực tế.

Phân tích Chi phí - Lợi ích là một phương pháp thẩm định hợp lý các dự án nhằm xác định liệu các dự án đó có khả thi hay không, đồng thời là phương pháp lựa chọn tốt nhất một trong một vài dự án tương đương.

2.2. Chi phí

- **Khái niệm về Chi phí:**

Chi phí (Cost) là sự phải trả tiền để trao đổi, mua bán hàng hóa, chi phí để thực hiện một công việc, hoặc một hoạt động, hoặc chi về thời gian, sức lực, v.v..., được tính bằng tiền.

- **Các loại Chi phí:**

❖ ***Chi phí cố định và chi phí biến đổi.***

- Chi phí cố định - ***Fixed Cost***: là những chi phí cho đất đai, nhà cửa, máy, thiết bị, v.v... Chi phí cho tài sản cố định sẽ được khấu hao trong một khoảng thời gian nhất định và sẽ được tính toán khấu hao hàng năm.
- Chi phí biến đổi - ***Variable Cost*** hay biến phí là chi phí cho hoạt động của công ty, doanh nghiệp, các đơn vị tổ chức: tiền lương, tiền mua nguyên vật liệu, phúc lợi xã hội, v.v... là chi phí vận hành.

❖ ***Chi phí cơ hội - Opportunity Cost***

Chi phí cơ hội là những chi phí phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện một công việc hoặc giải quyết hậu quả kinh tế -xã hội & môi trường, những tác động ở dạng tiềm ẩn hoặc không trực tiếp đến con người và các hoạt động của nó.

Ví dụ: Chi phí cho việc đi lại được tính bằng tiền xăng xe,

thời gian phải mất đi trên đường, tiền chi phí do tổn hao sức khỏe, bỏ cơ hội có lợi ích cao hơn để thực hiện công việc khác thay cho công việc đang phải làm v.v...

- ❖ ***Chi phí Nội tác (Internal Cost):*** Chi phí bên trong của cơ sở sản xuất, hay doanh nghiệp hoặc đơn vị dịch vụ thương mại.
- ❖ ***Chi phí Ngoại tác (External Cost):*** Chi phí phát sinh bên ngoài nhà máy hay cơ sở sản xuất, trong đó có những chi phí giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- ❖ ***Chi phí cận biên (Marginal Cost)***

Cân bằng giữa sự sẵn lòng trả tiền (Willingnes To Pay) và Chi phí cận biên (Marginal Cost) khi xã hội đạt được một tình trạng kinh tế tối ưu. Đó chính là **Tối ưu Pareto.** Khái niệm trên đã được triết gia người Ý, Pareto (1909) sử dụng trong tình trạng kinh tế tối ưu. Khái niệm này gọi là tối ưu Pareto, được xác định là một tình trạng kinh tế trong đó không ai có thể giàu lên mà không làm người khác nghèo đi. Tối ưu Pareto đạt được khi tất cả có khả năng làm tăng phúc lợi đã được sử dụng hết.

Ý nghĩa cơ bản của tối ưu Pareto là có sự cân bằng giữa số lượng của hàng hóa được sản xuất ra và hàng hóa được sử dụng.

2.3. Lợi ích

Lợi ích **(Benefit)** là sự thỏa dụng (utility), nhưng "lợi ích" còn ngụ ý thêm một nghĩa về tính xác định và tính đo lường. Vì vậy, chúng ta sẽ sử dụng từ "sự thỏa dụng" cho khái niệm cơ bản về sự thỏa mãn nhiều hơn, và "lợi ích" được dùng cho khái niệm về sự thu được lợi thực tế. Lợi ích có được do tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ, do đó, để đo lường chúng ta phải bắt đầu từ cách tăng sự thỏa dụng thúc đẩy tiêu dùng. Về mặt cá nhân, lợi ích được xem như là sự thỏa mãn nhu cầu của con người và việc gì làm giảm sự thỏa mãn của con người đó là chi phí.

Lợi ích từ việc giảm chi phí. Sử dụng ***phương pháp Thay thế*** (***Replacement Method***) để thay thế chi phí bằng lợi ích thu

được từ việc tiết kiệm được trong điều kiện bình thường.

Theo cách thông thường lợi ích ròng (***Net Social Benefit - NSB)*** là lợi ích trừ đi chi phí. Trong nội dung xã hội của phân tích chi phí - lợi ích. Lợi ích xã hội ròng được tính bằng cách lấy giá sẵn lòng trả trừ đi chi phí cơ hội.

2.4. Tính toán phân tích Chi phí - Lợi ích

Phân tích chi phí - lợi ích là một phương pháp để đánh giá sự mong muốn tương đối giữa các phương án cạnh tranh nhau, khi sự lựa chọn được đo lường bằng giá trị kinh tế tạo ra cho toàn xã hội.

Phương pháp này tìm ra sự đánh đổi giữa các lợi ích thực mà xã hội có được từ một phương án cụ thể với các nguồn tài nguyên thực mà xã hội phải từ bỏ để đạt được lợi ích đó. Theo cách này, đây là phương pháp ước tính sự đánh đổi thực giữa các phương án, nhờ đó giúp xã hội đạt được những lựa chọn được các dự án ưu tiên về lợi ích kinh tế.

Nói rộng hơn, phân tích lợi ích-chi phí là một khuôn khổ nhằm tổ chức thông tin, liệt kê những thuận lợi và bất lợi của từng phương án, xác định các giá trị kinh tế có liên quan và xếp hạng các phương án dựa trên tiêu chí kinh tế của một dự án triển khai, thực hiện.

Vì vậy, phân tích lợi ích-chi phí là một phương thức để thực hiện sự lựa chọn không phải là một phương pháp để đánh giá sự ưa thích của một dự án đầu tư cụ thể.

- **Các bước tính toán trong phân tích Chi phí - lợi ích**

***Bước 1*:** Liệt kê các chi phí liên quan đến dự án:

Nếu ta gọi Chi phí mà dự án đưa lại ở năm thứ nhất là C_1, ở năm thứ 2 là C_2, và ở năm thứ n là C_n, thì tổng chi phí mà dự án là:

$$\sum_{t=1}^{n} Ct = C_1 + C_2 + \ldots + C_n$$

Trong đó:

Ct: Chi phí dự án hoạt động ở năm thứ t.

T : Thời gian hoạt động của dự án t = 1, 2,…, n năm.

Trước khi dự án hoạt động phải có một chi phí ban đầu như khảo sát, thiết kế, xây dựng… mà ta gọi là chi phí ban đầu, ký hiệu là C_0. Như vậy chi phí cho toàn bộ dự án sẽ là:

$$C = C_0 + \sum_{t=1}^{n} Ct$$

Bước 2: Dự toán những lợi ích thu được trong quá trình hoạt động của dự án

Nếu gọi lợi ích mà dự án đưa lại cho kinh tế -xã hội và tài nguyên- môi trường tại khu vực dự án năm thứ nhất là B_1, ở năm thứ 2 là B_2, và năm thứ n là B_n, thì tổng lợi ích mà dự án đưa lại là:

$$\sum_{t=1}^{n} Bt = B_1 + B_2 + \ldots . + B_n$$

Trong đó:

Bt là lợi ích tính bằng tiền ở năm thứ t.

t là thời gian hoạt động của dự án, t = 1, 2,…, n

Bước 3:

Tiến hành đánh giá hiệu quả của dự án, đó là việc so sánh giữa lợi ích và chi phí mở rộng của dự án đầu tư, với 2 chỉ tiêu so sánh là:

Lợi ích tuyệt đối của dự án:

$$\sum_{t=1}^{n} Bt - (C_0 + \sum_{t=1}^{n} Ct) \geq 0$$

Lợi nhuận tương đối của dự án:

$$\frac{\sum_{t=1}^{n} Bt}{(C_0 + \sum_{t=1}^{n} Ct)} \geq 1$$

Nếu đạt được như vậy thì dự án được coi là hoàn được vốn và có hiệu quả kinh tế.

Trong tính toán chi phí - lợi ích, điều quan trọng nhất là chú ý đến tính **hệ số chiết khấu**.

Giả sử chúng ta có khoản tiền P gửi vào ngân hàng với lãi suất hàng năm là R (R được tính bằng %) và thu được sau năm thứ t (t=1, 2, 3, ..., n).

Chi phí và Lợi ích của một dự án không chỉ phải được thể hiện theo giá trị bằng tiền tương đương, mà còn phải được thể hiện bằng đồng tiền vào một thời gian nhất định. Do tình trạng lạm phát nên 1 triệu đồng có thể sử dụng sau 5 năm kể từ ngày tính toán nhỏ hơn hay bằng 1 triệu đồng có thể sử dụng hiện tại. Điều này có nghĩa là 1 triệu đồng sử dụng vào thời điểm hiện tại có thể được đầu tư và đem lại lợi nhuận trong vòng 5 năm và sẽ có giá trị cao hơn 1 triệu đồng sau 5 năm. Nếu tỷ lệ lãi suất vay ngân hàng là r thì 1 triệu đồng đầu tư trong thời gian t năm sẽ tăng lên bằng (1+ r)t. Vì vậy, số tiền được gửi vào ngân hàng từ thời điểm tính toán hiện nay để đem lại 1 triệu đồng sau t năm trong tương lai là (1+ r) - t. Đây là **giá trị chiết khấu** hay giá trị hiện tại của 1 triệu đồng có thể sử dụng t năm trong tương lai.

Chi tiết thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.1: **Tính toán tiền lãi gởi ngân hàng trong thời gian t**

Thời gian t (năm)	**Số tiền gốc**	**Số tiền lãi**	**Tổng cộng**
1	P	P.R	P(1 + R)
2	P(1 + R)	P(1 + R).R	$P(1+R)(1+R) = P(1+R)^2$
3	$P(1 + R)^2$	$P(1 + R)^2.R$	$P(1+R)^3$
	..		
	...		
t	$P(1 + R)^{t-1}$	$P(1 + R)^{t-1}.R$	$P(1+R)^t$

Từ bảng trên cho ta thấy, nếu biết số tiền tổng cộng thu được sau t năm được gửi ngân hàng để lấy lãi là P(t) ta có thể tính ngược lại số tiền gửi ban đầu theo công thức:

$$\mathbf{P} = \frac{P(t)}{(1-R)}$$

Tương tự như vậy, để tính giá đồng tiền thu được sau t năm đầu tư tại thời điểm ban đầu (được coi là thời điểm hiện tại) ta đưa ra đại lượng tương tự lãi suất, đó là hệ số chiết khấu đồng tiền r, được tính bằng % theo năm. Hệ số chiết khấu biểu thị 2 yếu tố của đồng tiền là:

- Cơ hội đầu tư của đồng tiền.
- Cơ hội của việc vay mượn tiền.

Như vậy, muốn tính được giá trị hiện tại thực, các số hạng trong hai tổng của các công thức và phải nhân với một hệ số:

$$\frac{1}{(1+r)^t}$$

Trong đó t là thời gian hoạt động của dự án, t = 1, 2, ..., n năm. Vì r tính bằng %, t là năm hoạt động của dự án, t có thể từ 50 đến 100 năm, cho nên hệ số $\frac{1}{(1+r)^t}$ thường tính toán phức tạp. Vì vậy các tổ chức thế giới như Ngân hàng phát triển Châu Á-Asia (Development Bank-ADB), Ngân hàng thế giới (World Bank) đã tính sẵn hệ số $\frac{1}{(1+r)^t}$ với các giá trị của r và t.

Trong phân tích chi phí lợi ích, hiệu quả dự án được xét thông qua 2 đại lượng là:

- **Lợi nhuận tuyệt đối của dự án:**

$$\sum_{t=1}^{n} \frac{Bt}{(1+r)^t} - (\mathbf{C_0} + \sum_{t=1}^{n} \frac{Ct}{(1+r)^t}) \geq 0$$

– **Lợi nhuận tương đối của dự án:**

$$\frac{\sum_{t=1}^{n} \frac{Bt}{(1+r)^t}}{(C_0 + \sum_{t=1}^{n} \frac{Ct}{(1+r)^t})} \geq 1$$

2.5. Các bước thực hiện phân tích Chi phí - Lợi ích

Phân tích chi phí - lợi ích của một dự án đầu tư thực hiện theo trình tự các bước sau:

a/ Nhận dạng vấn đề và xác định các phương án cần giải quyết.

b/ Nhận dạng các lợi ích và chi phí xã hội của mỗi phương án.

c/ Đánh giá lợi ích và chi phí của mỗi phương án.

d/ Lập bảng lợi ích và chi phí hàng năm.

e/ Tính toán lợi ích xã hội ròng của mỗi phương án.

f/ So sánh các phương án theo lợi ích xã hội ròng.

g/ Kiểm tra ảnh hưởng của sự thay đổi trong giả định và dữ liệu.

h/ Đưa ra đề nghị cuối cùng về phương án lựa chọn.

- **Sử dụng chuyên gia để phân tích chi phí - lợi ích**

Vì không có những số liệu về chi phí đáng tin cậy nên các mức độ có thể sắp xếp thành chi phí thấp nhất và cao nhất, cũng như các "ước lượng chi phí tốt nhất" được xác định cho các vấn đề quan trọng cần thực hiện.

Hình thức cơ bản nhất của phân tích chi phí - lợi ích là cách tiếp cận cao/trung bình/thấp khi các chuyên gia sử dụng các lập luận và kinh nghiệm của mình để so sánh chi phí – lợi ích các phương án đầu tư

Bảng 2.2. **Phân tích và so sánh các phương án đầu tư**

Tên các phương án	**Chi phí**	**Lợi ích**
Phương án 1	Cao	Trung bình
Phương án 2	Cao	Thấp
Phương án 3	trung bình	Trung bình
Phương án 4	Thấp	Cao

Lợi ích toàn bộ (nghĩa là % cải thiện được) của mỗi phương án cần dựa trên tình trạng sau khi biện pháp trước đó đã được thực hiện. Sắp xếp trình tự các phương án có chi phí thấp và lợi ích cao hơn được thực hiện trước. Sau đó, các yếu tố chưa rõ ràng trong chi phí - lợi ích và chưa rõ ràng còn tiềm ẩn, đặc biệt là các dự báo và về mặt chi phí sẽ được hoàn thiện bổ sung.

Tóm lại, phương pháp phân tích chi phí - lợi ích sử dụng cho việc lựa chọn các dự án đầu tư. Đối với SVC, chúng ta sử dụng phương pháp phân tích này để lựa chọn dự án phát triển các loại cây cảnh, cá cảnh hay trồng hoa, v.v... các công việc khác so sánh với việc trồng lúa, rau màu, làm vườn hay sản xuất nông nghiệp truyền thống trong điều kiện kinh tế thị trường, sao cho có lợi và phù hợp với từng địa phương.

Chương 3.

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH SWOT

3.1. Lý thuyết của phương pháp phân tích SWOT

Phương pháp **SWOT** là chữ viết tắt của tiếng Anh, có nghĩa là: **STRENGTHS, WEAKNESSES, OPPORTUNITIES, AND THREATS,** là Mạnh-Yếu-Cơ hội -Đe dọa. Strengths and weaknesses là các yếu tố bên trong (internal factors) hay chủ quan và Opportunities and Threats là các yếu tố bên ngoài (external factors) hay khách quan.

Phương pháp SWOT được nghiên cứu từ năm 1960 do tập thể tác giả Edmund P. Learned, C. Roland Christiansen, Kenenth Andrews, William D. Guth trong một chiến lược kinh doanh (Business policy). Ban phát triển Tổng thể Điện (General electric Growth) sử dụng mẫu phân tích này năm 1980.

Các nội dung cụ thể gồm có:

- **STRENGTHS –Mạnh**: Phân tích, đánh giá những **thế mạnh** của dự án với quy mô lớn, các mức quản lý khác nhau (cấp quốc gia, cấp tỉnh, thành phố, công ty cổ phần. liên doanh, v.v...) hay dự án, kế hoạch có quy mô vừa và nhỏ: Công ty TNHH, Doanh nghiệp tư nhân, cơ sở sản xuất, HTX, tổ chức, đoàn thể,...) hoặc công việc cụ thể đang thực hiện hoặc mong muốn thực hiện của người ra quyết định (chủ hộ, trưởng nhóm,... cá nhân).
- **WEAKNESSES - Yếu**: Phân tích, đánh giá những **điểm yếu kém, thiếu thốn hay chưa đủ** của dự án với quy mô lớn, các mức quản lý khác nhau (cấp quốc gia, cấp tỉnh, thành phố, công ty cổ phần, liên doanh, v.v.) hay dự án, kế hoạch có quy mô vừa và nhỏ: Công ty TNHH, Doanh nghiệp tư nhân, cơ sở sản xuất, HTX, tổ chức, đoàn thể,...) hoặc công việc cụ thể đang thực hiện hoặc mong muốn thực hiện của người ra quyết định (chủ hộ, trưởng

nhóm,... cá nhân).

- **OPPORTUNITIES- Cơ hội**: Phân tích, đánh giá những **lợi thế** và những cơ hội hiện tại của dự án hay công việc đang thực hiện hoặc mong muốn thực hiện.
- **THREATS – Đe dọa:** Phân tích, đánh giá những **mối đe dọa** hiện tại và có nguy cơ có thể xảy ra của dự án hay công việc đang thực hiện hoặc mong muốn thực hiện trong giai đoạn trước mắt và trong tương lai, tại chỗ và xung quanh, ở gần và ở xa có liên quan.
- 2 yếu tố **Mạnh - Yếu** là 2 yếu tố **chủ quan (internal factors).**
- 2 yếu tố **Cơ hội và Đe dọa** là 2 yếu tố **khách quan (external factors)**.

Bảng 3.1. **Phân tích SWOT**

Nội dung và tiêu chí	Nội dung và tiêu chí
STRENGTHS –S-Mạnh	**OPPORTUNITIES- O-Cơ hội**
a) .... b) .... c)	a) .... b) .... c) ....
WEAKNESSES –W- Yếu	**THREATS – T- Đe dọa**
a) .... b) .... c) .... d)	a) .... b) .... c) .... d) ....

Sau khi liệt kê các nội dung hay hạng mục chi tiết của phân tích SWOT, chúng ta tiến hành cho điểm hoặc lập thứ tự ưu tiên các chỉ tiêu của từng nội dung. Kết quả cuối cùng chúng ta sẽ tổng hợp và phân tích chi tiết theo các hàm tương quan và các hệ số nếu cần.

3.2. Tiêu chí lựa chọn và kỹ năng phân tích SWOT

Tùy thuộc từng loại hình dự án đầu tư, công việc hay kế hoạch và ai là người ra quyết định đầu tư các thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và đe dọa sẽ khác nhau.

Sau đây là một số tiêu chí gợi ý khi sử dụng phương pháp phân tích SWOT:

S-Mạnh:

- Tài nguyên thiên nhiên: đất, nước, nguyên vật liệu, nền khí hậu, khoáng sản, v.v.
- Nguồn nhân lực: số lao động, đặc tính người lao động (cần cù, chịu khó,...) tay nghề, nghề truyền thống, trình độ văn hóa, ...
- Khoa học – kỹ thuật: công nghệ mới, kỹ năng, kỹ thuật, thiết bị, tự động hóa,...
- Kinh nghiệm lãnh đạo, trình độ công nghệ sản xuất, quản lý, khoa học – kỹ thuật, giảng dạy, tư vấn, thiết kế, giao tiếp với khách hàng, v.v. Mối quan hệ quen biết, uy tín, chất lượng.
- Vốn đầu tư, tài sản cố định, v.v.
- Tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn đã đăng ký: ISO 9001, TUV, v.v. hoặc công nghệ sản xuất sạch hơn.
- Chất lượng hàng hóa cao hơn, tốt hơn, nghệ thuật hơn, hoàn hảo hơn, bao bì đẹp hơn, v.v.
- Bằng sáng chế và bí quyết công nghệ.
- Lực lượng và trình độ kỹ thuật & quản lý của Ban lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, v.v.
- Những lợi thế so sánh khác trội hơn đối phương và trên thị trường.

  ......

W-Yếu:

- Trình độ văn hóa, năng lực & kỹ năng quản lý, kỹ thuật

yếu kém. Tạm bợ, nhút nhát, không dám nghĩ, dám làm, chưa làm đã sợ thất bại.

- Không có kế hoạch sản xuất, đầu tư.
- Sức khỏe yếu, bị bệnh *"lực bất tòng tâm"*.
- Thiếu thông tin về kinh tế - xã hội, không biết ngoại ngữ tiếng Anh, không biết sử dụng máy vi tính,...
- Thiếu vốn.
- Thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật : đất đai, nhà xưởng, phương tiện đi lại, vận chuyển.
- Thiếu nhãn hiệu hàng hóa độc quyền.
- Thiếu công nghệ sản xuất tối ưu, thiếu thiết bị, làm thủ công,...
- Thiếu đoàn kết.

....

O- Cơ hội:

- Vị trí địa lý thuận lợi *"Thiên thời, địa lợi, nhân hòa"*.
- Giao thông thủy, bộ thuận lợi.
- Giao lưu, trao đổi kinh nghiệm *"biết mình, biết ta"*.
- Tham dự các lớp tập huấn ngắn hạn để nâng cao trình độ *"không thầy, đố mày làm nên"*.
- Tham gia các Hội chợ, Festival, các triển lãm thành tựu khoa học – kỹ thuật.
- Tham quan học hỏi thực tế *"đi một ngày đàng, học một sàng khôn"*.
- Mở rộng thông tin, tra cứu trên các phương tiện thông tin đại chúng: Internet, báo, sách, nghe đài.
- Nhà nước huy động mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, thương mại dịch vụ,...
- Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, hỗ trợ nông nghiệp, cho vay vốn.

- Cơ chế thị trường, mở cửa hợp tác Quốc tế, đi lại thuận lợi giữa các nước, giao lưu hàng hóa và Thương mại quốc tế.
- Xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Giá hàng hóa theo thị trường lên xuống, chọn thời cơ để đầu tư, bán hàng hóa sản phẩm khi khan hiếm.

....

T-Đe dọa:

- Không có thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hàng hóa sản xuất ra bị tồn đọng, Cung cao hơn Cầu.
- Phát triển hàng hóa trên thị trường, giá hàng hóa cùng chủng loại rẻ hơn.
- Đối thủ cạnh tranh không lành mạnh.
- Lãi suất ngân hàng gia tăng.
- Giá vàng, đô la thay đổi, lạm phát mạnh.
- Nguồn nguyên vật liệu không ổn định, bị phụ thuộc vào nước ngoài hay người khác.
- Sâu bệnh, dịch bệnh.
- Thời tiết khí hậu thay đổi: khô hạn: thiếu nước, mưa lớn: thừa nước, nhiễm mặn, xì phèn.
- Thiên tai: lũ lụt, gió bão, lốc xoáy, mưa đá, sương muối, động đất, núi lửa, sạt lở đất, v.v.
- Hư hỏng sản phẩm do không có nơi hay kỹ thuật bảo quản hoặc do lý do khác.
- Ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất.
- Rủi ro môi trường, sự cố môi trường. Hậu quả môi trường.
- Hậu quả của chiến tranh
- Cơ chế, chính sách kinh tế thay đổi
- An ninh xã hội không đảm bảo: mất trộm, "chơi xấu", hàng nhái, hàng giả.
- Tai nạn lao động.

- Khủng hoảng kinh tế
- Chiến tranh, chính trị không ổn định.

....

Phân tích SWOT có lợi thế và hữu dụng vì nó nhanh chóng cho ta xác định tổng hợp tình huống chiến lược, kế hoạch cần có ý kiến chỉ đạo, định hướng phát triển.

Thực hiện phương pháp phân tích SWOT nhanh chóng là lập ngay một bản danh sách bằng cách lấy ra 4 tờ giấy ghi ở mỗi tờ: S + Mạnh, W - yếu, O – Cơ hội và T – Đe dọa. Trong quá trình suy nghĩ những ý tưởng nảy sinh liên tục ở phần nào ta điền vào phần đó. Sau đó chúng ta lựa chọn và sàng lọc các chỉ tiêu chính (Key factors) và sắp xếp thứ tự ưu tiên. Có thể tạo bằng trên máy vi tính và sử dụng Excel để lập và sắp xếp ma trận SWOT. Như vậy công việc sẽ nhanh chóng và thuận tiện khi thực hiện phân tích SWOT.

3.3. Mối liên kết giữa các nội dung của phân tích SWOT

Phụ thuộc vào từng dự án hay công việc đang thực hiện hoặc mong muốn thực hiện, một số tiêu chí lựa chon sẽ được ưu tiên và có tính trội hơn các tiêu chí khác. Tuy nhiên để phân tích và tính toán chi tiết đối với kinh tế cần phải lượng hóa các giá trị hàng hóa hữu hình và vô hình.

Khi phân tích chi tiết dự án, công việc hay kế hoạch cần phải thực hiện cho tất cả 4 nội dung Mạnh, Yếu, Cơ hội và Đe dọa. Cho điểm để đánh giá từng tiêu chí của từng nội dung cần phân tích.

Cách lựa chọn đánh giá có thể thực hiện theo phương pháp Delphi (Chuyên gia), nghiên cứu tham dự (Research Participationtory), Thay thế (Replacement), Phân tích chi phí - lợi ích (CBA) hoặc Phân tích Chi phí - hiệu quả (CEA- Cost Effectiveness Analysis), v.v.

Các yếu tố Mạnh-Yếu-Cơ hội- Đe dọa liên kết với nhau rất chặt chẽ trong mỗi dự án đầu tư hay kế hoạch hoặc công việc hiện tại hay trong tương lai đối với mỗi chúng ta hay một tập thể,

tổ chức, đơn vị cần nghiên cứu phân tích.

Điều quan trọng hơn hết vẫn có một phần mang tính chất chủ quan của người Chủ dự án hay người ra quyết định và mục tiêu chính của Dự án là gì. Do đó, tương tự như khi lập bản báo cáo đánh giá tác động Môi trường dự án đầu tư là phải tìm ra các biện pháp ngăn chặn ô nhiễm môi trường và thực hiện các biện pháp này triệt để và nghiêm chỉnh trong quá trình hoạt động của dự án.

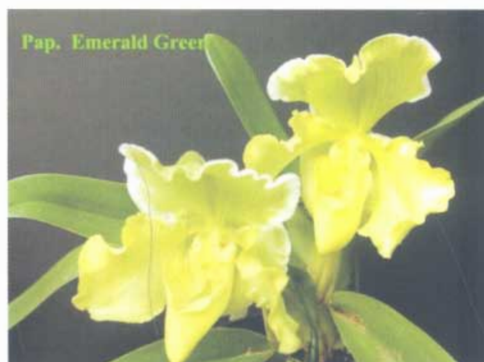
Tóm lại, phụ thuộc vào các yếu tố hay thông số chúng ta lựa chọn có thể có những sai số nhất định vì người chọn phân tích dự án chưa khách quan. Hoặc ngược lại, các yếu tố chủ quan mang tính chuyên ngành hay chuyên môn sâu của người cho điểm thiên về yếu tố này hay thích các hạng mục kia sẽ cho điểm cao hơn.

Song, nhìn chung phương pháp phân tích này vẫn cho chúng ta kết quả đánh giá khá đầy đủ và chi tiết dự án hay kế hoạch, công việc thực hiện để phát huy được những thế mạnh, khắc phục những điểm yếu kém và chuẩn bị được các biện pháp ngăn chặn phòng ngừa, hoặc giảm thiểu các rủi ro, các mối đe dọa tiềm ẩn, tranh thủ được các lợi thế so sánh và những cơ hội "ngàn năm, có một" để mang lại những thành quả và lợi nhuận cao khi nhanh chóng chớp được cơ hội đầu tư.













Nguồn: Ảnh Bùi Xuân Đáng

Một số loài Hoa Lan Việt Nam

PHẦN II.

KINH TẾ ỨNG DỤNG SINH VẬT CẢNH

Chương 4.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA SVC

4.1. Tóm lược về phân loại sinh vật

Sinh vật là tài nguyên thiên nhiên có thể tái tạo (**Renewable natural resources**) chỉ cần có điều kiện thích nghi để chúng tồn tại và phát triển. Sinh vật gồm có động vật và thực vật. Theo môi trường sống chia ra các loài: trên cạn, dưới nước và lưỡng cư.

Động vật được chia ra có xương sống và không có xương sống. Các động vật có xương sống đều có một bộ xương bao gồm một cột sống do các đốt sống tạo thành. Các loài động vật có xương sống có khoảng 40.000 loài chiếm tỷ lệ 3,64% trong tổng số khoảng 1.100.000 loài.

Ngành động vật có xương sống - Vertebrata gồm có các lớp: Chim (Aves), thú (Mammalia) trong đó có thú lớn, thú nhỏ; bò sát (Reptilia), lưỡng cư (Amphibia) và cá (Pisces).

Cá được phân loại theo chất lượng nền môi trường nước tự nhiên: cá nước ngọt, cá nước mặn, cá nước lợ; theo loại thức ăn chia ra: cá dữ, cá ăn động vật, cá ăn thực vật, cá ăn cả động vật và thực vật; theo điều kiện môi trường và khả năng tìm kiếm mồi, chia ra: cá ăn nổi, ăn chìm, ăn sát đáy v.v...

Thực vật phân theo thứ tự như sau: ngành → bộ →lớp → họ → chi → loài.

Trong ngành có nhiều bộ, trong bộ có nhiều lớp, trong lớp có nhiều họ, v.v.. Thực vật có 2 loại: bậc thấp và bậc cao.

Thực vật bậc cao hoang dại đang thuần hóa được chia thành

5 ngành: Thông *(Pinophyta)*, Dây Gắm *(Gnetophyta)*, Thông đất *(Lycopodisphyta)*, Dương xỉ *(Polypodophyta)* và ngành Ngọc Lan *(Magnoliophyta)*. Ngành Thông và Dây Gắm có 1 lớp, các ngành còn lại có 2 lớp. Theo kết quả đề tài nghiên cứu đánh giá tài nguyên sinh vật Tp. HCM & miền Đông Nam bộ, năm 1991, ngành Ngọc Lan là ngành có nhiều bộ nhất (43 bộ).

Tên các loài động thực vật khi viết gồm có tên địa phương (người địa phương đặt tên và gọi tên, cùng một loài cây nhưng trong Nam, ngoài Bắc, miền Trung gọi tên khác nhau), tên khoa học, tên La tinh và tên thương mại giao dịch phổ thông hiện nay là tiếng Anh.

Tên La tinh của động, thực vật được xác định bởi tên của chi (Genus) và tên của loài (Species) trong chi đó và kèm theo tác giả tìm ra và đặt tên nó và khi minh họa đính kèm cần để trong dấu () và in nghiêng..

Thực vật trên trái đất có khoảng 250.000-300.000 loài, riêng Việt Nam có khoảng 12.000 loài.

a. Phân loại thực vật

Theo các kiểu cây thực vật chia ra: cây gỗ, cây bụi và cây thảo:

1. **Cây gỗ**, có thân chính của cây gỗ to, nhỏ, cao, thấp, có cành nhánh nhiều hay ít tùy thuộc vào từng loài, có khi cao tới 25 - 40m.
2. **Cây bụi** có thân chính không có hoặc kém phát triển. Chiều cao của cây bụi thường không vượt quá 7m. Ví dụ: sim, mua, v.v. Những cây bụi có cành hóa gỗ dựa vào những cây khác mà leo lên gọi là cây bụi leo. Ví dụ: Cây hoa giấy.
3. **Cây thảo** có thân nằm trên mặt đất, cây hóa gỗ, chết lụi vào cuối thời kỳ tạo quả, phát triển trong một mùa hoặc một năm, cây nhiều năm chỉ sống bằng thân ngầm.

b. Các chỉ tiêu phân loại thực vật:

1. **Ánh sáng**, các loại thực vật được chia ra: thực vật ưa sáng

và thực vật ưa bóng râm hay cây chịu mát. Trong rừng tự nhiên có 3-5 tầng. Các loại cây ưa ánh sáng sẽ mọc nhanh hơn, vươn lên cao hơn thành tầng tán rừng. Các loại cây ưa bóng râm phát triển dưới tán rừng. Thực vật dựa vào nhau để tồn tại và phát triển, để cùng chia sẻ mức độ hưởng thụ ánh sáng. Ánh sáng là điều kiện tiên quyết để thực vật ưa sáng cạnh tranh nhau quyết liệt dành lãnh địa và thực vật ưa bóng râm dựa vào chúng để được che chở và tránh nắng, tạo thành các quần xã thực vật với nhiều loại cây trong rừng tự nhiên của Việt Nam.

2. **Hoa:** có hoa và không có hoa. Thực vật có hoa thời kỳ sinh sản ra hoa, kết quả và chúng có 2 loại: hiển hoa bí tử và hiển hoa khỏa tử.

3. **Chế độ rụng lá:** rụng lá theo mùa và không rụng lá. Cây không rụng lá, xanh tốt quanh năm (Overgreen).

4. **Kích thước lá**: lá rộng, lá kim và lá trung bình. Cây có lá rộng như: báng súng, sakê, bàng, sen, súng .v.v., lá kim nhỏ như cái kim, ví dụ: lá thông, lá phi lao.

5. **Tán lá**: tán tròn, tán nấm, tán trứng, tán rũ, tán chùm, tán hình tháp, tán thuỗn, tán phân tầng.

6. **Khí hậu:** thực vật vùng nhiệt đới, ôn đới, hàn đới, vùng cực.

7. **Độ cao:** thực vật vùng đồng bằng (bình nguyên), vùng đồi gò, vùng cao nguyên, đài nguyên, núi cao.

8. **Độ mặn** của nước: động - thực vật có những loài thích hợp với nước ngọt, nước mặn và nước lợ.

9. **Thời gian sinh trưởng & phát triển**: ngắn ngày và dài ngày, lâu năm.

10. **Mục đích sử dụng:** cây lương thực, thực phẩm, dược liệu, cây công nghiệp, cây thức ăn gia súc, cây xanh, cây cảnh, cây phòng hộ, v.v.

11. **Nguồn gốc:** tự nhiên, tự nhiên được thuần hóa và gieo trồng.

4.2. Khái niệm về sinh vật cảnh

Sinh vật cảnh (SVC) là sinh vật tự nhiên được thuần hóa, nuôi nấng, chăm sóc, thuần dưỡng để làm cảnh.

Sinh vật làm cảnh là sinh vật để ngắm nhìn, chiêm ngưỡng, sáng tạo nghệ thuật, giải trí, v.v.

Động vật làm cảnh có các loài: chim, thú lớn, thú nhỏ, bò sát (rắn, trăn), lưỡng cư (ếch), tôm, cá, san hô, chó, mèo, v.v.

Thực vật làm cảnh là những cây lâu năm làm cây nguyên liệu Bonsai, cây có hoa màu sặc sỡ, có hương thơm: hoa Hồng, hoa Quỳnh, hoa Lan, hoa Huệ, hoa Sen, hoa Súng, v.v. Cây có trái: khế, sung, quýt, các cây ghép, ví dụ: cây lồng mứt ghép mai chiếu thủy, v.v.

SVC là sản phẩm của thiên nhiên và con người. Lao động và sáng tạo nghệ thuật của con người tạo nên SVC.

SVC phục vụ cho con người và bảo tồn sự phong phú, đa dạng cho thiên nhiên.

SVC được trưng bày trong Sở thú, ở các nơi phát triển sinh vật cảnh của các cá nhân và của các đơn vị, tổ chức dịch vụ SVC ở Tp.HCM và các tỉnh, thành phố khác trên toàn quốc. Chúng ta có điều kiện đi một vài nơi sẽ nhìn thấy thị trường SVC rất phong phú, đa dạng.

4.3. Phân loại sinh vật cảnh

Hiện nay, các loại SVC được ưa chuộng không chỉ ở Việt Nam mà còn nhiều nước trên thế giới. SVC có những loại trong nước và có những loại nhập khẩu từ nước ngoài. Các loại sinh vật cảnh có giá trị như: cá cảnh, thú cảnh, cây cảnh, Bonsai, hoa Lan (Phong lan), Mai Vàng, xương rồng, v.v. Những loại sinh vật nào được lựa chọn làm cảnh, điều kiện cần và đủ là gì? Chúng ta điểm qua một số đặc điểm của chúng:

Cá cảnh: các loại cá cảnh có mầu sắc, có hình dáng đặc biệt, có nhu cầu trên thị trường. Hiện nay có trên 50 loài, có loài đắt tiền như cá Dĩa, cá La Hán, cá Rồng, v.v. **Cá Dĩa** có màu sặc sỡ, tròn như cái đĩa ở đại dương trong môi trường nước mặn. **Cá**

Rồng hay còn gọi là cá Mơn tên khoa học của chúng là *Scleropages formosus* một ví dụ điển hình là loài cá thuộc họ Osteoglossidae và bộ Clupeiformes này có thân thon dài và có một đôi râu mõm dài, vẩy to, vây ngực dài, vây ngực và vây lưng nằm về phía sau, có thể đạt đến chiều dài 90cm và nặng gần 8kg. Cá Rồng sinh sống và phát triển trong vùng nước ngọt, nước sạch, không bị ô nhiễm môi trường. Cá cảnh có loại to như cá Heo, cá Sấu, có loại nhỏ như que tăm chỉ làm mồi cho cá lớn.

Chim cảnh: là những loại hót hay, gần gũi với con người, biết nói, biết hót, màu sắc sặc sỡ như: Vẹt, Sáo, Cu Gáy, Sơn Ca, Chích Choè, Khướu, Họa Mi, v.v.

Thú cảnh: các loại thú nuôi làm cảnh như khỉ, thỏ, chó, mèo, chuột bạch, v.v. Chúng còn được gọi là con vật cưng trong nhà.

Hoa Lan: các loại cây hoa Lan, trong đó hoa Phong Lan được nhiều người quan tâm. Cây hoa Lan là loài Đơn tử diệp thuộc họ Orchidaceae. Hiện tại có khoảng hơn **25.000 loại hoa Lan** phát triển ở các vùng ôn đới cũng như nhiệt đới, nhưng đa số sống ở vùng nhiệt đới vì khí hậu thích hợp.

Hoa cảnh (hoa kiểng): các loại cây có hoa, tất cả các loại hoa trừ hoa Lan vì hoa Lan có bộ môn riêng. Mỗi loại hoa mang ý nghĩa khác nhau nên các hoa cần cho nhu cầu người tiêu dùng khá phong phú, đa dạng và nhiều loại, nhiều màu. Hoa cảnh có khi để nguyên cả chậu, cắt từng nhánh, từng cành, hay từng bó cắm trong bình hoa, kết lại thành từng giỏ hoa, lẵng hoa rất cầu kỳ, đặc sắc, và nhiều kiểu dáng khác nhau, ý nghĩa khác nhau.

Mai vàng: các loại cây Mai vàng, hoa nở rộ khi Tết đến và tập trung ở miền Nam Việt Nam..

Cây cảnh: các loại cây nguyên liệu được chọn làm cây cảnh là những loại ưa cắt tỉa, nhiều cành, mềm dẻo có thể uốn lượn, tạo dáng đẹp tự nhiên nhưng trông đẹp mắt hoặc có dáng trực.

Một số loại cây mang ý nghĩa sang trọng, quý phái hay tạo dáng các con vật để có ý nghĩa và mang đến sự may mắn tốt lành cho người chủ của chúng như Cau - *Areca catechu* L., chuối cảnh, Đại tướng quân, Mai Chiếu Thủy v.v. Một số giống mới

nhập từ Đài Loan như Kim phát tài, Ngũ gia bì, cây Cọ; họ Vạn niên thanh - lá to, cây mọc cao. Hoặc cau Rubi, cung điện vàng, Bạch mã hoàng tử, Duôi phụng, mật cật... cây Thắt bím, họ cau Hawaii, tiểu châm (danh sách ở phần phụ lục)

Bonsai: sử dụng các cây nguyên liệu lâu năm để uốn tạo dáng cây kiểng cổ gọi là Bonsai. Các loại cây cảnh yêu cầu tạo dáng, tạo hình, theo cách sáng tạo của nghệ nhân. Cây Bonsai ngoài dáng hình ra, càng lâu năm càng có giá trị.

Xương rồng: các loại xương rồng từ loại nhỏ xíu như quả táo, hay quả bồ hòn, đến các loại cây to. Các loại cây xương rồng có quê hương từ vùng sa mạc, khô cằn, rất ít mưa, có nhiều gai, thân rỗng để chứa nước để dành sử dụng trong thời gian khá dài. Cây xương rồng sống lâu không cần chăm sóc, không cần bón phân, hoa xương rồng rất đẹp

Các cây đại thụ: Các loại cây ăn trái hay cây cổ thụ hoang dã hoặc được trồng.

4.4. Dịch vụ sinh vật cảnh

Ngoài các sinh vật làm cảnh, hiện nay có **các loài sinh vật làm thức ăn** cho chúng. Thức ăn cho cá có những loài côn trùng, trùn chỉ, lăng quăng, cá nhỏ, v.v., thức ăn cho chim, thú là các loài sâu và một số loại thực vật như cỏ, cây lương thực-thực phẩm khác.

Đối với mỗi loại sinh vật làm cảnh có những yêu cầu khác nhau nhưng nhìn chung để ngắm nhìn chúng phải có màu sắc đẹp, hình thù khác lạ, có thể có mùi thơm, hình dáng đặc biệt, hấp dẫn người nhìn ngắm chúng.

Nhìn chung các loài thực vật cần nhiều công chăm sóc và có một điều khác lạ với SVC là sự chăm sóc cây cảnh gắn liền với tạo dáng nghệ thuật và mỗi tác phẩm nghệ thuật người nghệ nhân hoặc những người ưa thích SVC đã và đang gởi hồn mình vào trong đó. Trong điều kiện hiện nay, công việc bận rộn và căng thẳng thì thư giãn với SVC là một điều kiện giải trí tuyệt vời. Vì vậy nhu cầu về SVC ngày càng cao.

Ngoài ra, các loại sinh vật, làm cảnh **các yếu tố nền cho SVC** cũng không kém phần quan trọng. Nó tô điểm cho bức tranh SVC cảnh hoàn hảo và tuyệt tác. Đó là các **Hòn non bộ** bằng đá san hô được chế tác với các kiểu khác nhau như vách núi cảnh bồng lai hoặc như các ốc đảo trên biển, cùng các vật dụng khác cũng góp phần trang điểm cho hòn non bộ như tàu, thuyền, chùa chiền, các bức tượng bằng đồ gốm, bằng thạch cao, v.v.

Các hòn non bộ và một yếu tố không thể thiếu được đó là dòng nước chảy róc rách len lỏi trong các ngách, các khe đá của hòn non bộ, dòng sông nhỏ và cá vàng, cùng một số cây cảnh khác, điểm tô bức tranh sơn thủy hữu tình.

Ngoài hòn non bộ ra còn có các hòn đá mồ côi được chọn lựa làm Đá cảnh. **Đá cảnh**, tiếng Hán tự gọi là **ngoạn thạch**, đòi hỏi nghệ thuật rất công phu, là một thú chơi tao nhã có từ lâu đời, biến hóa và tích hợp nhiều bộ môn khác nhau nhằm đúc kết đa dạng các mặt văn hóa, nghệ thuật, một cách hài hòa, tuyệt tác vì tuổi của viên đá có khi đã hàng triệu năm, lại qua sự bào mòn của dòng nước mới có hình dáng như khi được tìm thấy.

Các dịch vụ khác như: **chậu cảnh** trồng các loại cây cảnh với nhiều kiểu dáng khác nhau, các loại vật liệu khác nhau. Chậu trồng Bonsai. Các dịch vụ khác phục vụ cho SVC: phân bón, thuốc trừ sâu, đất hiếm, nước tưới, các dụng cụ cắt tỉa, bứng cây, vận chuyển cây, v.v.

Ngoài các dịch vụ "phần cứng" phục vụ SVC còn có các "phần mềm". **Dịch vụ phần mềm** phục vụ cho SVC, làm đẹp cho SVC đó là nghệ thuật sáng tạo các tác phẩm SVC. Nghệ thuật sáng tạo làm cho SVC có giá trị thẩm mỹ, tăng giá trị kinh tế -xã hội. Những người làm nghệ nhân SVC, chơi SVC cần phải nắm bắt được kỹ thuật SVC, điều kiện sinh lý sinh thái của loại SVC mà mình yêu thích, cách phòng bệnh và chữa bệnh cho chúng để chúng tồn tại và phát triển. Các người làm nghề sản xuất SVC, kinh doanh SVC cần phải biết được công tác quản lý SVC, kinh tế SVC để không bị thua lỗ, bán được giá cao, công sức lao động và nghệ thuật được đền bù xứng đáng.

4.5. Những giá trị của SVC

SVC có nhiều giá trị về kinh tế, xã hội, môi trường, v.v.:

+ **Kinh tế**: xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập hộ gia đình đặc biệt là nông dân, tăng giá trị kinh tế sử dụng đất nông nghiệp, chống xói mòn đất, tăng mức sống dân cư, tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, trong đó có cây cảnh, hoa Lan, Bonsai, v.v.

+ **Xã hội**: giải quyết việc làm, làm cho con người gần gũi với thiên nhiên, hài hòa với thiên nhiên, tâm tính thân thiện hơn, giảm những tiêu cực trong xã hội, giảm những việc làm độc ác, tạo chữ "Tâm" trong lòng những sản xuất SVC, yêu thích, thưởng thức SVC, mọi người gặp gỡ giao lưu, hiểu biết nhau hơn, thân thiện với nhau nhiều hơn và xã hội yên ổn thanh bình hơn.

+ **Tài nguyên thiên nhiên**: bảo vệ Đa dạng sinh học và nguồn gien sinh vật quý hiếm. Nhiều loại cây cảnh, chim, thú cảnh được chăm sóc, nhân giống, có trong danh sách Sách Đỏ Việt Nam. Chúng được bảo vệ tự nguyện, Nhà nước không phải trả tiền. Các loại giống nòi quý hiếm trong thiên nhiên có nguy cơ bị tiệt chúng được phục hồi, tái tạo và phát triển. Độ đa dạng sinh học gia tăng, cân bằng sinh thái ổn định và bền vững.

+ **Văn hóa, nghệ thuật**: SVC là nguồn cảm hứng sáng tác thơ, văn, hội họa. Gia tăng các bài thơ ca, các bức tranh vẽ, hội họa về SVC làm phong phú thêm cho kho tàng văn học Việt Nam và thế giới. Thiên nhiên gắn với tình yêu, tình người, làm cho chúng có tâm hồn, chia bớt những nỗi buồn và mang đến cho chúng ta tài - lộc, may mắn và hạnh phúc.

+ **Bảo vệ sức khỏe**: thư giãn, giảm và chống các bệnh do căng thẳng thần kinh (Stress), bệnh tim mạnh, tăng sức khỏe, yêu đời, yêu lao động, sống có ích cho xã hội.

+ **Bảo vệ môi trường**: tăng độ phủ xanh, tăng vẻ đẹp cảnh quan đô thị, giảm tiếng ồn, giảm bụi, giảm hiệu ứng nhà kính (Green House) do hấp thụ CO_2, tạo khoảng xanh trên các sân thượng, các lan can, các giàn cây hoa, dây leo mà không cần phải có đất chuyên dùng. Các nơi có cây hoa cảnh, cá cảnh, v.v.

Con người hay lui tới trò chuyện nghỉ ngơi nên được dọn vệ sinh thường xuyên và cảnh quan nhà vườn, sân thượng, bờ bãi, v.v. trở nên trong lành, sạch đẹp.

+ **Quan hệ hợp tác quốc tế**: tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế, giao lưu, bạn bè thân thiết cùng thú vui, thưởng thức SVC, thông cảm, hiểu nhau, giúp đỡ nhau, buôn bán hợp tác thương mại, giảm các mối xung đột, các mối bất hòa, v.v. Là điều kiện nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng kỹ năng quản lý, học hỏi, khắc phục được tính tự ti, không cam chịu nghèo hèn, cố gắng vươn lên học hỏi cho bằng anh bằng chị, đem lại vẻ vang cho đất nước bằng những bàn tay vàng, những tác phẩm SVC có giá trị.

+ **Khoa học – công nghệ:** phát triển các dịch vụ "phần mềm" phục vụ cho SVC: Công nghệ thông tin, thiết kế trên máy vi tính, tra cứu thông tin trên mạng Internet, gởi E-mail, biên soạn tài liệu về kỹ thuật- kinh tế các bộ môn SVC, tạo ra các khuôn mẫu, các kiểu dáng, các "phần cứng" dịch vụ cho SVC: chậu cảnh, giỏ đựng hoa, lẵng hoa, giấy bóng in màu bó hoa, nhà kính trồng cây cảnh. Các kết quả nghiên cứu khoa học –công nghệ của các nhà khoa học, các chuyên gia của nhiều ngành khác nhau tạo ra các sản phẩm đặc dụng phục vụ SVC.

Ví dụ: Đối với cây cảnh: đất, phân, v.v. đặc biệt là đối với Bonsai, các sản phẩm khác như tạo ra các loại thức ăn cho cá, các loại thuốc trị bệnh, các loại thuốc đặc biệt cho chúng tạo màu cho các loài cá bị xuống màu, mất màu sắc rực rỡ tự nhiên, các kết quả nghiên cứu công nghệ sinh học như cấy mô các loại cây, lai giống, v.v. để tạo ra các giống mới, các loại mới có giá trị kinh tế cao hơn, đẹp hơn, các chế phẩm sinh học, hóa học xử lý ô nhiễm môi trường, xử lý nước phèn, xử lý chất thải rắn hữu cơ làm phân bón.

Tóm lại, sinh vật là tài nguyên thiên nhiên có thể tái tạo. Những cây con mà thiên nhiên ban tặng cho chúng ta, nhờ bàn tay của con người, cây con được lựa chọn làm cảnh được thuần hóa, được di chuyển đến những nơi mà tự nhiên không có, nhưng chúng vẫn tồn tại và phát triển nhờ con người tạo ra các điều kiện thích nghi. Ngoài trời lạnh giá, băng tuyết, nhưng cây hoa

vùng nhiệt đới vẫn trổ bông, tỏa hương thơm ngào ngạt, cây Xương rồng vùng sa mạc sinh sống và phát triển lâu năm ở ban công nhà cao tầng khu chung cư của các hộ dân lao động vẫn phát triển và trổ hoa rất đẹp, mặc dù chủ nhà bận rộn công việc bỏ quên nhiều ngày không chăm sóc.

Khả năng chống chịu và thích nghi dần dần đối với sinh vật của quy luật sinh thái tự nhiên được con người tận dụng để tạo ra các cây Bonsai cổ kiếng.

SVC có nhiều giá trị về kinh tế, xã hội, văn hóa nghệ thuật. Từ một cây hoang dại nhờ bàn tay và trí óc của con người đã trở nên hàng hóa có giá trị. Như vậy, SVC đúng là "của một đồng, công một nén" nhưng làm sao để có "một nén" vàng hay bạc chúng ta hãy tìm hiểu sâu hơn về kinh tế ứng dụng cho SVC ở các chương sau.




Hoa Thiên tuế *(Cyeas revolutina)*, cây cái (tròn) và cây đực (dài)
(Hội Sinh vật cảnh quận Gò Vấp)



Hòn non bộ và tiểu cảnh ở Phú Gia - Phú Mỹ Hưng, TP.HCM



Cây Dáng hương
(*Pterocarpus macrocarpus* Kurs)
ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long



Cây Sanh *(Ficus retusa)*
ở Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh



Gốc cây Sanh ở Long Hồ
tỉnh Vĩnh Long



Cây Huyền diệp (Hoàng Nam)
(*Polyalthia longifolia* Hook)

Chương 5.

ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH SWOT ĐỐI VỚI SVC

5.1. Tóm lược về sự hình thành Hội SVC Việt Nam

Hội SVC Việt Nam, viết tắt là: "**SIVACAVINA**" là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội có mục đích là:

- Bảo vệ và phát triển nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc nói chung.
- Bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.
- Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, nhằm xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, văn minh.

Hội SVC Việt Nam là một tổ chức quần chúng tập hợp rộng rãi những người yêu thích sinh vật cảnh, những người sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ sinh vật cảnh, những nhà khoa học, mỹ thuật và nghệ nhân hoạt động cho sự bảo vệ và phát triển của sinh vật cảnh (*Điều lệ Hội SVC Việt Nam).*

Hội SVC Việt Nam đã thành lập năm 1989. Hiện Hội SVC đang chuẩn bị tổ chức FESTIVAL SVC tại Tp. HCM từ 1-3/09/2006 và chuẩn bị đại hội IV vào tháng 12 năm 2006. Hội SVC được tổ chức thành **4 cấp (Trung ương, tỉnh thành, quận, huyện và cơ sở).**

Hội SVC các tỉnh, thành trên cả nước đã và đang thành lập, tổ chức và phát triển. Đến nay đã có **35/64** tỉnh thành có tổ chức Hội với tổng số hội viên trên **100.000** người. Trong thời gian tới, Hội SVC sẽ phát triển đến tất cả các địa phương.

Danh sách BCH Hội SVC Việt Nam và một số địa phương có thể tham khảo ở phần phụ lục 1.

Tạp chí Việt Nam Hương Sắc (Vietnam - Natural & Traditional Beauty Review) tập hợp các bài viết về văn hóa,

nghệ thuật, khoa học kỹ thuật sinh vật cảnh. Tạp chí phát hành tháng /lần, vào giữa tháng, có tòa soạn tại 76 Thợ Nhuộm, Hà Nội, E-mail: tapchivietnamhuongsac@vnn.vn, có văn phòng đại diện ở Tp. HCM, Đà Nẵng và Cần Thơ. Cho đến tháng 8 năm 2006 đã có 155 số tạp chí được xuất bản. Ngoài ra, còn có các tài liệu, thông tin, các giáo trình huấn luyện đã và đang có kế hoạch biên soạn, triển khai ở các nhiều nơi, trong đó có Trung tâm nghiên cứu dịch vụ SVC Tp. HCM.

Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam Phạm Thế Duyệt đã phát biểu với Hội nghị toàn quốc SVC Việt Nam ngày 09/05/2004 tại Hà Nội đã đánh giá cao vai trò của Hội SVC Việt Nam. "Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong 15 năm qua đã tích cực động viên quần chúng tham gia các chương trình công tác của Mặt trận và đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân, thực hiện có kết quả các mục tiêu mà Hội đề ra ...".

Hội SVC Việt Nam đang trên đà phát triển về số lượng và chất lượng hội viên, huy động được nhiều chuyên gia, nhiều nhà thơ, nhà báo, họa sỹ, các nhà nông dân, các nghệ nhân nhiều ngành nghề liên quan tham gia theo hướng đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ SVC.

Tại đại hội này, nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải đã phát biểu: "Chính phủ và chính quyền các cấp sẽ qua tâm tạo điều kiện cho Hội Sinh vật cảnh Việt Nam, mở rộng quan hệ với Hiệp hội cây cảnh thế giới, hiệp hội cây cảnh, đá cảnh, cá cảnh khu vực châu Á Thái Bình Dương và các tổ chức quốc gia về sinh vật cảnh, nhằm mở rộng giao lưu, học tập kinh nghiệm và kỹ thuật tiên tiến, mở rộng thị trường xuất khẩu" và chuyển lễ hội Hoa Đà Lạt thành Festival quốc tế Hoa Đà Lạt tổ chức vào năm 2005 là điều kiện để phát triển hoa-cây cảnh gắn với du lịch sinh thái.

Chúng tôi hy vọng "Kinh tế SVC Việt Nam" sẽ là một công cụ đắc lực để tạo điều kiện cho ngành SVC phát triển có hiệu quả kinh tế, ngăn chặn được các hậu quả môi trường và luôn bền vững xứng đáng với lòng tin yêu, tạo dựng và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Trong phần 2, Kinh tế ứng dụng SVC sẽ trình bầy phương pháp SWOT và phân tích chi phí - lợi ích (CBA), ứng dụng lý thuyết kinh tế thị trường vào hàng hóa đặc biệt là SVC. Một số ví dụ minh họa đối với Hội SVC Việt Nam, Hội SVC tỉnh Vĩnh Long và tóm lược tình hình SVC của một số Hội SVC các tỉnh thành khác và SVC một số nước trên thế giới.

5.2. Phân tích SWOT đối với Hội SVC Việt Nam

Sau đây là một số điểm tóm lược ứng dụng phương pháp phân tích SWOT (Mạnh, Yếu, Cơ hội & Đe dọa) đối với Hội SVC Việt Nam:

❖ **Thế mạnh (S) của SVC Việt Nam**

SVC Việt Nam có những thế mạnh trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai đối với SVC.

Một số thế mạnh có thể liệt kê như sau:

- Ban Lãnh đạo Hội là những cán bộ có trình độ cao, có kinh nghiệm về quản lý, kỹ thuật, có tâm huyết đối với sự phát triển của SVC.
- Đã có thời gian hoạt động và kinh nghiệm 17 năm.
- Có nhiều nghệ nhân SVC có tay nghề, trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm, có vốn đầu tư, dám nghĩ, dám làm, say mê với công việc SVC.
- Có nhiều hội viên tham gia phát huy được nghề truyền thống ở nhiều làng quê Việt Nam, tận dụng được thời gian nông nhàn, lao động thông của nhiều người không có trình độ văn hóa cao, hoặc những người sức khỏe bị hạn chế để giải quyết việc làm, tăng thu nhập.
- Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, trung du và miền núi nói chung có sông nước, đất nông nghiệp rộng lớn, người dân cần cù "một nắng, hai sương" quen với nghề nông nên có nhiều điều kiện để phát triển SVC thay cho sản xuất lúa năng suất không cao và thu nhập thấp trên cùng một đơn vị diện tích.

- Mối quan hệ chặt chẽ giữa Hội SVC Việt Nam (Trung ương) và các địa phương (tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở).
- Phát triển số lượng hội viên tham gia. Nhiều Hội đã và đang được thành lập, đi vào hoạt động và ngày càng phát triển.
- Có nhiều nhà khoa học, các lĩnh vực chuyên môn có liên quan như: Sinh học, Xây dựng, Nông nghiệp, Kinh tế, Môi trường, .. tham gia, nghiên cứu phục vụ cho SVC, trong đó có nhiều người có cơ sở vật chất, có vốn và tài chính, "dám nghĩ, dám làm", mạnh dạn bỏ tiền ra đầu tư SVC, ưu thích nghề SVC, sáng tạo không mệt mỏi những tác phẩm nghệ thuật cho SVC.
- Có các Trung tâm nghiên cứu, dịch vụ SVC ở các địa phương trên địa bàn toàn quốc, nghiên cứu và tạo ra những sáng kiến, giải pháp hữu ích để phát triển SVC.
- Tổ chức được nhiều Chợ Hoa Xuân ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.
- Lập được Ban chấm thi một số bộ môn SVC cấp quốc gia. Trao tặng Giấy khen và phần thưởng khích lệ hội viên có tác phẩm SVC có giá trị kinh tế -nghệ thuật.
- Có tạp chí Việt Nam Hương sắc xuất bản hàng tháng.
- ...., v.v..

❖ **Những điểm yếu (W) của Hội SVC Việt Nam**

- Ban chấp hành là các cán bộ kiêm nhiệm nên bận việc, không có thời gian tập trung nhiều cho SVC.
- Vốn hoạt động SVC Việt Nam bị hạn chế.
- Thiếu trung tâm giao dịch SVC cấp quốc gia. Thiếu mặt bằng, vị trí, địa điểm chuyên dùng phục vụ cho trưng bày SVC.
- Xuất khẩu hàng hóa SVC hiện nay chưa tương ứng với tiềm năng sản xuất SVC của Việt Nam (năm 2003, toàn ngành SVC chỉ đạt 25-30 triệu đô la Mỹ

- Thiếu chiến lược, chỉ tiêu phát triển và các biện pháp cụ thể của từng giai đoạn phát triển.
- Nhiều tổ chức hiệp hội SVC chưa được thành lập, hoặc thành lập nhưng hoạt động còn yếu kém. Hoạt động SVC mang tính phong trào.
- Nhiều cán bộ hội chưa nắm được những kiến thức về kinh tế SVC, chưa nhận biết được hết được giá trị tài sản của SVC, thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, nhiều người làm SVC theo kinh nghiệm, chưa áp dụng tiến bộ KHKT.
- Chưa có bảo tàng SVC và hồ sơ các SVC có giá trị kinh tế-nghệ thuật.
- Chưa có các biện pháp khuyến cáo cho hội viên ngăn chặn ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh SVC.
- Chưa có quy chế quản lý, kiểm soát được sự phát triển của một số SVC nguy hiểm, dữ dội đối với hệ sinh thái tự nhiên khi chúng xâm nhập ra môi trường bên ngoài.
- Chưa có Webside trên mạng Internet về thông tin SVC cho người sản xuất và người tiêu dùng.
- ...., v.v.

❖ **Những cơ hội của SVC Việt Nam**

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Nhà nước và Chính phủ: Nguyên Thủ tướng Phan văn Khải đã đến dự và phát biểu nhấn mạnh vai trò quan trọng của SVC và định hướng phát triển kinh tế SVC, góp phần xóa đói giảm nghèo và tăng giá trị hàng hóa SVC xuất khẩu của Việt Nam, tháng 5 năm 2004.
- Sản phẩm SVC đa dạng phong phú với nhiều bộ môn như: Bonsai, Mai vàng, xương rồng, Phong Lan, cá kiểng, chim kiểng, thú kiểng, v.v... và các dịch vụ khác như: hòn non bộ-tiểu cảnh, đá cảnh, dụng cụ cho SVC: chậu, gió, dụng cụ khác , v.v.

- Đời sống văn hóa, tinh thần, vật chất của người dân trong nước đang được nâng cao, có nhu cầu thưởng thức SVC.
- Phong tục tập quán cúng viếng, lễ, tết cần phải có hoa, cây cảnh nên tận dụng cơ hội này hàng hóa SVC sẽ có giá trị hơn ngày thường vì "đắt thành quế, ế thành củi".
- Hội chợ triển lãm thường được tổ chức trưng bày sản phẩm mới và có chấm điểm, khen thưởng đánh giá, tuyên dương những nghệ nhân có những tác phẩm nghệ thuật SVC có giá trị cao và độc đáo đã tạo điều kiện cho SVC phát triển.
- Nhiều thành tựu khoa học - kỹ thuật mới được ứng dụng phục vụ cho phát triển SVC.
- Các Chợ hoa Xuân, Festival hoa cây cảnh để các nghệ nhân có cơ hội gặp gỡ giao lưu, trao đổi kinh nghiệm.
- Việt Nam không đơn độc về SVC mà có nhiều nghệ nhân trên của nhiều nước thế giới tham gia nghiên cứu phát triển SVC.
- Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO - World Trade Organisation) nên yêu cầu tất cả các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường cần phải tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn quy dịnh của thế giới.
- Nhãn hiệu hàng hóa của đơn vị sản xuất SVC làm cho hàng hóa có giá trị kinh tế cao hơn. (*Trên bao bì các sản phẩm, chúng ta thấy có chữ "R" để trong vòng tròn có nghĩa là Copy Right chứng tỏ nhãn hiệu hàng hóa đã có Giấy chứng nhận độc quyền*).
- Việt Nam đã tham gia các Công ước Quốc tế: "Bảo vệ Đa dạng Sinh học". Các loài SVC quý hiếm phải được bảo vệ; Công ước Quốc tế về buôn bán các loài sinh vật có nguy cơ bị hủy diệt và Nghị định thư Kyoto về giảm thiểu các chất khí thải gây Hiệu ứng nhà kính (Effect of Green House), vấn đề thay đổi khí hậu toàn cầu, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. v.v. nên có Quỹ cho các công việc này.

- Sách Đỏ (Red Book) Việt Nam đã liệt kê danh mục thực vật, động vật quý hiếm, có nguy cơ bị tiệt chủng, cần bảo vệ.
- Chỉ tiêu phát triển mảnh xanh đô thị trong các giai đoạn quy hoạch.
- Có các văn bản, luật bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, nghị định của Nhà nước và các Bộ ngành có liên quan đến SVC là cơ sở pháp lý để SVC hoạt động và phát triển.
- ...., v.v.

❖ **Những đe dọa đối với Hội SVC Việt Nam**

- Hoạt động theo phong trào và làm kinh tế theo phong trào, không hiệu quả, thất bại hàng loạt.
- Mất đoàn kết, quan hệ lỏng lẻo giữa Hội TW và các địa phương.
- Các hiệp hội khác lấn lướt.
- Khen thưởng không khách quan, không đúng mức, không đúng giá trị của hàng hóa SVC.
- Rủi ro trong thương mại và hợp tác quốc tế, xuất-nhập hàng hóa SVC.
- Sự thất bại của thị trường, cạnh tranh không hoàn hảo, làm giá trị SVC suy giảm, tổn thất về kinh tế và hậu quả xã hội.
- Nhu cầu thị trường SVC không ổn định trong và ngoài nước.
- Hàng hóa SVC kém chất lượng xuất khẩu sẽ bị mất uy tín.
- Chiến tranh, không ổn định chính trị ở các nước có quan hệ hợp tác quốc tế.
- Thời tiết khắc nghiệt hoặc thay đổi không theo quy luật tự nhiên.
- Thiên tai: gió lốc, bão, lũ lụt, hạn hán.
- Dịch bệnh cúm gia cầm ảnh hưởng đến chim, thú cảnh.
- Vi khuẩn hay sâu bệnh trong hàng hóa SVC xuất khẩu.

- Xâm lấn của sinh vật ngoại lai và hậu quả môi trường.
- ...., v.v.

Tóm lại, hiện nay trên ca nước có hàng trăm ngàn lao động sản xuất và làm dịch vụ SVC, trong đó có trên 30 ngàn hộ gia đình thoát khỏi nghèo đói. Hiện nay có nhiều hộ gia đình chơi cây cảnh và bán cây cảnh thu 50 triệu, 100 triệu, có khi vài trăm triệu đến 800 triệu/năm và hàng chục trang trại có quy mô từ vài ha đến 20-25 ha sản xuất hoa, cây cảnh. Riêng ở Đà Lạt có cơ sở hàng năm thu trên 1 tỉ đồng/ha. Mọi công việc đang xúc tiến chuẩn bị cho đại hội IV.

Vì vậy, Hội SVC Việt Nam cần phải lựa chọn các chỉ tiêu xác định được những yếu tố chủ quan là thế mạnh, điểm yếu và yếu tố khách quan là những cơ hội và mối đe dọa, lập thứ tự ưu tiên, cho điểm, xác định chỉ tiêu tiên quyết, yếu tố tiên quyết để phát triển bền vững.

5.3. Phân tích SWOT đối với Hội SVC tỉnh Vĩnh Long

Lớp SVC đầu tiên được học môn kinh tế SVC ở Thị xã. Vĩnh Long do Ban đào tạo của Trung tâm Nghiên cứu, Dịch vụ SVC Tp. HCM thực hiện và tác giả trực tiếp giảng dạy tại Trường Chính trị Phạm Hùng trong tháng 7 năm 2006.

Sau đây là ví dụ về ứng dụng phương pháp phân tích SWOT đối với Hội SVC tỉnh Vĩnh Long do các học viên tỉnh Vĩnh Long và một số tỉnh tham gia thực hiện bằng các ý kiến đóng góp trực tiếp và các bài kiểm tra. Ngoài ra, còn có ý kiến phát biểu của ông Ngô Ngọc Bình - Chủ tịch Hội SVC tỉnh Vĩnh Long, Phó Chủ tịch Hội SVC Việt Nam, nguyên Chủ tịch UBMTTQ tỉnh Vĩnh Long để các Hội SVC khác tham khảo.

Nội dung có thể tóm lược như sau:

❖ **Thế Mạnh (S)**

- Hội SVC Vĩnh Long thành lập từ tháng 10 năm 1995, cho đến nay **đã 11 tuổi** và ngày càng phát triển. SVC huy động được nhiều người tham gia, tận dụng được lao động

nhàn rỗi, phụ nữ, người về hưu, người giải trí ...

- Đất rộng: Đa số các nghệ nhân có đất rộng vài ngàn m^2 đến vài ha đất vườn, đất ruộng/hộ gia đình. Phần lớn diện tích là đất phù sa màu mỡ và nguồn phân bón hữu cơ sẵn có tại các địa phương.
- Khí hậu cận xích đạo thuận lợi cho các cây - con cận nhiệt đới ưa nắng, nóng phát triển.
- Hệ thống đê ngăn mặn, thủy lợi khá tốt, có nguồn nước ngọt quanh năm.
- Nhiều cây nguyên liệu làm cây cảnh, cây ăn trái các loại: Mai vàng, Vạn tuế, Mai chiếu thủy, Thiên tuế, Nguyệt quế, ...
- Có nhiều người say mê SVC: nhiều bạn cùng chơi SVC, sản xuất SVC chủ yếu là cây cảnh, Mai vàng, .. mong muốn thoát khỏi nghèo đói, dám nghĩ, dám làm, mong muốn làm giàu nhờ SVC, được những người thân trong gia đình ủng hộ vì giá trị SVC cao hơn các mặt hàng khác. Nhiều người có thời gian rãnh, quen với nghề nông, có thời gian tập trung chăm sóc cây cảnh và làm nghề phụ là SVC.
- Tiềm năng SVC phong phú, đa dạng, nhiều sản phẩm SVC: Bonsai, hoa Lan, Mai vàng, cây sanh, cây đa, hòn non bộ, gỗ lũa, tiểu cảnh, cây khô nghệ thuật, chim cảnh (Bình Minh), cá kiểng (Thanh Đức), xương rồng. Đã có các sản phẩm SVC đạt giải về cây Mai vàng và giá cây Mai này rất cao (đến 650 triệu đồng và chủ nhân ở Thanh Mỹ).
- Lao động: nhiều lao động phổ thông, cần cù chịu khó, làm quen các công việc chăm sóc cây, bứng cây, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản. Giá nhân công rẻ.
- Có các khu du lịch sinh thái nên có nhiều khách hàng tìm đến mua cây cảnh.
- Dịch vụ SVC: Có lò gốm làm chậu cảnh nên giá chậu rẻ hơn các nơi khác. Có các nghệ nhân vừa sản xuất kinh doanh SVC vừa tham gia giảng dạy ở ĐH Cần Thơ, Trà Vinh,...

❖ **Điểm yếu (W)**

- Kinh phí hoạt động của Hội bị hạn chế.
- Trình độ văn hóa của đa số hội viên chưa cao, có người chưa biết chữ, chưa giao lưu học hỏi nhiều. Hội cơ sở cấp xã, huyện hoạt động chưa mạnh. Đa số làm theo kinh nghiệm bản thân, chưa qua trường lớp, chưa có trình độ cao về nghệ thuật tạo dáng, kỹ thuật ghép cây cảnh, chăm sóc SVC, chưa nắm được sinh lý, sinh thái cây trồng; bứng trồng, thay chậu theo kinh nghiệm, v.v... , nhiều cây còn yếu, bị chết.
- Sản xuất đơn lẻ, manh mún, số lượng ít, chưa liên kết. Thiếu thông tin về SVC. Giá trị nghệ thuật của các sản phẩm SVC chưa cao, mới có các cây cảnh dạng bán thành phẩm, giá chưa cao. Thiếu giống mới, giống tốt, cây quý hiếm.
- Thiếu kiến thức về kinh tế SVC, về thị trường, kinh nghiệm quản lý và kinh doanh, dịch vụ SVC, chưa có đủ thông tin về giá sản phẩm SVC trong và ngoài nước, mua đắt, bán rẻ, chưa đủ hiểu biết đã làm kinh doanh nên lỗ vốn: mua 30 triệu đồng, chăm sóc thời gian cây cảnh không phát triển, bị chết chỉ bán được 3 triệu đồng. Chưa tính được công chăm sóc SVC của bản thân hay chưa đánh giá đúng giá trị của sản phẩm SVC do mình tạo ra.
- Bán **cây nguyên liệu giá rất rẻ**. Chưa có thương hiệu, Mua bán lòng vòng và bị ép giá sản phẩm SVC.
- Thiếu thông tin giá hàng hóa SVC, chưa có trang webside trên Internet. Thiếu máy vi tính và rất ít người biết sử dụng máy vi tính.
- Thiếu vốn đầu tư, nhiều người còn nghèo. Thời gian cho vay vốn ngắn (1 năm) không phù hợp với cây kiểng lâu năm, chưa có sản phẩm để bán, lấy đâu ra tiền để trả nợ ngân hàng.
- Vị trí địa lý không thuận lợi - xe chạy qua đi luôn đến vùng xa hơn, đô thị xa hơn (Cần Thơ, An Giang, ..) hoặc

về gần Tp. HCM hơn.

- Chưa có Chợ SVC hay mặt bằng để trưng bày SVC của tỉnh Vĩnh Long.

❖ **Những cơ hội đối SVC Vĩnh Long**

- Lãnh đạo UBND tỉnh, các Sở ban ngành nhận thức được vai trò quan trọng của SVC, rất quan tâm đến Hội SVC và mong muốn phát triển và sẽ có quy hoạch diện tích xây dựng Trung tâm SVC - Chợ SVC của tỉnh ở Tx. Vĩnh Long.
- Hội có quan hệ mật thiết với Hội TW và các tỉnh thành khác. Phó Chủ tịch Hội SVC Việt Nam là Chủ tịch Hội SVC tỉnh Vĩnh Long.
- Thông tin trên mạng Internet phổ biến và rộng rãi về các kiểu dáng SVC, các loài SVC, các kỹ thuật và kiến thức cơ bản về SVC. Mua được tạp chí Việt Nam Hương sắc để tham khảo.
- Các Hội Hoa Xuân, chấm thi, trao giải SVC giá trị nghệ thuật và nhiều nghệ nhân Vĩnh Long được giải.
- Nhu cầu SVC ngày càng cao do mức sống cao.
- Có thể vay vốn đầu tư từ ngân hàng để phát triển SVC.
- Du lịch sinh thái nhà vườn phát triển, giao lưu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cây cảnh.
- Có điều kiện để các hội viên tham gia học tập qua sách báo, tài liệu, qua các lớp tập huấn ngắn hạn về kỹ thuật SVC và Kinh tế SVC.
- Giao thông vận tải: đường thủy thuận lợi vận chuyển SVC bằng ghe, thuyền. Đường bộ thuận lợi ở khu vực Trung tâm của tỉnh, có thể vận chuyển cây cảnh bằng ô tô lên Tp. HCM và các nơi khác nhưng giao thông đi lại trong các huyện xa không thuận lợi.

❖ **Những đe dọa đối với Vĩnh Long**

- Đất phèn, nhiễm phèn, nhiễm mặn.

- Thiên tai: lũ lụt, lốc xoáy làm đổ chậu cây kiểng, cây bị đổ ngã, gãy cành, bị chết.
- Sâu bệnh, dịch bệnh SVC bị suy giảm hay bị chết. Phân bón hóa học tăng giá.
- Nguồn nguyên liệu ngày càng hạn chế vì mọi người chỉ đi tìm mua cây sẵn có trong các nhà vườn, không ươm giống.
- Cây lớn xung quanh nhà vườn che bóng nên cây cảnh không phát triển, trổ hoa ít.
- Ô nhiễm môi trường nước, hậu quả môi trường do thuốc trừ sâu, diệt cỏ, phân bón hóa học.
- Cạnh tranh không lành mạnh. Thị trường không ổn định, không biết bán ở đâu, giá rẻ. Chưa có đầu mối bao tiêu hay đặt hàng các sản phẩm SVC. Cạnh tranh của vùng lân cận như Bến Tre, Sa Đéc, Cần Thơ đã có tay nghề lâu đời và nổi tiếng về cây cảnh, các loài hoa,..
- Hàng ngoại nhập tràn lan, ý thích của người tiêu dùng thích hàng ngoại nhập.
- Bị gài độ (lừa đảo) khi đặt hàng mua cây cảnh (Chung Thành Huệ- Cái Bè Tiền Giang). Mất trộm, an ninh một số nơi chưa tốt.

Sau khi liệt kê các chỉ tiêu về mạnh, yếu, cơ hội và đe dọa, Hội SVC Vĩnh Long cần sắp xếp các chỉ tiêu theo thứ tự ưu tiên, cho điểm và viết gọn vào bảng ma trận của phân tích SWOT.

Sau này trong quá trình thực hiện, mỗi Hội, chi hội SVC sẽ tự ứng dụng phương pháp này để phân tích, đánh giá về Hội của mình về mỗi bản thân mỗi hội viên.

Kết quả ứng dụng phương pháp phân tích SWOT sẽ cho phép chúng ta đánh giá nhanh những thế mạnh, những điểm yếu kém còn tồn tại cần khắc phục, những cơ hội để đừng bỏ lỡ và những đe dọa trước mắt và lâu dài để có biện pháp phòng chống kịp thời hay ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực.

5.4. Tóm lược tình hình SVC ở Tp. HCM

- **Hội SVC Tp. HCM**

Tp. HCM là một trong những trung tâm kinh tế, khoa học – kỹ thuật, chính trị, văn hóa, nghệ thuật của Việt Nam. Hội SVC Tp. HCM đã thành lập năm 1995. Đây là Hội khá mạnh. Hội SVC Tp. HCM có nhiều bộ môn chuyên ngành SVC như: cá cảnh, Bonsai, Hoa Lan (Phong Lan), cây cảnh, chim cảnh, thú cảnh, v.v.

Năm 1981, Thành phố tổ chức Hội Hoa Xuân đầu tiên của miền Nam ở công viên Tao Đàn và từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 9 năm 2006 cũng tại đây sẽ tổ chức Festival SVC lần đầu tiên ở Việt Nam. Hội SVC Tp. HCM đang bận rộn với việc chuẩn bị cho Festival này.

Theo ý kiến của ông Võ Văn Cương – Phó Chủ tịch Hội SVC Việt Nam – Chủ tịch Hội SVC Tp. HCM, hiện nay đã có trên 20 tỉnh thành và nhiều nước tham gia Festival SVC.

Hội SVC Tp. HCM có nhiều Câu lạc bộ (CLB) SVC hay Hội chuyên ngành SVC:

Cá cảnh - CLB cá cảnh đã sưu tầm và nuôi các loại cá từ biển khơi, một số loài quý hiếm có màu sắc sặc sỡ như: cá Đĩa, cá Rồng: Ngân Long, Hoàng Long, – Cá Rồng châu Á (Asian Arowan). Giá mua, bán cá cảnh rất cao.

Ví dụ: Cá Ngân Long giá tới 250 USD, cá Kim Long Hồng vĩ có giá từ 30 - 50 ngàn USD, Hạc Đỉnh Hồng, là một con cá Chép màu trắng trên đầu có một vòng tròn màu đỏ tươi, có giá tới 1 triệu đô la Mỹ, v.v. Cá cảnh có giá bán vài chục ngàn đến vài trăm ngàn đô la Mỹ là bình thường.

Theo ông Nguyễn Văn Lãng - Chủ nhiệm Câu lạc bộ Cá cảnh TP. HCM cho biết, mục tiêu của CLB Cá cảnh TP. HCM là sưu tập các loại cá cảnh, nhất là cá Dĩa từ các nước để về nuôi và lai tạo, nhằm làm đa dạng và phong phú các chủng loại cá cảnh, vốn trước nay hầu hết chỉ gây giống trong nước, nên giá xuất khẩu rất thấp và không còn gây được sự chú ý của nhiều khách hàng nước ngoài. CLB Cá cảnh Tp. HCM đã nhập về 530 cá cảnh giống, chủ yếu là

cá Dĩa các loại, như cá Dĩa Leopard, Snow White, Snake Skin, Yellow Discus, Red Melon, Red and White...Với số cá giống này, khi lai tạo thành công, sẽ đưa về các cơ sở nuôi cá cảnh là thành viên của CLB để nhân nuôi ra số lượng hàng hóa lớn, để cung cấp thị trường trong nước và xuất khẩu.

Việt Nam dành được 7 giải trong tổng số 13 giải thưởng tại Cuộc thi cá cảnh quốc tế **Aquarama '95** tại Singapore. 4 con cá Dĩa của một cơ sở tại TP. HCM đoạt một lúc 5 giải, trong đó 1 con đoạt giải đặc biệt (là giải thưởng lớn nhất của cuộc thi) kiêm giải nhất, 3 con kia đoạt giải nhất, nhì, ba. Cũng tại cuộc thi này, 2 con cá của một người Singapore cũng đoạt 2 giải thưởng, người này đã công khai loan báo 2 con cá này cũng được mua của Việt Nam.

Thế Mạnh của cá cảnh miền Nam Việt Nam: khí hậu cận nhiệt đới, không có mùa đông, thuận lợi cho cá cảnh sinh sản. Theo ông Lãng: "Cá Dĩa trên thế giới bình thường chỉ đẻ được từ 20-100 con, mức kỷ lục cũng chỉ đến 150 con, còn cá Dĩa Việt Nam đẻ 300-400 con là phổ biến, kỷ lục lên tới 500 con".

Câu lạc bộ Cá cảnh đang được nâng lên thành Hội Cá cảnh và sẽ xuất bản tờ tạp chí "Cá cảnh" để hướng dẫn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm, phổ biến các "bí quyết", cung cấp thông tin về thị trường cho những người nuôi cá cảnh trong cả nước. Ước tính trong cả nước có khoảng 1 triệu người chơi cá cảnh và có khoảng 10% trong số đó là dân chơi cá chuyên nghiệp.

CLB Hoa Lan - cây cảnh, Bonsai, hòn non bộ và tiểu cảnh... cũng phát triển ở hầu hết các quận, huyện của Tp. HCM. CLB Chim cảnh trước đây cũng rất phát triển và Hội thi Chim cảnh đã tổ chức ở Q. Gò Vấp và nhiều nơi khác nhưng do dịch cúm gia cầm nên kinh doanh dịch vụ chim cảnh hầu như thua lỗ và CLB chim cảnh hầu như không hoạt động, một số nghệ nhân vẫn nuôi và cầm cự những con chim cảnh cưng của mình.

Tình hình cụ thể Hội SVC Tp. HCM và các CLB chuyên ngành SVC của Tp. Hoà Chí Minh, các bạn có thể tham khảo trong nhiều tài liệu ở các gian hàng trong Festival 2006 tại Tp.

HCM và có dịp mời các bạn có thể đến tham quan các vườn kiểng ở Tp. HCM ở Khu vực Thảo Cầm Viên Sài Gòn, ở quận Gò Vấp, Tân Bình, v.v. các huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, ... Các vườn cây kiểng các khu biệt thự ở Phú Gia - Phú Mỹ Hưng- Q.7, An Phú- Q.2, Bình Quới –Thanh Đa, Q. Bình Thạnh, Q. 9 và Thủ Đức, v.v. của Tp. HCM với nhiều sản phẩm SVC có giá trị kinh tế và nghệ thuật cao.

5.5. Tóm lược tình hình một số Hội SVC địa phương

Nhiều tỉnh đã thành lập Hội SVC và các chi hội cấp huyện, xã. Hội SVC Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, Lâm Đồng, Tp. Đà Nẵng, Thái Bình, Hưng Yên, Tp. Vũng Tàu, v.v, .đã thành lập và hoạt động khá tốt.

Sau đây có thể tóm lược một số tình hình của các Hội SVC như sau:

Hội SVC tỉnh **Hải Dương** đã thành lập ở 11 huyện và Tp. Hải Dương với 150 chi hội xã, phường, tổng số gần **5.000 hội viên** do ông Nguyễn Văn Thanh, Phó chủ tịch UBMTTQ tỉnh làm Chủ tịch, 3 Phó Chủ tịch và 27 ủy viên nhiệm kỳ II. Hội SVC tỉnh Hải Dương đã xác định chỉ tiêu phấn đấu đưa diện tích trồng hoa cảnh đến năm 2010 tăng gấp 5 lần hiện nay (tức 250 đến 300 ha).

Hội SVC tỉnh **Thái Bình** có gần 200 chi hội và gần **7.000 hội viên**, tập trung sản xuất hoa - cây cảnh, xây dựng 343 vườn, trang trại SVC, nhiều vườn có giá trị trên 100 triệu đồng.

Hội SVC tỉnh **Yên Bái** thành lập tháng 5 năm 2005 còn rất non trẻ nhưng sau một năm hoạt động số hội viên đã gần **400 người** và đã triển khai chi hội ở các thị xã, thị trấn và ở Tp. Yên Bái. Các huyện Yên Bình, Văn Chấn, Văn Yên, Mù Cang, Trạm Tấu và nhiều huyện khác đang khẩn trương chuẩn bị thành lập chi hội SVC.

Sơn Tây, thành lập Hội SVC từ năm 1994, đã trưởng thành và có nhiều kinh nghiệm, đang phát triển mạnh ở vùng đồi gò và mọi người đến với Sơn Tây đều nhớ câu nói rất dễ thương: "con tâu tắng, buộc bờ te tụi"(con trâu trắng, buộc bờ tre trụi).

Hội SVC **Nam Định**, hiện toàn tỉnh đã chuyển 98 ha sang làm SVC. Thu nhập SVC so với cây lúa, trồng màu, gấp từ 10 – 22 lần, các xã Thành Lợi (Vụ Bản), Bạch Long, Giao Lạc (Giao Thủy), Hải Anh, Hải Hà (Hải Hậu)... đã và đang thực hiện theo mô hình Điền Xá, Nam Toàn (huyện Nam Trực); Mỹ Tân (huyện Mỹ Lộc...) phát triển hoa - cây cảnh có hiệu quả kinh tế cao và đã lập danh sách bảo vệ 15 cây cổ thụ trên địa bàn tỉnh. Hội SVC tỉnh Nam Định là một trong những hội SVC mạnh của Việt Nam với **8.500 hội viên**, trong đó 60% số hội viên đã có thu nhập về SVC, và 30% giàu lên từ SVC. Đến tháng 10 năm 2003 đã có 15% số hội viên trong tỉnh làm SVC giỏi, có thu nhập cao, đã có dư để mua được đất, làm nhà tầng, sắm được tiện nghi và xe gắn máy, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Nhiều hộ gia đình có vườn cảnh đẹp với giá trị từ 300 đến 500 triệu đồng.

Hội SVC tỉnh **Bến Tre** đã có trên 15 tuổi, với khu vực ươm hoa cây cảnh tập trung ở huyện Chợ Lách. Cuối tháng 5 năm 2006, Bến Tre đã tổ chức lễ hội thu hút 60.000 lượt khách tham quan, bán được 46.000 cây giống và 27 tấn trái cây các loại. Các nghệ nhân và hội viên SVC dự thi đã đạt 43 giải thưởng các loại với gần 8 triệu đồng tiền thưởng.

Hội SVC tỉnh **Đồng Tháp** có làng hoa truyền thống ở Sa Đéc đang phục hồi và ngày càng phát triển để xứng danh "Tháp Mười đẹp nhất bông Sen, Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ".

Hội SVC **Tp. Vũng Tàu** đã tổ chức thực hiện đề tài trồng một số loại cây bóng mát nhập của nước ngoài, có sức chịu gió biển nhiễm muối đạt kết quả tốt, sẽ đưa ra trồng trên quy mô rộng trong thời gian sắp tới v.v.

Tóm lại, thời gian hoạt động và thành lập của các Hội SVC các tỉnh khoảng 10-15 năm, trung bình 5-7 năm, có những Hội mới thành lập chưa đầy 1 năm. Có một số Hội thành lập nhưng không hoạt động hoặc hoạt động kém, "được chăng, hay chớ".

Nhìn chung, các Hội địa phương được các hội viên "chọn mặt, gởi vàng' để cử các cán bộ lãnh đạo Hội và vai trò của Ban lãnh đạo Hội rất quan trọng vì nó quyết định sự thành công hay hiệu quả của

Hội, có lôi cuốn được các hội viên tham gia hay không?.

Số hội viên SVC ngày càng đông và nội dung sinh hoạt hội càng phong phú. Các Hội SVC có các CLB chuyên ngành, sinh hoạt chuyên sâu loại SVC mà mình yêu thích như CLB Xương rồng Cần Thơ, An Giang, ..,CLB Bonsai, cá cảnh, cây cảnh, Hoa Lan, Mai Vàng cấp cơ sở xã, huyện, phường của nhiều tỉnh thành tren cả nước.

Ngoài ra, các nghệ nhân, các nhà khoa học, hay hoạt động văn hóa nghệ thuật, người tiêu dùng ưa thích SVC tập trung thành từng nhóm chơi cây cảnh, cá cảnh hay Bonsai, Mai vàng, Hoa Lan, chim cảnh, chó cảnh,... để cùng tranh luận, bình phẩm, học hỏi lẫn nhau kinh tế chăm sóc SVC hay thưởng thức cùng với văn, thơ, trà, rượu trong những ngày nghỉ cuối tuần đã tạo điều kiện cho SVC phát triển và phong phú đa dạng.

Hàng năm đều có Hội chợ triển lãm ở các tỉnh, thành phố. Hội SVC và thi SVC 12 tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long tổ chức tại Bến Tre, hội hoa thành phố Đà Lạt, hội trưng bày và thi SVC ở Bình Định, Thái Bình, hội chợ xanh quốc tế tại cố đô Huế, hội hoa xuân thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và nhiều nơi khác, được nhân dân trong nước và cả bạn bè quốc tế hết sức hoan nghênh, khen ngợi.

Để xây dựng phát triển và bảo tồn các tác phẩm SVC có giá trị lịch sử, văn hóa, các danh lam thắng cảnh, tiến tới xây dựng Bảo tàng Quốc gia về SVC. Tỉnh Nam Định đã thống kê và có hồ sơ, kế hoạch bảo vệ 380 cây cổ thụ có trên 100 năm. Tỉnh Bến Tre đã gắn biển bảo vệ 208 cây cổ thụ.

Ngoài, ra, cây hoa, cây cảnh còn được trồng ở các nghĩa trang liệt sỹ, các nhà lưu niệm, di tích văn hóa, lịch sử và cách mạng,... hàng năm được bổ sung, chăm sóc cây cảnh làm cho cảnh quan các nơi công cộng ngày càng xanh tươi, sạch đẹp hơn.

5.6. Phân tích SWOT đối với các người sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người tiêu dùng SVC

Khi bạn cầm trên tay quyển sách này, có thể bạn là người sản xuất, người tiêu dùng, người kinh doanh, dịch vụ SVC hay

nhà quản lý, nhà văn hay nhà thơ, hay là sinh viên đang còn đi học, người nội trợ, v.v. nhưng trước tiên bạn là người yêu thích thiên nhiên và sau đó muốn làm kinh tế, muốn đạt được thành công và có hiệu quả trong mọi công việc, ngoài ra bạn còn mong muốn hiểu biết được nhiều hơn, làm được nhiều việc hơn có ích cho gia đình, bản thân và cho xã hội.

Vì vậy, bạn hãy cùng tác giả biên soạn sách "Kinh tế SVC Việt Nam" trình bầy về ứng dụng phương pháp SWOT để phân tích và áp dụng cho chính bản thân mình và công việc mình đang thực hiện hay sẽ thực hiện hoặc giúp đỡ người thân của mình phân tích, tháo gỡ những tình huống khó khăn. Khi làm xong các bạn có thể tự thảo luận theo nhóm, và gởi trực tiếp theo địa chỉ E-mail hay thư để tác giả để chúng ta cùng thỏa luận với bạn và tôi nghĩ rằng bạn sẽ rất thú vị.

Khi tôi giảng dạy môn Kinh tế SVC ở thị xã Vĩnh Long, anh Dư Hữu Đức và anh Bùi Anh Trung –Ban đào tạo của Trung tâm Nghiên cứu, Dịch vụ SVC Tp. HCM đi một vòng khu nhà ở của học viên và nói; "Cô Lan ơi, tối nay không có ai đi chơi hay đi nhậu, mọi người đang bò lăn ra làm bài tập của cô". Khi thảo luận cả lớp đều rất nhiệt tình và thú vị. Riêng anh Nguyễn Văn Mẫn – Phó Chủ tịch Hội SVC của tỉnh Vĩnh Long đã tự nguyện làm 2 bài kiểm tra ứng dụng phương pháp phân tích SWOT cho Hội SVC Vĩnh Long và một bài cho chính bản thân anh. Và để chứng tỏ thế mạnh ưu việt của mình, anh giới thiệu với tôi một người và khoe "Vợ em cũng đi học với em, cùng tham gia trồng và kinh doanh cây cảnh" cùng tập thơ "Nỗi niềm" của anh và con gái Nguyễn Thị Kiều Nga". Như vậy gia đình anh Mẫn có thế mạnh *"Gái giống Cha, giàu ba họ"* và *"thuận vợ thuận chồng, tát cạn biển Đông"*. Ngoài công tác hội và công việc của mình anh còn tham gia giảng dạy kỹ thuật cây cảnh cho sinh viên ở tỉnh Trà Vinh.

Anh Nam ở chi Hội Bình Minh phát biểu: "em có thêm một thế mạnh nữa là được bà xã ủng hộ và cho vay tiền mua cây Mai vàng, 4 triệu đồng. Em đang chăm sóc cây Mai vàng đó và xin hứa sẽ có lời và hoàn trả lại tiền sau 2 năm".

Còn gì bằng khi được những người thân trong gia đình, hay bạn bè ủng hộ mình và mong muốn phát triển ngành nghề mà mình yêu thích. Đây cũng chính là thế mạnh của mỗi chúng ta trong quá trình thực hiện dự án nói chung và SVC nói riêng.

Các học viên trong lớp học môn kinh tế SVC có dịp giao lưu học hỏi và trao đổi kinh nghiệm tại sao thua lỗ, lợi nhuận SVC ở tỉnh Vĩnh Long chưa cao và nhận thấy "rất thích môn học Kinh tế SVC".

Anh Ba Xê ở huyện Long Hồ rất vui khi chúng tôi đến vườn cây cảnh của anh với rất nhiều cây quý hiếm và các cây đại thụ. Anh thú nhận: "em sợ không học được vì em chỉ biết đọc, biết viết sơ sơ, nhưng em rất thích học môn kinh tế SVC, nghe cô giảng bài em đã hiểu được phần nào, em sẽ cố gắng và không bỏ lỡ cơ hội". Từ hai bàn tay trắng và từ người làm thuê chuyên bứng cây, tưới cây đến nay anh Ba Xê đã tự làm chủ, có vốn gần 20 triệu đồng và vườn cây nguyên liệu có giá trên một trăm triệu đồng.

Còn anh Thu, anh Thành ở chi Hội Bình Minh, ngoài trồng cây còn tham gia giảng dạy ở Cần Thơ và Trà Vinh về kỹ thuật Bonsai, cây cảnh. Tôi đùa và nói với anh Thu vì anh còn có thêm nghề đông y: "người ta tỉa cây, cắt cành và bỏ đi như rác thải, còn anh thì lấy chúng "sao vàng hạ thổ lá và cành cây cảnh rồi cân từng gram để làm thuốc chữa bách bệnh. Như vậy là hái ra tiền".

Mọi người đều nhận thấy sản xuất SVC, kinh doanh SVC hình thành theo kiểu tự phát manh mún là không có lợi và "Buôn có bạn, bán có phường". Vì vậy, cần phải liên kết lại theo Hội và các chi hội để có thêm sức mạnh, vì:

"Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại, nên hòn núi cao"

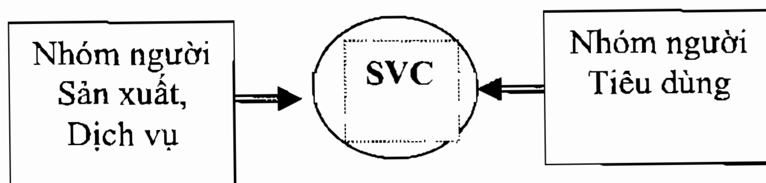
Và muốn nhanh chóng đi lên phải tranh thủ đi học "không thầy, đố mày làm nên" về kinh tế và kỹ thuật SVC.

Tóm lại, mối quan hệ giữa người sản xuất và người tiêu dùng và các nhà hoạt động trong lĩnh vực SVC có liên quan thể hiện theo sơ đồ sau:

SINH VẬT CẢNH

Người sản xuất	• Cá cảnh	Nhà lãnh đạo
Người kinh doanh	• Chim cảnh	Nhà quản lý
Người dịch vụ	• Thú cảnh	Người tiêu dùng
Nhà khoa học	• Cây cảnh	Sinh viên
Nhà nghiên cứu	• Hoa Lan	Học sinh
Giảng viên	• Hoa các loại	Người sáng tác
Nhà thiết kế	• Mai Vàng	Thơ, văn, ...
Nhà tư vấn	• Bonsai	Hội họa
.... ⇒	• Cây cảnh & cỏ cảnh	⇐ ....
Nhà công nghệ thông tin	• Xương rồng	Nhà kịch bản, sân khấu
	• Hòn non bộ	
	• Đá cảnh	

2 nhóm người sản xuất và tiêu dùng SVC có quan hệ với nhau rất chặt chẽ trên thị trường SVC.



Sự kết hợp hài hòa và tạo mối quan hệ thường xuyên giữa người sản xuất và người tiêu dùng SVC là rất cần thiết. Quan hệ bạn hàng, mối quen, để 2 bên cùng có lợi.

5.7. Tóm lược tình hình SVC thế giới

SVC trên thế giới cũng rất phát triển, có thể tóm lược tình hình SVC một số nước như sau:

Đài Loan có 13.000 ha chuyên canh hoa- cây cảnh, doanh thu 400 triệu USD/năm, trong đó xuất khẩu 60 triệu USD/năm. SVC được bán sỉ ở các trung tâm đầu mối.

Thái Lan tập trung sản xuất hoa Lan - cây cảnh, cá cảnh,

xuất khẩu 600 triệu USD/năm. Da số người Thái Lan theo đạo Phật và nhu cầu hoa trong nước rất lớn. Loại hoa nổi tiếng của Thái Lan là Phong Lan. Trồng hoa Phong Lan không tốn đất như các loại hoa khác và Thái Lan đã trở thành 1 nước xuất khẩu hoa Phong Lan lớn nhất thế giới. Doanh thu xuất khẩu lớn mà hoa Phong Lan đã đem lại cho Thái Lan khoảng 30 triệu USD/năm, với những thị trường chính là Nhật, EU và Mỹ. Thái Lan có đến 30 công ty lớn chuyên xuất khẩu hoa Phong Lan. Họ cạnh tranh lẫn nhau bằng cách giảm chất lượng để giảm giá. Năm 1994, hoa Phong Lan xuất khẩu của Thái Lan dã thu về cho đất nước này 48,6 triệu Bạt (29,9 triệu USD). Năm 1995, doanh thu này đã giảm xuống còn 730 triệu Bạt và năm 1996 chỉ còn 652 triệu Bạt. Từ năm 1998, vì sự phát triển loài rệp *Thrips Palmi* trong nhiều kiện hoa Phong Lan của Thái Lan xuất khẩu sang Pháp nên đã khiến nhiều nước EU cấm nhập Phong Lan của Thái Lan. Một số nước khác như Ấn Độ, Mêhicô và Hàn Quốc cũng cấm nhập hoa Phong Lan của Thái Lan vì sâu bệnh.

Trung Quốc: Theo ý kiến cuả ông Võ Văn Cương – Phó Chủ tịch Hội SVC Việt Nam – Chủ tịch Hội SVC Tp. HCM, ở các nước phát triển đều có Trung tâm giao dịch SVC, bán buôn và bán lẻ. Có một trung tâm SVC ở Trung Quốc bán 5 triệu cành hoa/năm.

Trung Quốc đang có kế hoạch đang chuyển sang hướng kinh tế công nghệ cao và SVC. Riêng tỉnh Vân Nam chuyên sản xuất hoa trên diện tích 14.000 ha đã xuất khẩu 50 triệu USD/năm. Trung Quốc là một trong những trung tâm trồng hoa sớm nhất, lớn nhất và đẹp nhất trên thế giới. Hiện nay trên thế giới có 27 vạn giống thực vật có hoa thì Trung Quốc có trên 2,5 vạn giống. Hoa Đỗ Quyên trở thành hoa cây cảnh chính của châu Âu. Toàn thế giới có hơn 900 giống cây hoa, trong đó Trung Quốc có 530 giống. Họ hoa Mộc Lan thế giới có 90 giống thì Trung Quốc có 73 giống. Hoa Mai cánh dài, thế giới có 6 giống đều có nguồn gốc tại Trung Quốc.

Các quốc gia đều có các Hội chuyên ngành: như Hội cá cảnh, hội hoa Lan, hội xương rồng, hội Bonsai.

Về cá cảnh: các loại cá Rồng có giá trị kinh tế cao. Phụ thuộc vào màu sắc trên vảy mà người ta đặt tên cho chúng. Một số lòai cá Rồng có thể biết đến ở châu Á, châu Úc và châu Phi. **Cá Rồng Châu Á** (Asian Arowana) nổi tiếng nhất và đắt nhất thế giới. Hiện có các loài màu đỏ (Hồng Long - Red Arowana có vảy, đuôi và vây hoàn toàn đỏ và có giá rất cao). Trong loài này có giống cá rồng màu đỏ ruby và giống có màu đỏ ớt, màu vàng kim (Kim Long- Gold Arowana - có màu vàng kim giống một thỏi vàng), màu xanh (Thanh Long- Green Arowana- vảy có màu trắng bạc và vây có màu xanh lá cây nhạt), loài lai giữa chúng là Hoàng Vỹ Long -Yellow-Tail Arowana - vảy có màu trắng sữa, đuôi và vây có màu vàng và Thanh Long. Cá Kim Long Malaysia- Malaysian Gold Arowana ở Malysia- vảy có ánh lam phản chiếu màu xanh lam. **Cá rồng Châu Úc**- Australia Arowana có những lòai: Ngọc Long Australia- Australia Pearl Arowana, Úc Long Hồng Điểm - Australia Spotted Arowana, Hồng Long Australia - Australia Red Arowana, Ngân Long- Silver Arowana, Hắc Long- Black Arowana vảy và vây có màu đen với một dải trắng nhưng khi trưởng thành những màu này biến mất và Hắc Long trở thành màu xám. **Cá rồng châu Phi**- Africa Arowana không đẹp, nên ít người chơi và chúng chủ yếu là loài cá làm vệ sinh vì ăn sinh vật phù du, táo và đôi khi cả cá nhỏ.

Doanh số bán lẻ cá cảnh trên thế giới hiện nay đã lên tới 7 tỉ $/năm, khoảng 80% được tiêu thụ tại thị trường Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. (*http://www.arowanaclub.com*).

Mỹ, châu Âu và Nhật là những nước chơi cá cảnh rất mạnh, nhưng vì là xứ lạnh nên họ không nuôi được một cách bình thường. Để cá có thể sinh sản và phát triển, họ phải can thiệp nhân tạo rất tốn kém, giá thành quá cao, bởi vậy nên họ phải nhập khẩu từ các nước và vùng lãnh thổ như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Hồng Kông, Đài Loan... Mỗi năm Singapore xuất hơn 300 triệu USD cá cảnh, các nước và vùng lãnh thổ khác mỗi năm xuất trên dưới 200 triệu USD.

Về Bonsai: Hội Bonsai Mỹ (**The American Bonsai Society**) thành lập năm 1967. Đây là một Hội tiên phong nhất đối

với Bắc Mỹ, trong đó có Mexico, Mỹ và Canada và CLB Bonsai Quốc tế. Hội Bonsai Nhật bán, Trung Quốc là những Hội mạnh.

Về Hoa Lan: Hội Hoa Lan (Fascination of Orchids International Show & Sales) năm 2006 ở California với trên dưới 70 gian hàng từ khắp nơi như Mexico, Thailand, Philippines, Taiwan, Hawaii , Ecuador v.v... và trên 100 bàn triển lãm cá nhân và hội đoàn đã lôi cuốn khách tham dự trên 100.000 người, do đó hội lan này được coi là một trong 5 hội hoa lan lớn nhất thế giới. Không còn vào cửa miễn phí như mọi năm mà **3$**/ngày hay 5$ cho toàn ngày hội. Số người bỏ tiền **500$** mua Hoa Lan trong Hội chợ không phải ít. Người Việt đã thành công trong việc trồng Lan (Bùi Xuân Đáng, www.*khoahoc.net*). Các loại Hoa Lan Việt Nam có thể tham khảo trên các webside: *http://www.hoalanvietnam.org*. Rất nhiều người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài thích chơi hoa Lan. Khi biên soạn quyển sách này tôi tham khảo trên mạng Internet và tìm thấy trang website về hoa Lan viết bằng tiếng Việt với rất nhiều ảnh đẹp, bài thơ hay, trong đó có bài thơ của chú Bùi Xuân Đáng ở California về tên của 24 loài hoa Lan Việt Nam. Tôi đọc và thấy hay nhưng nhận thấy chưa có vần nên đã mạo muội đổi chỗ vài chữ, sửa vài câu và gởi thư sang hỏi ý kiến chú Đáng. Tôi không ngờ được chú rất ủng hội và đồng ý và được chấp nhận cho phép tôi sử dụng những bức ảnh hoa Lan chú đã chụp. Chú Đáng đã dành cả cuộc đời mình cho nghiên cứu về hoa Lan. Còn ở Tp. HCM, PGS. TS. Trần Hợp – Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, Dịch vụ SVC của Hội SVC Tp. HCM đã có rất nhiều công trình về kỹ thuật nuôi trồng hoa Lan.

Hội Xương rồng và cây mọng nước:

Cây Xương rồng thường là một loại cây mọng nước thuộc họ Cactaceae, lá biến thành gai, (có cây ra hoa hai lá mầm). Họ Cactaceae có 200 chi, (trong đó có 90 chi phổ biến nhất) và 2.000 loài. Xương rồng , thường có mủ trắng, hoa thường lưỡng tính, xếp xoắn hay xoắn vòng. Bao hoa và nhị nhiều. Xương rồng ngoại trừ Rhipsalis baccifera, sinh trưởng chủ yếu ở vùng nhiệt đới, còn chủ yếu ở vùng nhiệt đới châu Phi, Madagascar và

Sri Lanka cũng như ở vùng nhiệt đới sa mạc châu Mỹ. Ở Việt Nam có nhập một số loài thuộc các chi: Echinocactus, Epiphyllum Hylocercus, Nopalea trồng làm cảnh.

Hội Xương Rồng **châu Úc** (Austrian Cactus and Succulent Association -ACSA) được thành lập từ năm 1930, với hơn 1.000 hội viên, có 13 chi hội (http://www.cactus.at/index).

Hội Xương Rồng **châu Mỹ** (The Cactus & Succulent Society of America CSSA) được thành lập từ năm 1929, với trên 2.000 hội viên, đã trở thành Hội Xương Rồng Quốc tế với hơn 100 chi nhánh, trong đó ngoài Châu Mỹ (30 bang) còn có các nước khác: Australia -- Canada -- India -- Mexico -- New zealand – Pakistan. (www.bcss.org.uk, http://www.cssainc.org/affiliat.html

www.cssainc.org, www.cactus-mall.com)

Như vậy, hội Xương Rồng ở các châu Á, châu Âu, châu Mỹ và châu Phi đã có từ lâu đời và rất phát triển.

5.8. Những đe dọa của phát triển SVC đối với Việt Nam

Những đe dọa của việc phát triển SVC chính là những tác động tiêu cực (**negative impact**) đến con người và môi trường của sự phát triển SVC ở Việt Nam.

Các dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhìn chung đều có tác động đến môi trường nhiều hay ít tùy quy mô, phạm vi và thời gian. Ngoài các yếu tố tích cực như phát triển SVC thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng xuất khẩu hàng hóa, xóa đói giảm nghèo, tăng giá trị sử dụng đất đô thị và nông thôn, v.v. và kèm theo đó là những hậu quả môi trường cũng rất nghiêm trọng nếu không lưu ý ngay từ đầu sẽ phải trả giá đắt khi phải khắc phục hậu quả môi trường.

Vào khoảng năm 1989-1990, ốc Bươu Vàng mới nhập vào Việt Nam. Chúng ta chắc ai cũng biết hậu quả của việc nhập khẩu và phát triển **ốc Bưu Vàng**, khi chúng bị xâm nhập ra đồng ruộng và rất phàm ăn nên chúng xơi hết những gì có thể ăn được, đặc biệt là lúa và bùng phát gây ra thiệt hại rất đáng kể cho sản xuất nông nghiệp và chi phí dọn dẹp chúng rất tốn kém.

Hậu quả của chiến tranh là sự xâm lấn cỏ Mỹ do Mỹ rải hạt cỏ ở khu vực miền Đông Nam bộ và huyện Củ Chi Tp. HCM trong thời gian chiến tranh cho ta thấy rất rõ. Nơi nào cỏ Mỹ phát triển thì các loại cây cỏ khác không mọc được. Chúng xâm lấn và chiếm lãnh địa rất nhanh và chỉ cần gốc rễ nhỏ cũng phát triển rất mạnh. Khi còn tươi vẫn cháy rất tốt, đặc biệt trong mùa khô, khi ở miền Nam đêm vẫn có sương và sáng ra nếu có sinh vật hay con người đi ra từ vùng cỏ này sẽ tạo thành dấu vết do rụng sương trên lá cỏ rất rõ nét và khi đi máy bay để quan sát và dội bom thì không thể chạy thoát và không bị sai lệnh mục tiêu. Cỏ cây khi bị lợi dụng phục vụ cho các mục đích quân sự thật là nguy hiểm đối với con người và môi trường.

Việc xâm lấn của **cây Trinh nữ thân gỗ hay cây Mai Dương** *Mimosa pigra* ở khu vực Tràm chim Tam Nông tỉnh Đồng Tháp, ven sông Đồng Nai, Sài Gòn và nhiều nơi khác đã làm cho **chim Sếu đầu đỏ** không dám về sinh sống vì cây Mai Dương có nhiều gai đâm vào chân chúng và cây này lấn chiễm nhanh chóng diện tích mặt nước nơi mà chúng có thể "dạo chơi" và kiếm ăn v.v. Hiện nay cây Trinh nữ thân gỗ xâm lấn rất nhiều nơi nhưng nhiều người không biết tác động xấu của nó nên lấy về trồng làm hàng rào, hay để chúng phát triển tự nhiên trong vườn để "làm cảnh" ngắm chơi.

- Các loại sâu bọ nhập khẩu về cho chim ăn để chúng hót hay, múa giỏi, v.v. Hãy cẩn thận khi chúng bị "sổng" hay trốn thoát chạy ra môi trường.

Trên thế giới, các quốc gia như Australia, New Zealand và Mỹ mới chỉ bắt đầu nhận ra việc cá cảnh thoát vào môi trường tự nhiên là một vấn đề quan trọng. Đầu năm nay, một cuộc khảo sát cho thấy 16 loài cá nhiệt đới, không phải là bản địa, được tìm thấy tại 32 địa điểm dọc bờ biển Đông Nam của Florida. Nguyên nhân chủ yếu là do con người thả cá cảnh từ bể nuôi vào đại dương.

Các loài cá du nhập có thể gây hại cho các hệ sinh thái ở một góc độ nhất định. Chúng có thể cạnh tranh thức ăn và đẩy các loài bản địa tới bờ vực tuyệt chủng. Ngoài ra, cá du nhập có thể biến đổi các môi trường sống theo những cách thức có hại đối với cá

bản địa. Chẳng hạn như cá **catfish** phá vỡ hệ thực vật và biến đổi bờ biển, làm cho các loại cá khác không thể cư ngụ được.

Cá nhập cư cũng có thể mang các căn bệnh lạ hoặc có thể là động vật săn mồi hiếu chiến, đe dọa trực tiếp tới cá bản địa. **Cá Chuối** phàm ăn của Trung Quốc, dài tới 1m (snakehead, tên khoa học là *Channa argus*), đã săn bắt cá và động vật lưỡng cư bản địa tại một số bang ở Mỹ, trong đó có Maryland và hiện giờ là Virginia.

Một số loài chẳng hạn như **cá Sư tử** (*Pterois volitans)*, hiện được tìm thấy ở ngoài khơi bờ biển Đông Nam của Mỹ, có gai độc và thậm chí là mối đe dọa đối với con người.

Nhà sinh học biển Brice Semmens thuộc ĐH Washington cho biết: gần đây mà phát hiện 16 loài cá sư tử bản địa ở ngoài khơi bờ biển Florida. Thực vật biển nhập cư cũng là mối đe dọa lớn.

Thực vật biển nhập cư cũng là mối đe dọa lớn. **Tảo biển** *Caulerpa taxifolia* sinh trưởng nhanh, còn được gọi là tảo hủy diệt, là một loài thực vật cảnh phổ biến. Kể từ những năm 1980 nó đã xâm lược nhiều vùng bờ biển Địa Trung Hải và phải tiêu tốn hàng chục triệu USD mới diệt trừ được chúng khỏi vùng biển California.

Giao thông vận tải đường thủy với các tàu lớn chở hàng hóa và lượng nước dằn khá lớn trong các bông tàu, và có thể chứa trong đó là những sinh vật xâm hại. Nước dằn được chứa trong khoang tàu thủy để tăng sự ổn định. Một con tàu có thể hút nước dằn cùng với vố số sinh vật biển tại một vùng rồi xả nước đó ở một vùng khác ở một quốc gia khác. *(Nguồn: National Geographic. Minh Sơn dịch*)

- **Kiểm dịch xuất nhập khẩu hàng hóa SVC và ách tắc ở sân bay có thể xảy ra**

Ví dụ: Ngày 3/12/2005, Công ty Thảo Nguyên giao cho khách hàng là ông Nguyễn Văn Phú 2 thùng cá cảnh để đem theo hành lý trên chuyến bay TG687 vào buổi chiều cùng ngày của hãng hàng không Thái Lan (Thai Airways). Theo các quy định quốc tế về vận chuyển cá bằng đường hàng không, 2 thùng cá này đã được đóng trong thùng carton 5 lớp, có in ký hiệu cá sống

(Live Tropical Fish), bên trong là 1 thùng xốp, cá được đóng trong bao nhựa plastic. Giấy tờ kèm theo gồm hóa đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận kiểm dịch, mọi điều kiện đều đúng quy định của Thai Airways. Tuy nhiên, khi cân hành lý để làm thủ tục, các nhân viên người Việt của Thai Airways đã từ chối nhận gửi hàng (xách tay hoặc ký gửi vào khoang hành lý) mà không giải thích rõ ràng lý do, chỉ nói rằng hãng không nhận cá sống. Sau đó, ông Nguyễn Văn Phú đã phải đi chuyến bay này và để lại 2 thùng cá ở quầy làm thủ tục đi các nơi.*(Hoàng Hải Vân – Báo Thanh Niên, Thứ tư, 7/12/2005)*. Hiện nay, theo ý kiến của cô Cát Tiên – văn phòng CLB cá cảnh ở Điện Biên Phủ Q.3 (ngã 3 giao với đường Bà Huyện Thanh Quan) xuất đi các nơi khác, nhập cá cảnh theo đường hàng không từ Tp. HCM đã được giải quyết không có gì trở ngại.

Việc xuất, nhập các loại cây-con khác vào Việt Nam phải tuân thủ theo Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật, số 6/2001/PL -UBTVQH10, do Chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An ký ngày 25 tháng 7 năm 2001. "Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định và công bố danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật, danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật" (*Điều 15-chương 3. Kiểm dịch thực vật), (xem chi tiết ở phần phụ lục*).

- **Mất trộm các cây đại thụ**

Cây đại cảnh thường chỉ là dáng trực, dáng xiêu. Những cành không cần thiết sẽ bị cắt bỏ, sau đó người ta đào gốc và thuê xe chở về. Thời gian sau cây bắt đầu đâm chồi, nảy lộc và người ta bắt đầu hoặc giữ nguyên cho cây phát triển bình thường, tạo dáng cho cây. Người qua đường có thể nhìn thấy hàng loạt cây cụt cành, cụt ngọn, gố to nhỏ đủ kiểu, đủ loại cây được dựng tạm ở những nơi đất chưa xây dựng dọc hai bên đường ở vùng ven đô.

Nạn ăn trộm cây xanh, cây cảnh lâu năm ở những nơi công cộng hoặc tín ngưỡng (chùa, tu viện) hay các khu bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, khu di tích lịch sử, văn hóa vì các cây này có giá trị kinh tế cao. Cây nguyên liệu làm cảnh hoặc thú chơi cây

đại thụ và kỹ thuật bứng cây, vận chuyển không quá khó khăn nên các cây đại thụ dễ dàng bị biến mất và nguồn cây nguyên liệu tự nhiên ngày càng khan hiếm.

- **Ô nhiễm môi trường**

Việc sử dụng **phân bón hóa học, thuốc trừ sâu**, thuốc bảo vệ thực vật đã và đang gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt là sử dụng phân Urê và việc dư thừa đạm trong đất. Từ đó sẽ gây ra ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm, gây phú dưỡng hóa các thủy vực và là nguồn gây ra bệnh ung thư khi con người uống nước mà trong nước có nhiều Nitơ.

Phân chim cảnh gây ô nhiễm môi trường không khí ở nơi nuôi chim nếu không dọn dẹp thường xuyên hoặc khi dọn dẹp chúng nhưng không đảm bảo yêu cầu bảo hộ lao động.

- **Lấn chiếm lòng lề đường**

Do bán cây cảnh tràn lan, do không quản lý và không có nơi trưng bầy hay chợ SVC theo định kỳ hay thường xuyên nên gây ắc tắc giao thông. Cây cảnh cỡ lớn không cần chăm sóc tỉ mỉ như dạng Bonsai.

- **Cây cảnh kém chất lượng**

Người bán dạo, buôn bán cây cảnh "rởm" chở xe đạp, hay xe ba gác bán cây cảnh dạo quanh ngõ phố. Nhiều cây chỉ có cành, dăm sơ sài không có gốc rễ hoặc khi bán mới bứng ở vườn cho vào chậu nên cây trồng bị chết sau vài ngày. Vì vậy đã làm nản lòng những người tiêu dùng chưa am hiểu và gây chán nản trong việc mua sắm hay chơi cây cảnh khi nhìn cây đã chết hoặc chẳng bao giờ ra bông nữa chỉ sau vài ngày mua cây.

- **Phát triển sâu bệnh, dịch bệnh**

Ví dụ: Đối với dịch bệnh H5N1 và khi được thông báo: Chim là một trong những nguyên nhân gây ra dịch bệnh cúm giống như đối với gia súc, gia cầm. Các loại chim cảnh được phóng thích ra ngoài môi trường và không ai quản lý chúng.

Các loài nấm mốc, sâu bệnh có thể lây lan qua đất trồng cây và chỉ phát triển khi có điều kiện thuận lợi.

Bệnh dại do chó, mèo gây ra. Một số nghiên cứu cho rằng trẻ em còn nhỏ không nên chơi với mèo, hay chuột vì lông của chúng có nguy cơ gây bệnh và có thể bị chúng cắn. Khi bị chó hay mèo cắn phải đi trích ngừa phòng bệnh dại ngay lập tức.

- **Các loại thú cảnh có thể thoát ra môi trường**

Ví dụ: Cá Sấu nuôi ở Công ty Gia Nam huyện Bến Cát tỉnh Bình Dương, theo anh Khải – Giám đốc điều hành Cty cho biết, khoảng 20 con cá Sấu bị sổng chuồng và thoát ra ngoài. Chúng bò vào khu tập thể của công nhân vào buổi tối để "xem TV" do bờ bể và hàng rào B40 hơi thấp. Nhưng rất may là chúng không cắn ai cả vì chúng đã được ăn no. Hiện nay, khu vực nuôi Cá Sấu đã làm cửa ngăn di động rất thuận lợi cho việc dọn vệ sinh, thay nước và bảo vệ. Cá Sấu ăn những con heo con không may bị bệnh hay yếu hoặc nhau con heo khi mới đẻ. Như vậy, nuôi heo không tạo ra chất thải rắn, không gây ô nhiễm môi trường mà Cá Sấu lại rất mau lớn và còn đem lại hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

Ở khu vực các quận huyện ngoại thành Tp. HCM có nhiều nơi nuôi cá Sấu nhưng bảo vệ tốt nên chưa xảy ra hiện tượng chúng thoát ra môi trường.

Tóm lại, những đe dọa có thể đã xảy ra mà mọi người đã biết nhưng chưa phòng ngừa, quan trọng hơn, nguy hiểm hơn tất cả là những đe dọa hay tác động tiêu cực mang tính tiềm ẩn sẽ xảy ra hay có nguy cơ xảy ra mà chúng ta chưa lường hết được đối với sản xuất và kinh doanh SVC. Vì vậy, chúng ta cần phải nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm của các nước để có biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa những đe dọa, hoặc chủ động phòng chống khi chúng xảy ra trong quá trình phát triển SVC.



Nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải
tại Hội nghị Sinh vật cảnh toàn quốc tháng 5/2004



Chủ tịch Ủy ban tổ quốc Việt Nam Phạm Thế Duyệt
tại Hội nghị Sinh vật cảnh toàn quốc tháng 5/2004



Ban chấp hành
Khóa II Hội Sinh vật cảnh
Tp. Hồ Chí Minh



Ban chấm thi
Sinh vật cảnh
tỉnh Hội Bình Dương



Hội thi Chim cảnh
ở Gò Vấp năm 2000



Các nghệ nhân được giải
trong Hội thi Chim cảnh
ở Gò Vấp, năm 2000



Học viên lớp đầu tiên về Kinh tế Sinh vật cảnh Việt Nam
tại thị xã Vĩnh Long và cô giáo TS. Nguyễn Thị Lan



Lễ bế giảng lớp bồi dưỡng kiến thức SVC Khóa I tại Vĩnh Long
(Các cán bộ của Trung tâm NCDV SVC TP. HCM
và Ban lãnh đạo Hội SVC tỉnh Vĩnh Long)











Các chi hội Sinh vật cảnh tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh lân cận
tham dự lớp kinh tế Sinh vật cảnh Việt Nam
tại Trường Chính trị Phạm Hùng

Chương 6.

ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH CHI PHÍ - LỢI ÍCH ĐỂ LỰA CHỌN DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SVC

6.1. Các dự án đầu tư phát triển SVC

Chiều ngày 9 tháng 5 năm 2004, Thủ tướng Phan Văn Khải đã đến dự hội nghị toàn quốc Sinh vật cảnh Việt Nam tại Hà Nội và phát biểu "Sinh vật cảnh là hướng đi mới giúp nông dân thoát nghèo". Trồng và kinh doanh hoa, cây cảnh còn giúp đẩy nhanh việc xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp của nhiều địa phương. Tuy nhiên, tùy thuộc vào mỗi địa phương, những dự án đầu tư phải được phân tích, tính toán cụ thể và lựa chọn dự án khả thi.

Giả sử chúng ta phải lựa chọn 2 dự án trồng lúa – rau màu và trồng hoa – cây cảnh và cây Bonsai trên cùng một diện tích và lúa 2 vụ/năm và 1 vụ rau màu, để phân tích chi phí - lợi ích. Mẫu phiếu điều tra kinh tế hộ gia đình được soạn thảo và số lượng mẫu điều tra được chọn để nghiên cứu điển hình cho một địa điểm cụ thể và số lượng mẫu được chọn phải đủ để phân tích số liệu. Chúng ta sẽ liệt kê các khoản chi phí và lợi ích, các số liệu đầu vào đầu ra của 2 hệ thống canh tác trong thời gian t = 10 năm.

6.2. Các chi phí SVC & trồng lúa – rau màu

❖ **Chi phí cố định - *Fixed Cost***: tất cả chi phí ban đầu: C_o

- Thuê đất, khấu hao nhà, xưởng, sân, vườn, ...
- Khấu hao máy, thiết bị, dụng cụ, chậu cây cảnh v.v.

❖ **Chi phí biến đổi - *Variable Cost***: là chi phí vận hành của từng năm Ct (t= 1,2,3,...n) hoặc từng khoảng thời gian thu hoạch hoa -cây cảnh.

- Tiền lương, đi lại, xăng, dầu, vận chuyển.

- Mua nguyên vật liệu phân bón, thuốc trừ sâu, giống hoa – cây cảnh, lúa, rau màu.
- Điện, nước, ...

Cũng như vậy nếu ta gọi chi phí mà dự án đưa lại ở năm thứ nhất là C_1, ở năm thứ 2 là C_2, và ở năm thứ n là C_n, thì các chi phí của dự án SVC là:

$$\sum_{t=1}^{n} Ct = \mathbf{C_1 + C_2 + ... + C_n}$$

thời gian t tính theo tháng hay quý hoặc theo mùa vụ. Thu hoạch hoa – cây cảnh, lúa – rau màu.

Tính tương tự.

❖ **Tổng chi phí:** $\mathbf{C_0} + \sum_{t=1}^{n} Ct$

Trong khoảng thời gian ngắn có thể tính toán đơn giản lợi nhuận thu được cho hoa - cây cảnh, lúa rau màu sau một vụ thu hoạch.

Tương tự tính toán các chi phí cho sản xuất lúa, ví dụ 2 vụ lúa trong năm và rau màu tổng chi phí thu được trong 1 năm là bao nhiêu tiền để so sánh với việc trồng hoa và các loại cây cảnh. Chi phí ban đầu phải lên liếp, thua chua, rửa phèn, làm hệ thống kênh mương tiêu thoát nước để tạo ruộng lúa lên thành đất vườn.

6.3. Những lợi ích của SVC và trồng lúa

Lợi ích hữu hình và lợi ích vô hình được tính toán lượng giá, trong đó những lợi ích vô hình có thể ước tính hoặc điều tra phỏng vấn các hộ gia đình hay các các cá nhân được chọn nghiên cứu điển hình.

Dự án SVC nếu thực hiện nhiều năm vì họ trồng mai vàng, trồng đào, v.v. thì lợi ích của năm thứ nhất là B_1, ở năm thứ 2 là B_2, và năm thứ n là B_n, thì tổng lợi ích mà dự án đưa lại:

$$\sum_{t=1}^{n} Bt = \mathbf{B_1 + B_2 + ... + B_n}$$

Trong đó:

Bt là lợi ích tính bằng tiền ở năm thứ t.

t là thời gian hoạt động của dự án, t = 1, 2, ..., n

Tại thời điểm ban đầu, ứng với Co, Bo=0 vì chưa có thu hoạch sản phẩm, đang đầu tư xây dựng cơ bản.

6.4. Phân tích chi phí - lợi ích của SVC và trồng lúa - rau màu

Đánh giá hiệu quả của dự án SVC là việc so sánh giữa lợi ích và chi phí của dự án đầu tư SVC, với chỉ tiêu lợi ích tuyệt đối của dự án:

$$\sum_{t=1}^{n} Bt - (C_0 + \sum_{t=1}^{n} Ct)$$

Lợi nhuận tương đối của dự án :

$$\frac{\sum_{t=1}^{n} \frac{Bt}{(1+r)t}}{(C_0 + \sum_{t=1}^{n} \frac{Ct}{(1+r)t})} \geq 1$$

Có thể so sánh với dự án làm vườn tạp với chuyển đổi vườn tạp sang phát triển trồng hoa, cây cảnh, nuôi cá cảnh.

Giả sử có khoản tiền P gửi vào ngân hàng (1.000.000đồng) với lãi suất hàng năm là R = 10%/năm và thu được sau năm thứ t (t=1, 2, 3, ...) sẽ là:

Bảng 6.1 **Tính toán tiền thu lời của dự án đầu tư để quy về thời điểm hiện tại**

Thời gian t (năm)	Số tiền gốc (đồng)	Số tiền lãi (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	2	3	4
1	P=1.000.000	P*R= 1.000.000 x 0,01 =10.000	P(1 + R)= 1.010.000
2	P(1 + R)= 1.010.000	P(1 + R).R =1.010.000 x 0,01 =1010	P(1+R)(1+R) = $P(1+R)^2$ = 1.000.000 $(1+0.01)^2$
3	$P(1 + R)^2$	$P(1 + R)^2.R$	$P(1+R)^3$
	...		
	...		
T=10	$P(1 + R)^{t-1}$ = 1.000.000 $(1+0,01)^9$	$P(1 + R)^{t-1}.R$ 1.000.000 $(1+0,01)^9$ x 0,01	$P(1+R)^t$ = 1.000.000 $(1+0,01)^{10}$

Bạn đọc có thể thay số liệu và tính toán cụ thể đối với từng dự án và các thông số cần thiết

6.5. Dự án phát triển SVC của Tp. Hồ Chí Minh

Theo Sở NN-PTNT Tp. HCM, 6 tháng đầu năm 2006, kim ngạch xuất khẩu hoa và cây cảnh của TP. HCM đạt hơn 2,5 triệu USD, và dự kiến cả năm sẽ đạt 5 triệu USD. TP. HCM định hướng phát triển nghề trồng hoa cây cảnh.

Ông Đồng Văn Khiêm- Phó Chủ tịch Hội Sinh vật Cảnh Tp. HCM cho biết người tiêu dùng hiện đang ưa chuộng các giống hoa cao cấp như Lili, Hồng môn, Layơn giống mới, hoa đồng tiền giống mới, Thiên điểu, Tulíp. Hiện những loài hoa trên đều đang được trồng ở Việt Nam. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng ở các huyện ngoại thành phát triển hoa – cây cảnh, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

UBND Tp. Hồ Chí Minh vừa phê duyệt chương trình phát

triển hoa, cây kiểng, cá cảnh, giai đoạn 2004-2010 với vốn **đầu tư 14,2 tỷ đồng** để nghiên cứu, chọn giống, khảo nghiệm, nhập nội nhân giống, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển SVC. Hộ dân tự đầu tư trồng hoa kiểng, cá cảnh được hỗ trợ lãi suất vay (từ 4%-7%/năm) theo công văn 419/UB-CNN của UBNDTP về việc tổ chức thực hiện **chương trình hỗ trợ lãi vay cho hộ nông dân** Tp. HCM, phát triển sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp (làm muối) và thủy sản. TP tạo điều kiện nhập giống mới, thiết bị công nghệ, miễn giảm thuế nhập khẩu giống hoa kiểng, cá cảnh... Có chính sách thuế hợp lý đối với vùng chuyên canh hoa kiểng, cá cảnh và đơn vị xuất nhập khẩu vật tư phục vụ ngành. Theo chương trình này, đến năm 2010 Tp. HCM sẽ tăng diện tích hoa kiểng lên 1.200 ha với 3 nhóm hoa chính là hoa cao cấp (xương rồng Bát Tiên, hồng...), nhóm hoa Lan và nhóm hoa nền, riêng cây kiểng gồm Mai vàng, kiểng cao cấp và thông thường. Đối với cá cảnh, tập trung phát triển tại các quận 8, 6, 12. Tp. HCM sẽ tổ chức hệ thống thông tin dự báo thị trường, lập webside về cây kiểng, cá cảnh, xây dựng làng hoa kiểng, kết hợp du lịch sinh thái, hình thành khu phố chuyên doanh cá cảnh... 2 khu vực Bình Chánh 500ha và Củ Chi 500ha được quy hoạch dành riêng cho phát triển SVC của Tp. HCM.

Ngoài ra, còn có các dự án phát triển cây cảnh, hoa Lan ở Hà Tây, Thái Bình, Nam Định, Bến Tre, Sa Đéc, v.v. Đối với mỗi dự án cần phải tính toán phân tích chi phí - lợi ích cụ thể và chi tiết để lựa chọn cây - con làm cảnh cho phù hợp, tạo cho dự án khả thi.

Tận dụng phân rác hữu cơ vi sinh để trồng hoa vừa phát triển kinh tế SVC vừa có ý nghĩa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tận dụng rác thải hữu cơ làm phân bón. Hiện nay, theo anh Chử Văn Chừng - Giám đốc Cty Môi trường đô thị Hà Nội, nhà máy chế biến phân rác hữu cơ Cầu Diễn sau nhiều năm phải lưu chứa vì không bán được phân rác nay đã có đầu ra ổn định cung cấp cho các nơi trồng cây cảnh, hoa cảnh cho ngoại thành Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Đối với các trang trại có quy mô rộng có nhiều chất thải hữu

cơ, có thể làm phân bón hữu cơ vi sinh. Cụ thể hãy liên hệ với Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật và Quản lý môi trường Tp. Hồ Chí Minh (08.8495703 – 8495032) để được tư vấn về kỹ thuật và cung cấp các chế phẩm men vi sinh, khử mùi hôi, xử lý rác hữu cơ làm phân bón rất tốt cho cây trồng đặc biệt là hoa cây cảnh.

6.6. Các biện pháp tăng thu, giảm chi, tăng lợi nhuận

Tăng lợi nhuận bằng những biện pháp **tăng thu, giảm chi** trong sản xuất SVC. Người sản xuất SVC phải chăm sóc tạo dáng cây, giá cây nguyên liệu và cây thành phẩm. Thời gian yêu cầu SVC rất khác nhau, trong năm, thường vào các ngày lễ, tết, ngày mồng 1, rằm, các ngày cúng sao, động thổ các công ty lớn, nhu cầu hoa cây cảnh rất cao nên giá cũng cao hơn rất nhiều lần ngày bình thường đối với cả thị trường trong nước và xuất khẩu .

Làm sao để **giảm chi** trong sản xuất SVC?, **tăng thu** trong sản xuất và kinh doanh SVC? Làm sao để bán được giá hàng hóa dịch vụ SVC. Đây là cả một vấn đề khó và kết hợp hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, nghệ thuật và tâm hồn người nghệ nhân SVC.

Trên thị trường, trước khi bán hàng cần tham khảo để biết được giá SVC: Giá của SVC thường là giá ảo (Shadow Price), cao hay thấp còn tùy thuộc đối tượng khách hàng, người bán "trông mặt bắt hình dong", dân "ngoại đạo" rất dễ bị mua hớ. Ví dụ: giá cây đại cảnh là cây Lộc Vừng, trung bình giá 5 triệu đồng, có người mua tới 30 triệu đồng/cây.

Giá bán một con cá Rồng ở Cần Thơ, dài 13 cm đến **1.500 USD**, các loại cá rẻ tiền như cá Tàu, cá Hà Lan, cá Ông Tiên, Bình Tích, giá chỉ có 1.000 đến 3.000 đồng/con.

Giá bán cây cảnh dao động khá lớn:

Ví dụ giá một số cây cảnh ở Sài Gòn:

1. Cây dây leo: 5.000 - 50.000 đồng/cây
2. Cây trồng trong nhà: 15.000 - 200.000 đồng/cây
3. Cây trang trí bồn: 5000 - 50.000 đồng/cây

4. Cây lấy bóng mát: 100.000 - 1 triệu đồng/cây
5. Cây Bonsai: từ 50.000 đồng đến trên vài chục triệu đồng/cây.

Làm sao để bán được giá hàng hóa dịch vụ SVC. Đây là yêu cầu đặt ra đối với mỗi hội viên SVC và mỗi hội SVC. Chúng ta biết rằng giá hàng hóa SVC biến động rất nhiều vì nó là hàng hóa đặc biệt. Vì "của 1 đồng, công 1 nén", nhiều khi chúng ta chăm sóc cây cảnh để chơi nên không tính công và nhiều khi tính công quá rẻ. Hàng hóa SVC có khi không bán nên vô giá hoặc chỉ trao tặng nên không biết tính giá là bao nhiêu. Trên thực tế chúng ta phải tính các phương án giá và dự tính được biến động giá theo thị trường để chủ động và không bị mất giá hàng hóa và dịch vụ SVC. Khi khan hiếm, có giá và khi thấy người tiêu dùng đã khoía thì cũng phải "làm cao" không bán để đạt được giá cao hơn. Hình thức trưng bày và đấu giá để hàng hóa SVC có giá trị bán được giá cao là hoàn toàn thích hợp với nhu cầu thị trường. Tuy nhiên nếu SVC đó thuộc loại nguồn gien quý hiếm có nguy cơ bị tiệt chủng thì Nhà nước phải có công quỹ mua để bảo tồn và nhân giống.

Chương 7.

NHỮNG BIỆN PHÁP KINH TẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN SVC

7.1. Các biện pháp kích Cầu SVC

7.2.1. Biện pháp Kinh tế - xã hội

Chúng ta hãy tìm hiểu xem ai là người chăm sóc SVC: người sản xuất, người bán và người mua hay người tiêu dùng? Khác với các đồ dùng khác chỉ cần mua về để đó trưng diện như cái tủ, cái bàn, bộ salon, v.v. nhưng, hàng hóa SVC sau khi mua về cần chăm sóc cẩn thận.

Mua SVC để chơi, để trưng làm cảnh, nhìn ngắm cho vui nhưng cần phải bỏ công chăm sóc. Nếu không chăm sóc chúng cẩn thận cây hay con sẽ bị "xuống sắc", bị xấu đi, bị khô héo tàn lụi và bị chết. Cây-con như có linh hồn và chúng hầu như "hiểu được" tiếng người nói, nhận biết được công của người chăm sóc chúng và chia sẻ những vui buồn với ta.

Sau đây là một số biện pháp đề xuất để kích Cầu SVC:

1. Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng: TV, báo, đài,... Tăng cường giáo dục nâng cao trình độ nhận thức, hiểu biết về ý nghĩa của các loại cây cảnh, bonsai, cây kiểng cổ, cá cảnh có giá trị, ý nghĩa của các loại cây loại hoa. Hướng dẫn cách sử dụng chăm sóc cây cảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ví dụ: Đặc biệt lưu ý các loại cây ưa sáng như xương rồng trưng bầy trong các chậu cảnh để trong nhà nhưng 2-3 ngày cần phải cho ra ngoài trời để cho chúng "tắm nắng" và chỉ khi nào khô đất mới tưới, lúc cây ra hoa không để trong phòng lạnh, v.v.

2. Đưa lên truyền hình chương trình thường xuyên chuyên đề "tìm hiểu về SVC Việt Nam", tổ chức các buổi thi phỏng vấn và trao giải thưởng.

3. Tổ chức phong trào tìm hiểu SVC và tăng cường tuyên truyền SVC, các giá trị của SVC. SVC không chỉ dành cho người giàu trưng diện, thưởng thức mà những người có mứ sống trung bình cũng có thể tham gia.
4. Đưa chỉ tiêu cây xanh, cây cảnh thành chỉ tiêu quy hoạch, đánh giá cho điểm các cơ quan xí nghiệp, các đơn vị hành chánh, các khu phố, hộ gia đình văn hóa, công sở trong các phong trào :xanh, sạch, đẹp công sở, trường học, bệnh viện, v.v.
5. Dựa vào các phong tục, tin ngưỡng, lễ, tết, nhu cầu mua quà tặng tăng cao để trưng bày và bán SVC.

7.1.2 Tìm hiểu tâm lý của người tiêu dùng SVC

Thú chơi SVC đã có từ lâu, mỗi người, mỗi dân tộc, thời đại có một cách thưởng ngoạn và nghệ thuật chơi khác nhau, tạo ra thú chơi SVC rất độc đáo. Thú chơi Bonsai được du nhập từ Trung Quốc thời nhà Đường mang sang Nhật Bản và phát triển nâng thành nghệ thuật mang bản sắc dân tộc Nhật thời Minh trị. Mối quan hệ tương tác, qua lại giữa SVC và người chơi không phải là một chiều mà là có quan hệ qua lại, thể hiện nhân cách, tình cảm của con người. Chơi SVC ngày xưa tập trung vào hàng vua – quan "Vua chơi Lan – quan chơi Trà".

Ngày nay, các tầng lớp giàu nghèo đều có thể chơi SVC với các giá khác nhau, từ giá chợ bình dân đến các giá phải đấu chọi để dành quyền làm chủ các loại SVC có giá trị kinh tế và nghệ thuật..

Người tiêu dùng sành điệu thích cây cảnh lâu năm, tên của cây, thế và dáng của cây, lá cây, hoa và hương, màu sắc v.v. quý hiếm, đặc trưng, mang nhiều ý nghĩa và có giá trị kinh tế.

Tìm hiểu người tiêu dùng để bán được giá hàng hóa SVC có giá trị và đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và thích nghi với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Lôi cuốn thanh thiếu niên tham gia và chơi SVC. Môn sinh học phải có những thay đổi về nội dung gắn cơ bản lý thuyết với sinh học thực tế, gắn điều kiện sinh thái tự nhiên với khả năng thích nghi

và chống chịu với môi trường SVC khác với nông nghiệp trồng các loại cây lương thực - thực phẩm cần có công nghệ các biện pháp kỹ thuật để có năng suất cao và các biện pháp kinh tế để bán được giá cao. Cây cảnh, đặc biệt là cây Bonsai lại phải có các biện pháp kìm hãm không cho chúng phát triển nhanh, giữ được cảnh khô trên gốc. Các loại SVC chịu đựng được các điều kiện khắc nghiệt có ý nghĩa rất hay, nhằm giáo dục nhắc nhở con người phải "quen với sương gió", chịu đựng gian khổ mới nhanh chóng trưởng thành và vững vàng trong cuộc sống.

Khi tìm hiểu về người tiêu dùng SVC: có 3 dạng

a) Người yêu thích, đam mê SVC

b) Người muốn thư giãn, muốn có môi trường sống sinh động gần giũ với thiên nhiên. Các sản phẩm SVC phải đa dạng đáp ứng được nhu cầu cảu người tiêu dùng có thu nhập từ thấp đến cao.

c) Người chơi SVC để phục vụ cho kinh doanh có lợi cho đẹp như trang trí SVC ở các khu du lịch sinh thái khách sạn, nhà hàng văn phòng để cảm hóa khách hàng .

Theo ý kiến của anh **Nguyễn Đình Thắng**- Giám đốc Cty TNHH Tin học –TM Hồng Cơ Tp.HCM – Phó chủ tịch Hội Phần Mềm Việt Nam có nhà biệt thự và có vườn ở khu Phú Gia, Phú Mỹ Hưng, đối với người chơi SVC cần phải có một số điều kiện sau:

a) Có lòng yêu thiên nhiên, thích SVC.

b) Có thiện chí chăm sóc, có thời gian chăm sóc.

c) Có vốn đầu tư, có tiền chăm sóc, mua giống, mua thức ăn, thuê người chăm sóc (nếu cần).

d) Có mặt bằng, có chỗ để cây cảnh, chậu cảnh, cá cảnh.

e) Có kiến thức, kỹ thuật chăm sóc, nắm được sơ lược điều kiện sinh lý sinh thái của SVC mà mình yêu thích.

f) Biết được những lợi ích của việc chơi SVC: gần gũi với thiên nhiên, phong phú, đa dạng, để thư giãn sau một ngày lao động, sản xuất, mệt nhọc, chăm sóc SVC sẽ giảm căng thẳng, giảm stress.

Cây cảnh thể hiện ý chí, nghệ thuật của con người tạo ra nó hay thích nó, làm chủ nó: những cây lá kim, cây xương rồng tồn tại và phát triển trong điều kiện khắc nghiệt về đất đai, thiếu nước, thiếu chất dinh dưỡng có nguồn gốc từ vùng sa mạc lại khô hạn, có hoa và gai rất đẹp thể hiện một ý chí kiên cường...

Niềm tự hào của những người chơi sinh vật cảnh đặc biệt là họ có những cây - con quý hiếm. Họ tự hào về kiến thức SVC, hiểu biết sâu rộng về SVC, họ thấy sung sướng vì có vườn cây đẹp khi cùng chiêm ngưỡng với bạn bè, người thân và những sản phẩm này đối với họ nhiều khi là vô giá. Họ không bán và họ luôn chăm sóc để vườn của họ luôn đẹp.

Vườn đẹp là vườn có 3 điều kiện sau:

a) Có **sắc khí**, có nhiều màu sắc, trong vườn đa dạng hoa cây cảnh, chủng loài phong phú, không quá rậm rạp, thoáng mát.

b) Có **sinh khí**: cây - con phải sống, lá khô, cây chết phải được dọn dẹp trồng vào vườn phải có sức sống.

c) Có **vượng khí**: Khí tốt, làm cho người vào chơi trong vườn trở nên hưng phấn dễ chịu, ấm áp, có hương thơm dễ chụi của hương hoa.

7.1.3 Tìm hiểu ý nghĩa của SVC

Hiện nay rất nhiều người chưa biết được ý nghĩa của SVC nên họ cũng không có nhu cầu chơi SVC và thị trường sẽ không hoạt động khi không có người tiêu dùng. Nhưng khi người tiêu dùng hiểu về ý nghĩa của SVC thì nhu cầu tự nhiên sẽ gia tăng nhiều khi bùng nổ, không đủ sản phẩm cung cấp cho thị trường SVC.

Ví dụ:

Nói đến **Hoa Lan,** người ta liên tưởng đến sự tinh khiết, thanh tao, quý trọng, đam mê và tình yêu vĩnh cửu, bất diệt. **Hoa Lan** với vẻ đẹp trang nhã, thanh tao và mùi hương dịu ngọt, Hoa Lan đã tô điểm thêm cho hạnh phúc con người. Vì vậy mà Hoa Lan rất ít vắng mặt trong những ngày lễ thành hôn *(khoahoc.net).*

Phong lan họ Orchidaceae được ví như nữ hoàng của sắc đẹp vì sự đài các của những chùm hoa tuyệt đẹp, màu sắc sặc sỡ và ngào ngạt hương thơm, sự lả lơi của thân cành như mời gọi cho nên họ Phong Lan luôn là nguồn đam mê của mọi tầng lớp trong xã hội. (*Trần Hợp – Phùng Mỹ Trung*).

Còn **Hoa Mai** thì sao? Cây Hoa Mai chia thành 4 loại tùy theo màu sắc: Hoàng mai, Bạch mai, Hồng mai, và Thanh mai (màu phớt xanh). Tại Việt Nam, có hai loại đặc biệt là Mai tứ quý và Song mai. **Mai tứ quý** cũng được gọi là Nhị độ mai, tức mai nở hai lần, trước vàng, sau đỏ khi còn nhụy hạt bên trong. Hoa Mai này được nhiều người ưa chuộng vì nở hoa quanh năm. **Song Mai** có nhiều ở huyện Thanh Trì ở miền Bắc. Hoa có màu trắng, ra hoa và kết trái từng đôi nên được gọi là song mai. Có một số hoa vẫn thường được liệt vào loài mai mặc dù không cùng họ với mai. Đó là Nhất chi mai, Mai mơ, và Mai chiếu thủy.

Nhất chi mai có màu đỏ hồng, thường gặp ở miền Nam. **Mai mơ** là loại hoa có mầu trăng hồng, sau kết thành trái, và mọc nhiều ở miền Bắc, *"rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi"* (Nguyễn Bính). **Mai chiếu thủy** là cây lâu năm, gốc to, nhiều cành, lá mọc cành đôi và có hoa chùm nhỏ li ti màu trắng tinh. Hoa luôn luôn hướng xuống dưới nên được gọi là Mai chiếu thủy. Hoa có hương thơm dịu mát, thanh khiết.

Người Trung Hoa xem Mai tượng trưng cho khí tiết của dân tộc họ và nâng hoa Mai lên hàng Quốc hoa. Mai vàng ở phương Nam, loại Mai trắng ở Trung Hoa và miền Bắc nước ta có mùi hương dịu dàng, thanh khiết.

Hoa Mai đi vào thơ ca và được ví như người con gái xinh đẹp vì vẻ đẹp, vì hương thơm, và đặc biệt, vì cốt cách của hoa Mai:

Yêu mai, yêu tuyết bởi vì đâu?
Vì tuyết trắng, mai thơm và tinh khiết
(Nguyễn Trãi)

Và

Nghêu ngao vui thú yên hà,
Mai là bạn cũ, hạc là người quen
(Nguyễn Du)

Và cây Mai cũng không hề run sợ:

Đừng tưởng Xuân tàn, hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành Mai

Mãn Giác Thiền Sư (1052-1096) - Ngô Tất Tố dịch

Hoa Hồng: Khi bạn gái được nhận một bông hồng nhung chưa nở còn dạng nụ từ một người bạn trai, bạn nghĩ gì? đặc biệt là những ngày lễ, Tết, 8/3 hay ngày 14/2 ?. Có phải chăng người bạn đó đã gởi tâm hồn mình vào bông hoa và như muốn nói *"I love You than I can say"* (anh yêu em nhiều hơn anh muốn nói). Như vậy hoa Hồng là sản phẩm của thiên nhiên con người và cả tình yêu.

Các loại hồng thường khác được trưng bầy, cắm vào giỏ, tạo các kiểu dáng khác nhau để sử dụng cho các lễ khánh thành, lễ cưới hay cúng giỗ hoặc đám ma.

Cây Bonsai và Cây cảnh: Các loại cây cảnh làm Bonsai là những cây lâu năm và đều có ý nghĩa Phúc -Lộc-Thọ, may mắn. Những loại cây được chọn thường nằm trong bộ Tam đa: **Sung – Đa - Lộc vừng**. cây Đa - *Ficus retusa*, Cây Bồ Đề -*Ficus religiosa*, Cây Sung - *Ficus neriifolia*, Cây Tầm bì lùn- *Fraxinus ornus*. **Cây Bồ Đề** - *Ficus religiosa*, có xuất xứ ở Ấn Độ, được người theo Ấn Độ giáo, Phật giáo tin là linh thiêng.

Tóm lại, các loại cây cảnh phải trồng thành từng cụm mới có ý nghĩa như cây phụ tử, huynh đệ, tam đa, tứ quý, v.v. Phát Tài, Vạn Tuế tượng trưng cho Thọ, sống lâu năm.

Những loại cây tượng trưng cho sự phú quý, sang giàu và trường tồn. Đối với môi trường, đây là những loại cây có nhiều khả năng chống chịu với môi trường thay đổi khắc nghiệt và dễ sống. Ở làng sản xuất gốm sứ Bát Tràng các cụ bô lão tự nhận ra ở đây họ chỉ có thể chơi cây cảnh là cây Si và cây Đa hay nói nôm na là cây Si – Đa. Vì ở đây các lò đốt nung gốm sứ, khói, bụi quá nhiều, không cây nào sống nổi, ngoại trừ các cây Si –Đa.

Cây **Phát tài** – ***Lucky bamboo***: tượng trưng cho sự may mắn, phát tài, phát lộc. Cây này còn gọi là cây Hoa xanh, được

cắm vào bình hoa để trên bàn thờ, hoặc dâm cắt thành hình cây cảnh để trong khay nước trên các bàn làm việc với ý nghĩa công ty, hay chủ nhân được phát tài và loại thứ 3 là cũng là cây Phát tài nhưng loại lớn trồng trong các chậu cảnh lớn thường đặt trước cổng nhà. Cây này còn gọi là Thiết Mộc Lan, thỉnh thoảng mới trổ bông, có hương thơm đặc biệt.

Một cụm cây cảnh tứ linh gồm: Long (Rồng), Linh (Lân-Sư tử), Quy (Rùa), Phụng (Chim Phụng) để trong các khu du lịch sinh thái bằng các loại cây cảnh to được uốn lượn rất công phu, trông rất đẹp, rất hấp dẫn....

Tìm hiểu về ý nghĩa của cây cảnh để trồng cho đúng nơi, đúng chỗ, đặc biệt là có một số cây nhập khẩu, ngoại lai. Ví dụ Cây **Huyền diệp hay cây Hoàng nam**, có tán hẹp, họ Na: Annonaceae. Cây này có nguồn gốc từ Ấn Độ, thân gỗ, thẳng, cao tới 15m, tán hình tháp, cành nhỏ mềm, lá hình giáo hẹp, dài 20cm, thường cong xuống theo thân. Hoa màu xanh xám, có mùi thơm, quả đen. Cây mọc khỏe, dễ trồng, xanh quanh năm. Hiện nay phát triển ở rất nhiều nơi ngay cả bên cạnh các nhà biệt thự nhưng trông kỹ lại xem lá của chúng cứ ủ rũ, buồn buồn,..Theo ý kiến của anh Dư Hữu Đức (Hội SVC Q. Gò Vấp, Tp.HCM) cây này hiện nay ở Việt Nam trồng không đúng chỗ, vì ở nước ngoài họ chỉ trồng ở những nơi hoang vắng, những nơi buồn như ở nghĩa trang. Còn theo KS. Tạ Phi Long và Th.S Trương Mai Hồng, cây Hoàng nam được chọn là cây đẹp để trồng dọc theo các tuyến đường và gọi là cây xanh đô thị. Bạn thử ngắm nhìn cây Hoàng Nam, thẳng cao, lá rủ, và nếu có nó, bạn sẽ trồng ở đâu? Quan điểm trồng cây và đánh giá cây mỗi người một ý, thật phong phú, đa dạng.

Theo Phong - thủy, người ta chọn cây trồng làm cảnh không xung khắc với tuổi của mình để tránh tai nạn, rủi ro, và khi cây cảnh lại hợp với tuổi của chủ nhà thì may mắn và hạnh phúc theo tâm niệm trong họ tài lộc sẽ được nhân lên. Ví dụ: cây Sộp Ficus pisocarpa hiện nay rất ưa chuộng vì ở các nơi kinh doanh người ta sẽ quan niệm chủ nhân nó chơi xộp (chơi đẹp, không để cho ai bị thiệt), đặc biệt là người Đài Loan khi khai

trương nhà hàng hay công ty thích có cây này. v.v.

Theo tín ngưỡng, cúng bái trong các ngày Tết, lễ, các ngày rằm, mồng một, đi chùa, cầu an, v.v và quy luật Phong thủy áp dụng cho nhà vườn, bố trí theo tuổi người, mạng người của chủ nhà: Mạng hỏa không hợp với nước, trồng cây sẽ tốt, Mạng Kim, thích hợp với tạo gò và trồng cây. v.v. Chúng ta không mê tín, dị đoan nhưng ông bà dặn lại như vậy vì đã có kinh nghiệm và "có thờ, có thiêng, có kiêng, có lành". Do đó để đáp ứng nhu cầu hoa – cây cảnh và làm đẹp của người tiêu dùng chúng ta sẽ cung cấp cho cây trồng và tạo cho họ niềm tin vào thiên nhiên, cây cảnh.

Nhu cầu SVC gia tăng tự nhiên mà không cần tác động, SVC sẽ phát triển theo mức sống dân cư, theo tăng thu nhập của mỗi người, mỗi gia đình: *"phú quý, sinh lễ nghĩa"*. Khi nhu cầu sử dụng SVC gia tăng, chỉ cần đa dạng hóa các sản phẩm SVC, chất lượng SVC nhiều loại giá phù hợp với nhu cầu của nhiều tầng lớp dân cư, hàng hóa sẽ bán được nhiều.

Việc sử dụng các cây cảnh cho hợp lý theo ý nghĩa của cây, con theo tên cây và theo Phong -thủy sẽ đem lại những lợi ích cho cả người chủ cây cảnh và cho cả cộng đồng cũng như cho cả khách du lịch khi họ đi qua. Bức tranh cây cảnh trong các khu dân cư, khu công viên hay các khu công cộng, sẽ được tô điểm bằng các cây cảnh phù hợp cả về tên, về ý nghĩa của nó this càng làm cho cảnh quan đẹp hơn, hài hòa hơn..

Một số cây cảnh còn có giá trị làm dược liệu. Ví dụ: **Ngũ gia bì vừa làm cảnh, vừa làm thuốc**. Ngũ gia bì có 2 loại (chân chim - Scheffera octophylla (Lour) Harms và nhiều gai), đều là cây thuốc quí thuộc họ Nhân sâm, dùng chữa đau nhức xương khớp, đau bụng, suy nhược, hạ đường máu ở những bệnh nhân đái tháo đường tụy, trừ phong, chống suy nhược thần kinh, tăng trí nhớ, kháng viêm, giảm đau, hạ sốt...điều trị sau phẫu thuật. Theo GS. Vũ Văn Chuyên, **cây Tầm Xuân**, dùng làm hàng rào vì ưa cắt tỉa, tạo dáng đẹp và có thể làm thuốc chữa bệnh tê thấp, và một số các bệnh hiểm nghèo khác. Như vậy nếu chọn các cây cảnh vừa là cây thuốc thì giá trị sử dụng sẽ tăng gấp đôi.

Cây Xương rồng (cactus plant) là tên gọi chung cho các nhóm cây mọng nước (succulents). Cây xương rồng là loại thực vật có khả năng trữ nước trong cơ thể của chúng để có thể tự tồn tại trong điều kiện khô hạn lâu dài của các vùng hoang mạc khô nóng và thiếu dưỡng chất. Cây xương rồng có thể tự biến đổi hình thể thân, lá, hoa và rễ thành các dạng tối thiểu hóa sự mất nước và biết cách thu gom các nguồn nước hiếm hoi để dễ dàng thích nghi và phát triển theo sự khắc nghiệt của môi trường sống nhờ vào hệ thống gai. Đặc điểm có thể nhận dạng họ cây xương rồng là các dạng núm gai (areole) đặc biệt của chúng và các chồi mới mọc ra từ các núm gai này. Cây xương rồng là cây có hoa thuộc họ Cactaceae. Tên tiếng Anh để gọi cây xương rồng là Cactus có nguồn gốc từ chữ Latin và Hy Lạp, do Carolus Linnaeus, một nhà phân loại thực vật học Thụy Điển nổi tiếng chọn. Ông lấy từ chữ Hy Lap kaktos, nghĩa để gọi cây kế gai, để gọi cây xương rồng và sau đó dùng chữ cactus để gọi tên cho tất cả các họ xương rồng.

Vừa qua, Nam Phi vui mừng với quyết định của CITES tại Hội nghị CITES ở Bangkok, Thái Lan về bảo vệ loài xương rồng Hoodia dùng để chế biến thuốc chống thèm ăn, hay trị bệnh béo phì...

Các số của cụm cây cảnh cũng thể hiện tính cách của nó: ví dụ số 2 là Âm – Dương, là thân thiện: Mẫu tử (mẹ và con), Huynh Đệ (anh và em), Phu Thê (vợ và chồng); số 3 gắn liền với Thiên - Địa – Nhân: tam cương, tam tòng; số 4: bộ tứ quí, tứ linh; số 5 có ngũ luân, v.v. Riêng tán cây chỉ có số lẻ: 3 hay 5 hoặc 7 hay 9 tán.

Xu hướng chơi cây cảnh càng ngày càng muốn có cây to, các cây ghép lại như Rồng bay vì có đất rộng, nhà rộng, nơi nhiều người qua lại như các khu du lịch sinh thái và các biệt thự sang trọng với các cây Bonsai đại thụ.

Tán cây cũng cần nhiều hơn thay vì 1 đến 3 tán, hiện nay thích 7 -9 tán và đặc biệt là 9 tán, theo quan niệm 9 tán để tượng trưng cho "cửu đỉnh" thể hiện sự tập trung quyền lực, hay được sử dụng cho các cây cảnh ở các công sở. cây cảnh lớn cần chậu

cây cảnh cỡ lớn. Và nhiều cây ghép được hình thành. Cành là Mai chiếu thủy nhưng gốc là cây Lồng Mức, to và xốp hơn, trông đẹp hơn.

Về cá cảnh: Người Trung Hoa tin rằng nuôi cá Rồng Hồng Long, cá Dĩa mang lại sự giàu sang và thịnh vượng cho người nuôi nên dù đắt, dù khó nuôi, người ta vẫn thích nuôi.

Như vậy, tín ngưỡng trong SVC là niềm tin, là sự cố gắng và là một động lực phát triển SVC có lẽ vượt trội lên tất cả các biện pháp kích cầu tự nhiên.

7.2. Các biện pháp nâng Cung SVC

7.2.1. Sản xuất có hiệu quả kinh tế

Sản xuất SVC phải có lời cao hơn các nghề khác khi có cùng một điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và cùng số vốn đầu tư. Phân tích chi phí - lợi ích so sánh các dự án và lựa chọn dự án khả thi, như đã được trình bày trong phần kinh tế lý thuyết và kinh tế ứng dụng cho SVC.

Ví dụ: những mô hình, cá nhân điển hình chứng minh hiệu quả kinh tế và mọi người có thể tham khảo dự án trồng cây cảnh, hoa cảnh, có lợi nhuận cao hơn trồng lúa; nuôi cá cảnh có lời hơn nuôi cá basa hay nuôi tôm. Khi có lời cao, không nói, mọi người cũng "lăn xả" vào làm và thành phong trào và phát triển Cung hàng hóa SVC một cách tự nhiên, tương tự như kích Cầu. Khi mức sống dân cư gia tăng, thì nhu cầu về SVC cũng gia tăng.

- **Phải nắm được nhu cầu của người tiêu dùng:**

Xu hướng và nhu cầu người tiêu dùng cây cảnh khổng lồ, đại thụ chứng tỏ là cổ kính, sành điệu. Biệt thự vừa làm đã có những cây có gốc sống ôm to, cây đại có tuổi vài chục năm. Kỹ thuật bứng cây vận chuyển cây, bảo quản và chăm sóc cây đảm bảo cho cây sống và phát triển khá phổ biến. Nhiều người quan niệm chăm sóc cây cảnh, cá cảnh, SVC nói chung chỉ để chơi, thưởng thức, không mua bán hoặc những người sản xuất và chưa có kinh nghiệm nên chưa biết được giá trị của SVC .

- **Tạo "sân chơi" SVC:**

Có thị trường có khu trưng bày và có chỗ chơi dành riêng cho SVC hoặc cho các bộ môn SVC, tạo thị trường để người tiêu dùng có điều kiện chiêm ngưỡng, mua sắm.

Hiện nay nhờ công nghệ thông tin và các trang webside mô phỏng các sản phẩm SVC có thể tạo ra các chợ ảo và việc mua bán thực hiện qua máy vi tính. Hình thức này cũng thuận lợi nhưng không tận dụng và phân tích được thế mạnh và cơ hội của hàng hóa dịch vụ SVC vì *"trăm nghe, không bằng một thấy"* và khi đông vui có được nhiều sản phẩm SVC thì *"trăm người mua, vạn người bán"* rất sôi động, và hàng hóa SVC sẽ hấp dẫn hơn, giá SVC sẽ cao hơn. Khó mà lường được khi người tiêu dùng đã say mê và muốn làm chủ những SVC trên thị trường.

- **Đấu giá** SVC là hình thức tốt nhất để đạt được giá cao trong các Hội thi SVC hoặc các nơi trưng bày sản phẩm SVC quý hiếm hay SVC có giá trị nghệ thuật cao được nhiều người ưa thích.

Khi bán loại cây "thô" giá thường chỉ một vài triệu đồng/cây, nhưng sau khi được chăm sóc, tạo dáng nghệ thuật, giá trị kinh tế của có thể tăng gấp chục lần đến 1 trăm lần. Các cây đại cảnh hiện nay được các công sở, nhà hàng vườn du lịch sinh thái, khu biệt thự ưa chuộng, khi ở trong vườn cây cảnh là nguyên liệu có khi là "đồ bỏ" nhưng khi được chọn làm cảnh thì có giá bất ngờ và đem lại lợi nhuận cao.

- Đa dạng hóa các sản phẩm SVC, nắm được thị trường SVC và nhu cầu ngày càng cao và càng phong phú đa dạng của các đối tượng về SVC, trong đó có các loại trước đây không được quan tâm nhưng thời gian gần đây rất phát triển như: cỏ nhung, cỏ Long heo trong các khu nhà vườn biệt thự, cỏ ở các sân banh (sân bóng đá) có giá cao.

SVC có nhiều mẫu mã, nhiều loại, nhiều kiểu hình và các loại giá khác nhau, tập trung các loại giá vừa phải lôi cuốn được nhiều người tiêu dùng.

- Tìm hiểu các nguyên nhân thua lỗ trong sản xuất & kinh doanh SVC để không bị sai lầm, không mắc phải và đặc biệt là không phải trả giá đắt vì không thận trọng và thiếu hiểu biết, thiếu kinh nghiệm "ăn đi trước, lội nước đi sau" sẽ có lợi. Hiện nay, trong giới chơi SVC, có sự mua bán lòng vòng, các cây cảnh nhiều người tưởng dễ, mua về không biết chăm sóc, làm cho SVC (cây cảnh, cá cảnh) xấu đi hay bị xuống mã do thông tin thị trường kém, nhiều khi bán quá rẻ hoặc bán cây nguyên liệu giá rẻ nên làm ăn thua lỗ. Nhiều người có mối mua hàng, nắm được cơ hội, có tay nghề cao hơn và họ thu lời rất cao trong kinh doanh SVC. Đối với những người làm kinh tế nói chung và SVC nói riêng, phải cố gắng không được chùn bước *"thua keo này, ta bầy keo khác"* và phải *"có chí làm quan, có gan làm giầu"*, nhất định không được nản chí, sờn lòng. Những tấm gương điển hình thành công ngày hôm nay, họ cũng đã phải trả giá cho những thất bại thuở ban đầu mà không phải ít tiền của và công sức đã bị mất.

Vì vậy, một số mô hình sản xuất giỏi có thể điểm qua để bạn đọc, các hội viên SVC có thể đến thăm quan, học hỏi trực tiếp *"đi một ngày đàng, học một sàng khôn"* hoặc tra cứu chi tiết trên Internet khi sử dụng máy vi tính.

Thiếu tá **Ngụy Thanh Toản**, Chủ tịch hội SVC huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là người có số cây con với giá trị cao nhất hội, ước tính lên tới 130 triệu đồng. Hiện nay ông có 300 chậu cảnh có giá trị, trong đó 20% số chậu có giá từ 1.000.000đ đến 4.000.000đ. Hàng năm thu nhập bán con giống và cây giống từ 10 đến 15 triệu đồng.

Anh **Trần Trọng Triệu**, ở xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình với cây Sanh cổ do chính tay ông nội anh mua về, cắt sửa, tạo dáng. Anh đã thừa hưởng niềm đam mê cây cảnh do ông cha truyền lại. Gia đình anh có thêm một khoản thu nhập đáng kể từ 30 – 40 triệu/năm từ cây cảnh. Anh thường mua cây đã qua cắt sửa (có thể coi như cây phôi cấp 2) chủ yếu là sanh, si, đa, lộc vừng, tùng la hán có giá vài triệu đồng trở lên và chăm sóc sửa lại để bán với giá cao hơn 5-7 lần.

Ông Đoàn ở Sơn La, xác định điều quan trọng nhất là nắm

được thời điểm và điều khiển hoa nở theo ý mình và nhu cầu thị trường. Ông phải hợp đồng thuê 12 triệu đ/ha/năm và thu 300 triệu đồng tiền hoa/ha/năm, trừ chi phí còn lãi trên 200 triệu đ/năm. Ông tạo việc làm cho 30 lao động. Ở Sơn La, nếu 1 ha đất ruộng trồng lúa 2 vụ/năm thì chỉ đạt 6 -7 tấn/ha, nên ông đã chuyển đổi một số cây ăn quả có năng suất không cao sang trồng hoa.

Anh **Hà Việt Hùng** được mệnh danh là **"Vua ba ba"**. Sản phẩm "Ba ba thế hệ mới" được đăng ký độc quyền của trang trại Vietfarm Hùng Tiến. Mô hình sinh thái khép kín từ nguồn giống, thức ăn (Trùn Quế, chuối, đu đủ...) nuôi trồng xen kẽ, đồng thời phát triển thêm những loại vật nuôi mới như đà điểu, heo mọi, cá sấu, dê sữa, đà điểu,... tạo ra một quần thể sinh thái hài hòa, sản xuất nông nghiệp, chim, cá, thú cảnh kết hợp với du lịch sinh thái trang trại. Bình quân mỗi tháng, Vietfarm Hùng Tiến cung cấp trên 500.000 con giống ba ba, 3-5 tấn giống Trùn Quế, 500 – 1.000 tấn phân hữu cơ sạch từ côn trùng, 300 – 500 con giống đà điểu...Vietfarm Hùng Tiến có dự án du lịch sinh thái với diện tích 4.500ha. (*nguồn: Nguyễn Tuyết Thu*).

Anh **Nguyễn Đình Tuấn** với Trại nuôi Trùn Quế ở Củ Chi T.HCM. (www.earthwormvietnam.com). Trùn Quế *P.Excavatus* được gọi là Trùn Quế, trùn đỏ. Ở các nước khác trùn P.excavatus được gọi là: Blue worm, Indian blue, Malaysian blue. Đây là một trong những loại trùn được nuôi nhiều trên thế giới như: Á Châu, Ấn Độ, Úc, Philipine...Trùn P.Excavatus thường sống trên mặt đất, ở nơi ẩm ướt có nhiều phân rác, củi mục. Thân trùn hơi dẹt, có 2 đầu nhọn, con trưởng thành có thể dài 09cm, có thân màu đỏ mận chín ở lưng. Trùn Quế là loại thức ăn đạm cao cấp dùng cho vật nuôi, đối với loài thủy sản Trùn Quế là một trong những loại thức ăn hấp dẫn nhất (mồi câu thường được người ta chọn là trùn đất), các loại cá, baba, tôm, ếch, lươn, cua biển...đều thích ăn trùn. Còn đối với gia súc, gia cầm, trùn là loại thức ăn bổ dưỡng, chỉ cần cung cấp một lượng rất nhỏ và 2 lần một tuần sẽ làm cho đàn gia súc, gia cầm chúng ta lớn rất nhanh.

Các sản phẩm trùn giống, sinh khối, trùn đông lạnh, trùn khô-bột trùn khô, phân trùn. Nuôi Trùn Quế hiện nay là một nghề

có hiệu kinh tế quả cao, đầu tư ở mức vừa phải và tận dụng được nguồn nguyên liệu là phân bò ở các vùng ven đô và nông thôn.

Anh **Lê Anh Tuấn** -Trưởng Bộ môn Xương rồng - Hội Hoa Lan Cây Cảnh của Tp. Cần Thơ. Câu lạc bộ đã có trên 50 người, không chỉ là những người ở Cần Thơ mà còn các bạn ở các thành phố và địa phương khác cũng tham gia câu lạc bộ nữa như các bạn ở các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau, Trà Vinh và cả ở Sài Gòn. Câu lạc bộ hiện đang lưu giữ và phát triển chừng 1.500 giống cây xương rồng và cây mọng nước các loại. Xương rồng dễ nuôi trồng và nhu cầu về chúng hiện nay đang phát triển.

Và biết bao nhiêu những tấm gương sản xuất – kinh doanh dịch vụ SVC rất giỏi và đang ở khắp các miền đất nước.

Ngoài ra, các biện pháp rất quan trọng mang tầm vĩ mô:

❖ **Các biện pháp kinh tế**

Hỗ trợ của Chính phủ (Government Supsidy) bằng các chính sách của nhà nước và các cấp chính quyền địa phương (tỉnh, thành phố, thị xã, thị trấn, cấp huyện).

Ví dụ: Miễn giảm thuế đất, cho thuê đất dài hạn và giảm thuế xuất khẩu SVC.

Nhà nước có kinh phí hỗ trợ kinh phí từ các Quỹ Bảo vệ Đa dạng sinh học. Công ước **Đa dạng sinh học (Biodiversity Convention)** đã được thông qua tại Nairobi ngày 5/19/1993. Ngày **22/5** hàng năm được Liên Hiệp Quốc chọn là **ngày đa dạng sinh học thế giới**. Sự đa dạng trong loài còn gọi là đa dạng di truyền, giữa các loài còn gọi là đa dạng loài và đa dạng hệ sinh thái, trong đó dạng di truyền được xem là quan trọng nhất, tiếp đến là đa dạng loài là sự phong phú về các loài được tìm thấy ở một vùng lãnh thổ xác định, qua điều tra, kiểm kê và theo dõi và đến đa dạnh hệ sinh thái là sự phong phú về các khác biệt hệ sinh thái của từng địa phương.Việt Nam đã gia nhập và tham gia Công ước này từ năm 1992. Như vậy, các loài sinh vật quý hiếm phải được bảo vệ và phát triển SVC là bảo vệ Đa dạng sinh học.

Quỹ Bảo vệ môi trường. Luật bảo vệ môi trường có từ năm 1994 và được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/7/2006, vì cây cảnh cũng góp phần giảm bụi, tiếng ồn, giảm ô nhiễm môi trường, tăng chỉ tiêu quy hoạch cây xanh, tăng độ phủ xanh, phát triển nhân giống các loại cây cảnh có giá trị bảo vệ môi trường, cải tạo vi khí hậu, cây cảnh trồng ở các hộ gia đình.

Kinh phí Hỗ trợ dạy nghề, đào tạo, huấn luyện kỹ thuật SVC, kinh tế SVC để phát triển SVC. Hỗ trợ kinh phí biên soạn tài liệu, viết sách, in ấn, nghiên cứu khoa học.

❖ **Các biện pháp xã hội:**

- Xã hội hóa công tác SVC gắn với bảo vệ độ đa dạng sinh học, phát triển cây xanh đô thị và bảo vệ môi trường.
- Khuyến khích các nghệ nhân tham gia các khóa học tập huấn luyện để nâng cao tay nghề, kiến thức về kinh tế SVC.
- Khen thưởng, các cá nhân, nghệ nhân có nhiều tác phẩm nghệ thuật có giá trị, các nhà khoa học, các chuyên gia, các nhà tổ chức hiệp hội có nhiều thành tích, có sản phẩm "phần mềm" phát triển SVC.
- Phát triển mối quan hệ giữa các Hội SVC các cấp để tăng cường giao lưu, khích lệ và tạo sự thống nhất, liên kết trong cung cấp hàng hóa SVC hoặc hỗ trợ nhau cùng phát triển SVC.

❖ **Các biện pháp khoa học – công nghệ**

- Tạo lập mạng thông tin SVC trên mạng internet
- Tập huấn sử dụng phần mềm kiến trúc đô thị trong đó có những mô hình các loại cây xanh cây cảnh, các mô hình thiết kế sân vườn, phần mềm sử dụng không gian 3 chiều tạo điều kiện cho việc thiết kế các mô hình SVC.
- Phát triển các kỹ thuật SVC tạo ra nhiều tác phẩm mới, có sức hấp dẫn, mới, lạ
- Có các đề tài nghiên cứu thị trường tiêu thụ hàng hóa SVC, chọn giống cây con, phòng bệnh, tạo môi trường

thuận lợi cho SVC phát triển.

- Nghiên cứu phát triển kinh tế SVC, sinh thái môi trường SVC, các sản phẩm phục vụ cho SVC.
- Điều tra nhu cầu SVC gắn với các điều kiện kinh tế -xã hội – môi trường trên phạm vi cả nước và khách hàng nước ngoài hiện ở Việt Nam và có quan hệ thương mại với Việt Nam liên quan đến SVC.
- Cải thiện ô nhiễm môi trường, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Tạo ra các sản phẩm sạch của SVC góp phần bảo vệ sức khỏe và môi trường và tăng xuất khẩu.

❖ **Các biện pháp thương mại và hợp tác Quốc tế.**

Tăng cường hợp tác Quốc tế với các nước có nhu cầu cung cấp SVC.Thực hiện các biện pháp đảm bảo chất lượng hàng hóa, có nhãn hiệu tên tuổi, có mã số mã vạch, tuân thủ các quy trình sản xuất sạch hơn, sản xuất không gây ô nhiễm môi trường, tôn trọng bản quyền tác giả.

Đảm bảo đầu ra các sản phẩm SVC, tạo thị trường tiêu thụ SVC.Hợp tác thương mại, đoàn kết các nhà SVC trong thị trường SVC trong nước, giảm bớt các khâu trung gian, không có chuyên sâu về SVC, chỉ buôn bán SVC hoặc tân trang SVC không đúng kỹ thuật, làm hàng SVC chất lượng kém, làm cho cả người sản xuất và người tiêu dùng cùng bị thiệt hại về kinh tế.

- **Quy hoạch các vùng chuyên canh SVC**

Theo ý kiến của các nhà lãnh đạo Hội SVC Việt Nam, mục tiêu đến năm 2015, SVC Việt Nam sẽ chuyển đổi cơ cấu cây trồng nông nghiệp, đưa diện tích SVC lên 250.000 đến 300.000ha, chiếm 2% tổng .diện tích đất nông nghiệp của cả nước. Thu nhập trên 100 triệu đồng/ha đất sản xuất SVC, những mô hình tiên tiến đạt 300-500 triệu đồng/ha/năm, đạt giá trị sản phẩm nội địa 50 ngàn tỷ đồng và xuất khẩu 500 triệu USD/năm.

Hiện nay, ở Tp. Hồ Chí Minh mới có 1/3 đất dành cho

trồng hoa, cây kiểng và nuôi cá cảnh. SVC Việt Nam mong muốn thực sự trở thành một nền kinh tế sinh thái theo chỉ đạo của Thủ Tướng Chính phủ.

Quy hoạch các khu vực dịch vụ SVC và sản xuất các mặt hàng phục vụ cho SVC. Hiện nay ở Tp.HCM quy hoạc 2 khu SVC, ở Củ Chi và Bình Chánh, mỗi khu 500ha.

CLB Cá cảnh TP.HCM, cùng với HTX Hà Quang đang triển khai xây dựng làng cá cảnh đầu tiên ở Việt Nam tại Củ Chi, TP Hồ Chí Minh dự kiến sẽ mở rộng diện tích là 110 ha.

❖ **Các biện pháp tổ chức, quản lý**

- Tổ chức Hội SVC các khu vực có cùng điều kiện tự nhiên, yếu tố nền kinh tế xã hội. Có thể theo các vùng kinh tế theo các chuyên ngành SVC quy mô toàn quốc.
- Tăng cường hợp tác và hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương (UBND, Công an, xã, huyện, thị trấn) đối với các chi hội và hội cơ sở.
- Tăng cường giám sát và củng cố hệ thống mạng liên kết giữa các chi hội và hội viên tạo điều kiện để cung cấp thông tin SVC.

❖ **Phát triển thông tin, quảng cáo SVC**

Tạo các trang websiste để cứu thông tin trên mạng Internet. Hiện nay, một số các webside có liên quan đến SVC do các đơn vị tổ chức, cá nhân tự thực hiện. Ví dụ:

1. http://www.sinhvatcanh.com.vn (sinh vật cảnh)
2. http://www.dacanh.com (đá cảnh)
3. http:www.orchids.com.vn (hoa Lan)
4. http://www.hoalanvietnam.org (hoa Lan)
5. http://www.j-bonsai.com/ (Nhật Bản)
6. http://www.bonsai-bci.com/ (Bonsai Clubs International)

v.v...

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: DANH SÁCH HỘI VIÊN HỘI SVC VIỆT NAM VÀ CHI HỘI TP.HCM

Hội SVC Sinh vật cảnh Việt Nam

33 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà nội.

Tel: 04.7331592 - Fax: 04.8259619

Họ và tên	Điện thoại	Ghi chú
Chủ tịch Nguyễn Văn Trân	04.9713349	
Tổng thư ký Đỗ Phượng	04.7331592	
Phó Chủ tịch Nguyễn Duy Quý	04.9713349	
Phó Chủ tịch Phạm Thanh Hải	034. 840111	
Chánh văn phòng Lại Văn Thanh	04.8259619	

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH TW HỘI SINH VẬT CẢNH NHIỆM KỲ III (2002-2007)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Trân	Chủ tịch TW Hội	
2	Đặc Thị Át	Kỹ sư nông nghiệp, Cán bộ BQL Lăng Hồ Chủ Tịch	
3	Ngô Ngọc Bình	Thường vụ Tỉnh Ủy, Chủ tịch MTTQ, CT Hội SVC tỉnh Vĩnh Long	
4	Lê Thanh Bình	Chủ tịch Hội SVC tỉnh Cần Thơ	
5	Bùi Bá Bổng	Tiến sĩ, Thứ trưởng Bộ NN và PTNT	
6	Nguyễn Ngọc Châu	TVTW Hội, Chánh văn phòng	
7	Chế Dăng	CT Hội SVC tỉnh Lâm Đồng	
8	Nguyễn Phú Đức	Tiến sĩ, Phó Tổng Cục trưởng Du lịch Việt Nam	
9	Nguyễn Kha	CT Hội SVC tỉnh Tiền Giang	
10	Nguyễn Xuân Kỳ	CT Hội SVC tỉnh Bến Tre	
11	Đồng Văn Khiêm	Kỹ sư Nông nghiệp, GĐ Công ty, Phó CT SVC TP.	

		Hồ Chí Minh, UVTW Hội Khóa 2	
12	Phạm Thanh Hải	Tiến sĩ, Hiệu trường trường trung học Dạy nghề NN và PTNT 1, UVTW Khóa 2	
13	Vũ Huy Hiền	CT Hội SVC tỉnh Nam Định	
14	Đỗ Cao Mại	Kỹ sư, GĐ Cty công viên cây xanh TP. Hà Nội, UVTW Hội khóa 2	
15	Hồ Quang Mai	CT Hội SVC tỉnh Đăc Lăc	
16	Nguyễn Ngọc Nguyên	CCB- Nhà Doanh nghiệp SVC, GĐ HTX Du lịch Suối Ngọc	
17	Ngô Kiều Oanh	Tiến sĩ Điều khiển học Viện TT Môi trường, GĐ TTTT Môi trường	
18	Giàng A Páo	Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc QH, Bí thư Tỉnh ủy Lào cai	
19	Đỗ Phượng	Phó Chủ tịch TW Hội	
20	Nguyễn Duy Quý	VS.GS.TS .Nguyên GĐ TTKHXHNV Quốc gia	
21	Nguyễn Duy Quý	CT Tỉnh hội Bình Định	
22	Nguyễn Quang Thạch	Tiến sĩ Khoa học NN, Viện trưởng Viện Sinh học NN-ĐH NN 1	
23	Lại Văn Thanh	Nhà báo, cán bộ thông tấn, GĐ TT Hợp tác TT Quốc tế	
24	Trần Chiến Thắng	Tiến sĩ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa TT	
25	Bùi Mạnh Trung	CT Hội SVC TP. Hà Nội	
26	Nguyễn Sĩ Thư	Chủ tịch Hội SVC tỉnh Hải Dương	
27	Đỗ Quang Thường	Chủ tịch Hội SVC tỉnh Thái Bình	
28	Trần Văn Tuyên	CT Hội SVC tỉnh Quảng Ngãi	

29	Nguyễn Công Sung	KS. Xây dựng Ban Quản lý Lăng Hồ Chủ Tịch	
30	Nguyễn Hữu Vấn	CT Hội SVC tỉnh TT- Huế	
31	Phạm Hiền Giục	Vụ trưởng Vụ quản lý KHNN- Bộ TNMT	
32	Nguyễn Bá	Ủy viên TW Đảng, Bí Thư Tỉnh ủy Nghệ An, CT Hội SVC tỉnh Nghệ An	
33	Phạm Văn Huy	Ủy viên TW Đảng, Bí thư tỉnh ủy, CT Hội SVC tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	

DANH SÁCH MỘT SỐ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO HỘI SVC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỉnh/thành phố
1	Nguyễn Khoa	Chủ tịch Hội SVC	Tiền Giang
2	Ngô Ngọc Bình	Chủ tịch Hội SVC	Vĩnh Long
3	Nguyễn Văn Mẫn	P. Chủ tịch Hội SVC	Vĩnh Long
4	Nguyễn Văn Xuân	Chủ tịch Hội SVC	Trà Vinh
5	Nguyễn Minh Cảnh	Chủ tịch Hội SVC	Bình Phước
6	Lê Công Minh	P. Chủ tịch Hội SVC	Bình Phước
7	Chế Dặng	Chủ tịch Hội SVC	Lâm Đồng
8	Trần Đức Tấn	P. Chủ tịch Hội SVC	Lâm Đồng
9	Huỳnh Minh Xuyến	P. Chủ tịch Hội SVC	Lâm Đồng

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH HỘI SVC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHIỆM KỲ III (2004 - 2009)

STT	Họ tên	Chức vụ	Địa chỉ liên lạc	Số điện thoại, Fax			
				Cơ quan	NR	Di động	Fax
1	Võ Văn Cương	Chủ tịch	56 Trương Định, Q.3	9326332	8297146	0913925336	9326852
2	Đồng Văn Khiêm	P. Chủ tịch	372 Nguyễn Chí Thanh, P.5, Q.10	555440		0903810873	
3	Trương Hoàng	P. Chủ tịch	86 Lê Thánh Tôn, Q.1	8246759	8555848	0903921413	8296988
4	Nguyễn Văn Lãng	P. Chủ tịch	71 Sương Nguyệt Ánh, Q.1			0903820001	
5	Nguyên Mộc Quê	Tổng thư ký	14M Đặng Văn Ngữ, P.10, Q. Phú Nhuận	8422326	9913216	0903704146	8422326
6	Nguyễn Văn Phụng	Thường vụ	271L Nguyễn Trọng Tuyển, P.10, Q.PN	8411827	8249425	0908862560	8441271
7	Trần Hợp	Thường vụ	480A Lê Văn Sỹ, Q.3	8102269	8436703	0918327989	
8	Trần Viết Mỹ	Thường vụ	43 Đinh Tiên Hoàng, Q.1	8220958	8446959	0903938444	8295909
9	Trần Văn Bạch	Ủy viên	1/34 Q.lộ 1A, KP4, Bình Hưng Hòa, Bình Tân		8755245	0903726607	
10	Trần Mạnh Chuẩn	Ủy viên	290/4 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3	8452003	8483763	0903992673	8483473
11	Dư Hữu Đức	Ủy viên	367/12 Lê Đức Thọ, P.16, Gò Vấp	8949270	5890289	0908137900	
12	Trương Huy Hoàng Tam Dũng	Ủy viên	Nguyên Văn Hùng, KP1, Tân Thuận Đông, Q.7	8730069		0918007260	8732418
13	Lê Văn Hòa	Ủy viên	189 Điện Biên Phủ, Bình Thạnh	8035401		0903835484	8035403
14	Phạm Văn Hiếu	Ủy viên	59 Nguyễn Thông, Q.3	8292796	8040323	0903911014	8295614
15	Minh Hạnh	Ủy viên	14/2 Đặng Văn Ngữ, P.10, PN	9913216			
16	Trần Lộc	Ủy viên	142 Đinh Tiên Hoàng, Bình Thạnh	8412507	5163753	0903810450	
17	Đặng Hồng Linh	Ủy viên	164 Đồng Khởi, Q.1	8222281		0913923239	
18	Nguyễn Văn Nới	Ủy viên	7 Quang Trung, P.11, Gò Vấp		8492315	0908051833	
19	Phạm Đình Nghĩa	Ủy viên	409D/8 Nguyễn Trọng Tuyển, P.2, Tân Bình	8942332	8441960	0909682852	

20	Nguyên Ngọc Oanh	Uy viên	14M Đặng Văn Ngữ, P.10, Q. Phú Nhuận	9913216		0913700692	
21	Nguyễn Hồng Quang	Ủy viên	32 KP3 Tân Chánh Hiệp, Q.12		8837304	0903942357	
22	Dương Minh Tân	Ủy viên	101-103 Tạ Uyên, Q.5	8427566		0918382669	
23	Thượng tọa Thích Hạnh Thu	Uy viên	229/24B Thích Quảng Đức, P.4, PN	8423923		0903930517	
24	Trần Quốc Thái	Ủy viên	80/8 Lê Văn Thọ, Gò Vấp	8959116	8959116	0903694641	9968808
25	Nguyễn Trí Việt	Ủy viên	28 Ter Mạc Đĩnh Chi, Q.1	8297162	8251528		
26	Lê Hồng Phúc	Ủy viên	542 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10	8335889	8443309	0903907305	8335887
27	Lê Quốc Phong	Ủy viên	C12/21 QL 1A, Tân Kiên, Bình Chánh			0903805047	
28	Trần Bá Phương	Uy viên	10B Tôn Đức Thắng, P Bến Thành, Q.1	8224162	8332962	0903738874	8224162
29	Trần Hữu Phước	Ủy viên	455/203D Nguyễn Trãi, Q.5		8350845		
30	Bùi Tiến Lợi	BT VN H.sắc	238/A Bạch Đằng, P.24, Q. Bình Thạnh	8994210		0903639775	
31	Nguyễn Nhung		71 Sương Nguyệt Anh, Q.1			0909616777	
32	Bàng Minh Phượng		19 Bis Cộng Hòa, P.12, Q. Tân Bình			0903674747	
33	Trần Thị Thọ	CT. Hội Bình Tân	353 Mã Lò, Phường Bình Trị Đông A, Bình Tân			0904423275	8775550
34	Nguyễn Kim Khôi	Ủy viên TT	5 Đồng Nai, Phường 2, Tân Bình			0903811048	
35	Phạm Thuyết	Chủ tịch Hội Làm vườn				0903805281	
36	Trần Thuận					0903781938	
37	Bình & Cát Tiên	CLB Cá cảnh				0913126395	
38	Nguyên Đình Phương	CT Hội quận 1					
39	Trần Thế Hùng	CT Hội Q.GV					
40	Nguyên Văn Sơn	PCT Hội Q.GV					
41	Trần Lộc	PCT Hội Q.B.Thạnh					

Phụ lục 2: THƠ VÀ SINH VẬT CẢNH

Cá Dĩa

Tròn như chiếc đĩa sắc màu,
Cá Vàng quý hiếm, nhu cầu rất cao,
Cá Dĩa rực rỡ biết bao,

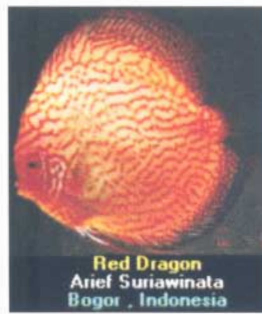
Những người sành điệu, làm sao hững hờ?
Cá Dĩa là cả Bài Thơ
Là cả Ngọn Cờ thúc giục ta đi,
Cá Dĩa là mối tình si,
Với nàng Tiên Cá, mê ly, tuyệt vời

Nuôi cá sướng cả cuộc đời,
Ngắm Ngôi sao sáng, Vàng mười của ta,
Như đồng tiền lớn trong nhà,
Sinh sôi, nảy nở,... cho ta sang giàu.

Mắt tròn, rực sáng, ánh màu,
Cá Vàng ta quý, ta cầu, ta mong,
Chăm nom, nuôi nấng, nước trong,
Tha hồ bơi lội, cầu mong, sống hoài.

Tp.HCM, ngày 15/08/2006
TS. Nguyễn Thị Lan

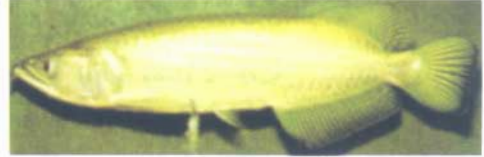








Cá Ngân Long - *Osteoglossum bicirrhosum*



Australia Arowana - Cá Rồng châu Úc



Cá Rồng châu Á - Cá Hồng Long *Scleropages formosus*



Cá Ngân Long - *Osteoglossum bicirrhosum*



Cá La Hán



Cá Ngân Long - *Osteoglossidae*

Cá Rồng

Cá Rồng chưa hóa thành Rồng,
Vì Cá bơi lội trong lồng kính đây.
Cá Rồng vảy sáng, râu dầy,
Vây, đuôi xòe rộng như ngày trên sông,
Á, Phi, châu Úc, một vòng,
Các loài cá quý: Kim Long,... sáng ngời.
Cá Rồng làm cảnh tuyệt vời,
Ta chơi, ta ngắm, của Trời ban cho.
Hãy vui, hãy khỏe, đừng lo,
Ta chăm ngày, tháng, ăn no, vẫy vùng,
Chơi cá thật sướng vô cùng,
Ai mà chưa biết, mời cùng đến xem.

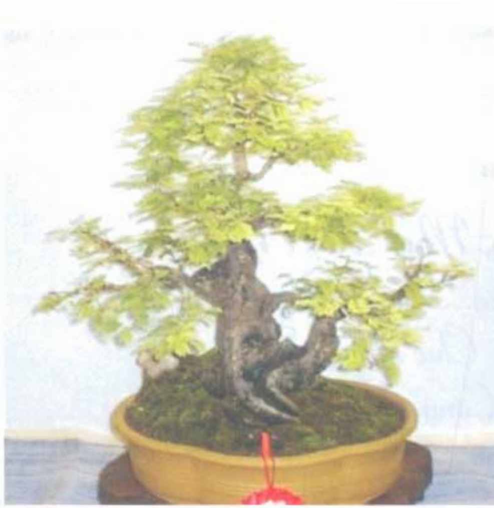
Tp.HCM, ngày 23/08/2006
TS. Nguyễn Thị Lan

Giá Trị Kinh Tế Của Cây Bonsai

Mười năm vừa thấp, vừa còi.
Chậu sành nhỏ xíu, được coi để trồng,
Cũng làm uốn lượn cong cong,
Một cành khô cứng, chẳng mong nảy chồi.
Một thời đã bỏ đi rồi,
Trong góc vườn đó, chẳng người vào ra.
Ngờ đâu trời đất nở hoa,
Học môn "Kinh tế", mang ra trưng bày:
Bonsai- đồ cổ thật hay,
Vàng mười mới biết, từ nay hết nghèo.

Tp.HCM, ngày 23/07/2006
TS. Nguyễn Thị Lan





Cây Me



Cây Tầm bì



Cây Lộc vừng



Cây Bonsai



Cây Sanh



Cây Sanh Ngọc Lan

Tên 24 Loài Hoa Lan Việt Nam

ꕥ

Bạc Diệp, Luân Trần, Mao Tuyết Nhung,
Hạc Đính, Hoàng Long, Thanh Đạm Trung,
Gấm Đất, Trân Châu, Chu Đinh Tím,
Phượng Vĩ, Hàm Lân Cứng, Huyết Nhung.

Ý Thảo, Mặc Lan, Tục Đoạn Lông,
Ngọc Điểm, Long Tu, Nhất Điểm Hồng
Giáng Hương, Dã Hạc, Hồng Câu Thảo,
Thủy Tiên, Hạc Vĩ, Bạch Huệ Đồng.

Bùi Xuân Đáng, 5/2006.
www.hoalanvietnam.org
Nguyễn Thị Lan
Tp.HCM, ngày 28/07/2006











Bạch Lan - *Cymbidium eburneum* reichb



Cattleya - Một loài Hoa Lan có mùi hương đặc trưng



Hồng Lan
Cymbidium insigne Rolfe



Hoa Lan
vùng miền Đông Nam bộ



Bạch Hồng - *Cymbidium erythrostylum* Lindl.



Mặc Lan - *Cymbidium ensifolium* Swartz



Thu Lan



Hoa phong lan
Cochleanthes discolor

Dự Án Trồng Hoa Lan

༺༻

Chúc Anh Dự án Hoa Lan
Thành công rực rỡ, tiếng vang xa, gần.
Hoa Lan cùng với người thân,
Điểm tô cuộc sống, muôn phần đẹp hơn.

Anh đâu so sánh thiệt hơn,
Hoa Lan dành trọn, điểm son cho đời,
Anh đâu có nói nhiều lời,
Nhành Hoa Lan đó, bao người nhìn, xem.

Anh đâu có biết là Em,
Hoa Lan nhìn ngắm, chẳng thèm đi đâu,
Hoa Lan ở mãi rừng sâu,
Giờ về thành phố, ở lâu bên nhà.

Sân vườn thơm ngát hương hoa,
Sắc màu rực rỡ, hiền hòa, dễ thương,
Bao nhiêu công việc đời thường,
Vườn Lan là cả thiên đường của ta.

Nguyễn Thị Lan,
Tp.HCM, ngày 26/07/2006.

























Ảnh Hoa Lan: (Nguồn: Trần Hợp)

Cây Phát Tài - Lucky Bamboo

(Dracaena)



Mọi người đều muốn có Em,
Phát Tài, phát lộc, ấm êm cửa nhà,
Lâu lâu, em mới trổ hoa,
Mang tài lộc đến, hiền hòa, thân thương.

Cuộc đời đâu có bình thường,
Lên cao, xuống thấp, tai ương mắc hoài.
Làm sao cho đúng, không sai ?
Cái giá được trả, đợi hoài, ước ao.

Phát Tài trân trọng làm sao,
Trên bàn thờ đó, của bao gia đình,
Quan Âm, Phật tổ anh linh,
Ông, Bà phù hộ cho mình, cho ta,
Cho con, cho cháu, gần, xa,
Có thêm tài lộc, cả nhà gặp may.

Phát Tài hay thật là hay,
Đâm chồi, nảy lộc, trong khay nước này.
Trên bàn làm việc tháng nay,
Phát Tài gỡ rối, ta bay hơn người.
Thời cơ đã đến nơi rồi,
Phải nhanh, phải mạnh, hơn mười năm qua.

Đã đi, đâu ngại đường xa,
Đã ham học hỏi, ắt là vượt lên.
Phận nghèo, quyết chí làm nên,
Trồng cây, đợi quả, thần tiên, phép màu,
Phát Tài, nhất quyết làm giàu,
Bằng tâm, trí, dũng, vừa cầu, vừa may.

Cây to chẳng sợ gió lay,
Chậu lớn một cặp, đặt ngay trước nhà.
Phát Tài ngăn chặn tà ma,
Mang đến trong nhà: vượng khí phát sinh.
Phép tiên quả thật tài tình,
Tiền vô như nước, cho mình, cho ta
Cùng nhau chăm sóc vườn hoa,
Tình yêu, hạnh phúc, tình ca, dâng đời.

TS. Nguyễn Thị Lan.
Thị xã Vĩnh Long, ngày 2/08/2006








Một số loài cây Xương Rồng



Cây Mai Vàng



Hoa Sen



Con Sếu Đầu đỏ



Cây Mai Vàng - Vĩnh Long



Cây Mai Vàng - Bonsai



Cây xương rồng

Kích Cầu Sinh Vật Cảnh

Làm sao để kích được Cầu?
Chơi Sinh vật cảnh muôn màu,.. khó ghê!
Những người yêu thích say mê,
Công việc bộn bề, vẫn khoái, vẫn chăm,
Tỉa cành, cắt lá, tháng, năm,
Long - Ly - Quy - Phụng đều nằm ở đây,
Chim Phụng mà chẳng chịu bay,
Cùng Sung - Tài - Lộc, sum vầy sớm hôm.

Cây Mai ra lá xanh rờn,
Khi vặt hết lá, mười hôm... Hoa Vàng.
Cả năm, Tết mới lên đàng,
Mùa Xuân, mở cửa, rước Nàng về chơi.
Một tuần ngắn ngủi quá thôi,
Cả năm lại đứng, lại chơi, góc vườn

Thú vui nghĩ cũng lạ thường,
Bonsai nhỏ xíu, giá thường mắc ghê,
Người mà sành điệu, khỏi chê,
Bao nhiêu cũng gật, khi mê say rồi.

Vào Vườn cây cảnh vui chơi,
Sắc Sinh-Vượng khí tuyệt vời, ngắm hoa.
Thiên nhiên, trời đất bao la,
Có Hòn non bộ, lời ca, thác tràn,
Dòng sông nhỏ, chú Cá Vàng,
Tung tăng bơi lội, nắng tràn, trời xanh..
Phong Lan khoe sắc thiên thanh,
Nhiều màu rực rỡ, cho Anh, cho Nàng.

Đi đâu mà vội, mà vàng,
Chả chơi, không nghỉ, chẳng màng chốn tiên,
Cuộc đời toàn những ưu phiền,
Ngày đêm trên máy,... những miền trời xa,
Những vườn cây, cỏ, ngàn hoa,
Đều không hề biết, đều xa với đời.
Đến khi nhắm mắt buông xuôi,
Bạc, vàng nhiều quá, ngậm ngùi tiếc ghê

Cây-Con như có hồn mê,
Ta chăm, chúng hiểu, không chê chủ nghèo,
Cầu cho ta có tiền tiêu,
Bao nhiêu bất hạnh, những điều chướng tai,
Biến đi, ngày một, ngày hai,
Cho ta thanh thản, cười hoài, thích ghê,

Chơi Sinh vật cảnh say mê,
Tâm hồn nghệ thuật, tay nghề, nâng cao,
Những điều ước, thật lớn lao,
Nhưng mà quyết chí, việc nào cũng xong,
Chẳng còn vất vả long đong,
Mái đầu đã bạc, chỉ mong khỏe hoài,
Ngày xuân cũng vẫn còn dài,
Chim kêu, hoa nở, tiếng ai, trong vườn.

TS. Nguyễn Thị Lan
Tp.HCM, ngày 5/08/2006





Vườn ươm cây cảnh



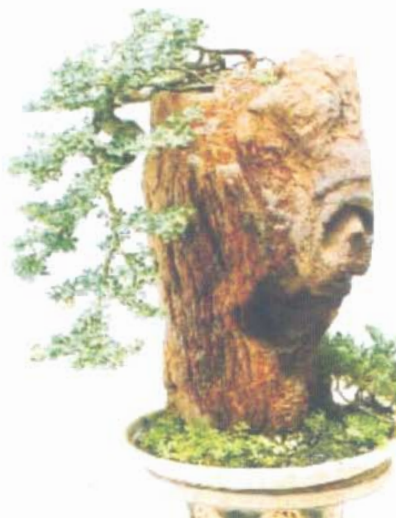
Kim quýt



Cây Xộp



Vạn Niên tùng



Cần Thăng

Nguồn: www.giaochau.com

Thuyền và Nước

ꕥ

Nước triều rút đi rồi,
Thuyền nằm trơ trên bãi,
Đêm dài Thuyền khắc khoải,
Nhớ Nước hoài không nguôi,

Kìa Triều đã lên rồi,
Sóng trào dâng ào ạt,
Ôm gọn Thuyền nâng lên,
Lướt nhẹ nhàng trên sóng.

Đã như hình với bóng,
Lẽ nào ta xa nhau?.
Không! Em ơi, cuộc sống,
Ta cần nhau trọn đời.

Cần Giờ,Tp.HCM, năm 1996
TS. Nguyễn Thị Lan





Biển Có Em

ଔ ଓ

Biển có Em, bình minh rực rỡ,
Tiếng chim kêu, hoa nở trên cành.
Anh tìm Em, nơi này gặp gỡ,
Sóng dạt dào hôn mãi bờ xanh.

Biển có Em, đẹp như bức tranh,
Anh ôm vào lòng, dòng nước trong xanh.
Tha hồ chạy, bắt nghêu, bắt ốc,
Ngắm trăng lên, có Em, bên Anh.

TS. Nguyễn Thị Lan
Cần Giờ, Tp.HCM, năm 1996

Phụ lục 3a. DANH SÁCH MỘT SỐ LOÀI CÂY NGUYÊN LIỆU SỬ DỤNG ĐỂ LÀM CÂY BONSAI Ở VIỆT NAM

STT	Tên thông thường	Tên khoa học	Họ thực vật
1	Bằng lăng	*Lagerstrroemia lecomtel*	Lythraceae
2	Bình linh	*Viter pubescens*	Verbenaceae
3	Bỏ chét	*Leucoena leucocephala*	Mimosaceae
4	Bồ đề	*Fieus religiosa*	Mimosaceae
5	Bông giấy	*Bougainvillea*	Nyetaginaceae
6	Cần thăng	*Limonia acidissima*	Rutaceae
7	Chuối ngọc	*Duranta repens*	Verbenaceae
8	Cù đề	*Breynia rthamnoides*	Euphorbiaceae
9	Cùm rụm	*Carmona retusa*	Boraginaceae
10	Cùm rụm ô rô	*Malpighia coccigera*	Malpighiaceae
11	Dành dành	*Gardenia lucida*	Rubiaceae
12	Duối nhám	*Streblus asper*	Moraceae
13	Duối ô rô	*Streblus ilicifolia*	Moraceae
14	Dương liễu	*Casuasrina equisetifolia*	Casuarinaceae
15	Găng tu hú	*Gmelia asiatica*	Verbenaceae
16	Gừa	*Ficus microcarpa*	Moraceae
17	Khế	*Aerrhoa carambola*	Oxalidaceae
18	Kim quít	*Triphasia trifoliata*	Rutaceae
19	La hán tùng	*Podocarpus macrophyllus*	Poducarpaceae
20	Lài trâu	*Tabernacmontana divaricata*	Apocynaceae
21	Lam vồ	*Ficu rumphii*	Moraceae
22	Mã kỳ	*Styphelia malayana*	Moraceae

23	Mai chiếu thủy	*Wrightia religiosa*	Apocynaceae
24	Mai vàng	*Ochna integerrima*	Ochnaceae
25	Mai đỏ	*Ochna atropurpurea*	Ochnaceae
26	Me chua	*Tamarindus indica*	Caesalpiniaceae
27	Ngâu	*Aglaia duperreana*	Meliceae
28	Ngũ sắc (thơm ổi)	*Lantana camara*	Verbenaceae
29	Nguyệt quý	*Murraya panieulata*	Rutaceae
30	Sa tùng (chổi)	*Baeehea frutescens*	Myrtaceae
31	Sam núi	*Antidesma acidum*	Euphorbiaceae
32	Sanh (si)	*Ficus retusa*	Moraceae
33	Sơn liễu	*Phyllanthus cochinchinensis*	Euphorbiaceae
34	Sơn trà		
35	Sộp	*Ficus pisocarpa*	Moraceae
36	Sung	*Ficus racemosa*	Moraceae
37	Sứ sa mạc	*Adenium obsum*	Apocynaceae
38	Thanh liễu	*Tamarix chinensis*	Tamaricaceae
39	Thiên tuế	*Cyeas revolutina*	Cycadaceae
40	Thông	*Pinus merkusii*	Abietaceae
41	Tường vi	*Lagerstroemia indica*	Lythraceae
42	Trắc dây	*Dalber giannamensis*	Papilionaceae
43	Trà tàu (chè tàu)	*Acalypha siamensis*	Euphorbiaceae
44	Trúc ống điếu	*Bambusa ventricosa*	Poaceae
45	Tùng (bạch đầu tùng)	*Cupressus lusitaniea*	Cupressaceae

Phụ lục 3b. - **Danh mục thực vật sách đỏ Việt Nam**

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
1	Ngũ gia bì hương	*Acanthopanax gracilistylus*
2	Ngũ gia bì gai	*Acanthopanax trifoliatus*
3	Thoa	*Acmena acuminatissima*
4	Bộp quả bầu dục	*Actinodapphne ellippticibacca*
5	Dây bình tráp	*Actinotemma tenerum*
6	Sơ kinh bà nà	*Adenia banaensis*
7	Gáo	*Adenia cordifolia*
8	Sum lá to	*Adenidra megaphylla*
9	Xứng đào	*Adenidra dongnaiensis*
10	Gõ đỏ	*Afzelia xylocarpa*
11	A lây đỏ	*Alleizettella rubra*
12	Lá dương đỏ	*Allniphyllium eberhardth*
13	Tẩm	*Altingia chinensis*
14	Trường ngân	*Amesiodendron chinense*
15	Quả đầu ngỗng	*Anaxagorea luzonensis*
16	Chó đãi	*Annamocarya sinensis*
17	Dó bà ná	*Aquilaria Banaensae*
18	Trầm hương	*Aquilaria crassna*
19	Lá khôi thân ngắn	*Ardisia Brevicaulis*
20	Lưỡi cọp đỏ	*Ardisia Mamillata*
21	Lá khôi	*Ardisia silvestris*
22	Phong ba	*Argusia argentea*
23	Sơn địch	*Aristolochia indica*
24	Mã đậu linh Quảng Tây	*Aristolochia kwangsiensis*
25	Chu sa liên	*Aristolochia tuberosa*
26	Biển hóa	*Asarum balasae*

27	Thổ tế tân	*Asrum caudigerum*
28	Hoa tiên	*Asarum maximum*
29	Ô rô bà	*Aucuba chinensis*
30	Gai me	*Azima sarmentosa*
31	Dó đất Cúc Phương	*Balanophora cucphuongensis*
32	Dó đất hoa thưa	*Balanophora laxiflora*
33	Bàng vuông	*Barringtonia asiatica*
34	Ben nét tim	*Bennettiuendron cordatum*
35	Hoàng liên gai	*Berberis juliane*
36	Hoàng liên ba gai	*Berberis wallichiana*
37	Chuông đài	*Bretschneidera sinensis*
38	Bọ chó bông to	*Buddleja macrostachya*
39	Nghiến	*Burretiodendron tonkinense*
40	Râm	*Bursera tonkinensis*
41	Dây móc mèo	*Caesalpinia nhatrangense*
42	Điệp quả trám	*Caesalpinia rhombifolia*
43	Teméc	*Caesalpinia sappan*
44	Trứng ếch	*Callicapra bracteata*
45	Cúc hồng đào Kampot	*Camchaya kampotensis*
46	Cam chày	*Camchaya loloana*
47	Chè xốp	*Camellia fleuryi*
48	Chè Gilbert	*Camellia gilbertii*
49	Chè lá mỏng	*Camellia pleurocarpa*
50	Mạy châu	*Carya tonkinensis*
51	Đài màu hồng	*Chroesthes pubiflora*
52	Lát hoa	*Chukrasia tabularis*
53	Kháo xanh	*Cinnadenia paniculata*
54	Vù hương	*Cinnamomum balansae*
55	Re hương	*Cinnamomum parthennoxylon*

56	Đen lá rộng	*Cleidiocarpon laurium*
57	Cánh hoa petelot	*Cleistanthus petelotii*
58	Đảng sâm	*Codonopsis javanica*
59	Riu	*Colobogyne langbianensis*
60	Chông	*Colona poilanei*
61	Hoàng liên Trung Quốc	*Coptis chinensis*
62	Hoàng liên chân gà	*Coptis quinquesecta*
63	Vàng đắng	*Coscinium fenestratum*
64	Hoa khế	*Craibiodendron scleranthum*
65	Cáp mộc	*Craibiodendron syellatum*
66	Ba đậu Phú Quốc	*Croton phuquocensis*
67	Ba đậu Hội An	*Croton touranensis*
68	Huyệt hùng Việt Nam	*Cyanthostemma vietnamense*
69	Trắc trung	*Dalbergia annamensis*
70	Cẩm lai Bà Rịa	*Dalbergia bariannensis*
71	Trắc	*Dalbergia cochinchinensis*
72	Cẩm lai vú	*Dalbergia mammosa*
73	Sưa	*Dalbergia tonkinenis*
74	Dầu chòng	*Delavaya toxocarpus*
75	Xoay	*Dialium cochichinensis*
76	Mun	*Diospyros mun*
77	Tục đoạn	*Dipsacus japonicus*
78	Dầu Rái	*Dipterocarpus gandiflorus*
79	Táo mèo	*Docynia indica*
80	Quao	*Dolichandrone spathacea*
81	Liên tràng hình chỉ	*Drepananthus filiformis*
82	Chùa dù	*Elzsholtzia penduliflora*
83	Khuyết nhị Hải Nam	*Endiandra hainannensis*
84	Nhọc trái khớp lá mác	*Enicosanthellum petelotii*

85	Nhọc trái khớp lá thuôn	*Enicosanthellum plagioneurum*
86	Trợ hoa	*Enkinathus quiaqueflorus*
87	Sơn trà răng cưa	*Eribotrya serrata*
88	Cây ớt làm mụn cóc	*Ervatamia granulosa*
89	Đỗ trọng tía	*Euonymus chinensis*
90	Chân danh	*Euonymus incertus*
91	Cử Sapa	*Fagus longipetiolata*
92	Hà thủ ô đỏ	*Fallopia multiflora*
93	Đinh có tuyến	*Fernandoa adenophylla*
94	Hoàng đằng	*Fibraurea recisa*
95	Sầm	*Fraxinnus chinensis*
96	Trai	*Gacinia fagraeoides*
97	Mỏ bạc	*Geranium nepalense*
98	Giác đế Trung Hoa	*Goniothalamus chinensis*
99	Màu cau trắng	*Goniothalamus macrocalyx*
100	Giác đế Tam Bảo	*Goniothalamus takhtajanii*
101	Nghiến giả hạt có lông	*Hainania trichosperma*
102	Mật hương	*Hedyosmum orientale*
103	Chẹo thui lá to	*Helicia gandiflora*
104	Chùm gửi trung việt	*Helixanthera annamica*
105	Lá dâng hoa	*Helwinggia japonica*
106	Ga bông giả	*Hemscolopia trimera*
107	Sao lá hình tim	*Hopea cordata*
108	Sao lá to	*Hopea hainannensis*
109	Kiền kiền	*Hopea pierrei*
110	Hồ mộc hoa thưa	*Houdendron parviflorum*
111	Cây ổ kiến	*Hydnophytum formicarum*
112	Hồi lá nhỏ	*Illicium parvifolirum*
113	Hồi chè	*Illicium ternstroemioides*

114	Hồi Phăng si păng	*Illicium tsaii*
115	Đông dương	*Indosinia involucrata*
116	Kơ nia	*Irvingia malayana*
117	Cườm đỏ	*Itoa orientalis*
118	Hoa ki nô	*Kinostemon ornatum*
119	Xú hương Biên Hòa	*Lasianthus hoaensis*
120	Báo xuân giả	*Leptomischus primuloides*
121	Mã kỳ	*Leucopogon malayanus*
122	Hồi nước	*Limnophila rugosa*
123	Cây ô đước nam	*Lindera myrrha*
124	Cây áo cộc	*Liriodendron chinense*
125	Cóc đỏ	*Lumnitzera littorea*
126	Trân châu	*Lysimachia chenii*
127	Kháo lá bắc to	*Machilus grandibracteata*
128	Kháo lá to	*Machilus grandifolia*
129	Đại cán việt	*Macrosolen annamicus*
130	Sến mật	*Madhuca pasquieri*
131	Đơn mạng	*Maesa reticulata*
132	Hoàng liên ô rô	*Mahonia bealei*
133	Hoàng liên Nhật	*Mahonia japonica*
134	Mã hồ	*Mahonia nepalensis*
135	Vàng tâm	*Manglietia fordiana*
136	Đinh	*Makhamia stipulata*
137	Sơn đào	*Melanorrhoea usitata*
138	Rau sắng	*Melientha sauvis*
139	Thủy cẩm Trung Quốc	*Mensona chinensis*
140	Chang chang	*Microstemon poilanei*
141	Đạt phước	*Millingtonnia hortensis*
142	Ba kích	*Morianda officinalis*

143	Mu rê bắc	*Mouretia tonkinensis*
144	Củ khỉ	*Murraya tetramera*
145	Ổ kiến gai	*Myrmecodia armata*
146	Diệp xí thiết tồn	*Myrsine semiserrata*
147	Nắp ấm	*Nepenthe annamensis*
148	Bác nha	*Obornia octodonta*
149	Nhị hùng trung bộ	*Otanthera annamica*
150	Mỡ vang	*Pachylarnax praecalva*
151	Nhĩ đài	*Paedicalyx attopevensis*
152	Trúc triết nhân sâm	*Panax bipinnatifidus*
153	Tam thất	*Panax pseudoginseng*
154	Sâm ngọc linh	*Panax vietnamensis*
155	Đỏ giam	*Paradina hirsuta*
156	Chò chỉ	*Parashorea chinensis*
157	Đinh vang	*Paudolpia ghorta*
158	Có kén	*Pavierasia annamensis*
159	Sụ lá đài	*Phoebe poilanei*
160	Me biển	*Phyllanhus arenarius*
161	Me lưỡi mác	*Phyllanhus phuquocensis*
162	Pita Cúc Phương	*Pisacia cucphuongensis*
163	Chó nước	*Plananus kerrii*
164	Bát giác liên	*Podophyllum tonkinense*
165	Nghể chân vịt	*Plygonum palmatum*
166	Dẹ quả tròn	*Potameia lotungensis*
167	Hoa báo xuân Sapa	*Primula chapaensis*
168	Hoa cánh dài	*Pisloesthes elongata*
169	Dáng hương quả to	*Pterocarpus macrocarpus*
170	Ba gạc lá to	*Rauvolfia cambodiana*
171	Ba gạc lá nhỏ	*Rauvolfia indochinensis*

172	Ba gạc hoa đỏ	*Rauvolfia serpentina*
173	Ba gạc lá vòng	*Rauvolfia verticillata*
174	Ba gạc phú hộ	*Rauvolfia vomitoria*
175	Dây xàng lông	*Reissantia setulosa*
176	Củ cốt khỉ	*Reynoutria japonica*
177	Dó giấy	*Rhamnoneuron balanse*
178	Đước đôi	*Rirophora apiculata*
179	Hồng quang	*Rhodoleia championii*
180	Đuôi ngựa	*Rhoiptelea chiliantha*
181	Sơn dương	*Rhopalocnemis phalloides*
182	Tầm xuân bắc	*Rosa tunquinensis*
183	Thiến thảo	*Rubia cordifolia*
184	Huyền đằng	*Sargentodoxa cuneata*
185	Rau ngót bon	*Sauropus bonii*
186	Lười ươi	*Scaphium marcopodium*
187	Sơn tần	*Schoutenia hypoleuca*
188	Thủy bồn thảo	*Sedum sarmentosum*
189	Chai lá cong	*Shorea falcata*
190	Gụ lau	*Sindora tonkinensis*
191	Gụ mận	*Sindora siamensis*
192	Bông mộc	*Sinoradlkofera minor*
193	Xưng da	*Siphonodon celastrinrus*
194	Đàn bi	*Sisyrolepis muricata*
195	Sơn đậu căn	*Sophora subprostrata*
196	Bình vôi nhị ngắn	*Stephania brachyandra*
197	Bình vôi cambod	*Stephania cambodicaa*
198	Bình vôi hoa dầu	*Stephania cepharantha*
199	Củ dòm	*Stephania dielsiana*
200	Bình vôi Quảng Tây	*Stephania kwangsiensis*

201	Sừng dê	*Strophanthus divaricantus*
202	Dây gió	*Strychnos cathayensis*
203	Mã tiền lông	*Strychnos ignatii*
204	Dây Củ Chi	*Strychnos nitida*
205	Mã tiền nhiều hoa	*Strychnos polyantha*
206	Mã tiền quả dài	*Strychnos thorelii*
207	Mã tiền tán	*Strychnos umbellata*
208	Bồ đề lá bời lời	*Styrax litseoides*
209	Huỳnh lá nhỏ	*Tarrietia parvifolia*
210	Cam thảo đá bia	*Temosla procumbens*
211	Chiêu liên nghệ	*Termianalia nigrovenulosa*
212	Tung	*Tetrameles nudiflora*
213	Thông thảo	*Tetrapanax papyriferus*
214	Thổ liên hoàng	*Thalictrum foliolosum*
215	Ba vỏ	*Thyrsanthera suborbicularis*
216	Dây đau xương	*Tinospora sinensis*
217	Ti ran tía	*Tirania purpurea*
218	Tô sơn sáu cạnh	*Toricellia angulata*
219	Thuốc mọi	*Tourneforia montana*
220	Gai ma vương	*Tribulus terrestris*
221	Tam thụ hùng	*Trigonostemon fragilis*
222	Giổi thơm	*Tsoongiodendron odorum*
223	Nữ lang	*Valeriana hardvickii*
224	Việt hoa poilane	*Vietsenia poilanei*
225	Việt hoa trục cao	*Vietsenia scaposa*
226	Ghi Đông Dương	*Viscum indosinense*
227	Bình linh nghệ	*Vitex ajugeaflora*
228	Xăng tôn	*Xantonneopsis robinsonii*
229	Giền trắng	*Xylopia pierrei*

230	Muồng trắng	*Zenia insignis*
231	Giao linh	*Zollingeria dongnaiensis*
232	Tiểu hoàng đỏ	*Aerides rubescens*
233	Kim tuyến Sa Pa	*Anoectochilus chapaensis*
234	Kim tuyến	*Anoectochilus setaceus*
235	Lan sữa ba răng	*Anoectochilus tridentatus*
236	Thiên môn ráng	*Asparagus filicinus*
237	Trúc đùi gà	*Bambusa ventricosa*
238	Bạch manh sigald	*Beirmannia sigaldii*
239	Lan hành averyanov	*Bulbophyllum averyanovii*
240	Cầu điệp evrard	*Bulbophyllum evrardii*
241	Lan hành điệp	*Bulbophyllum hiepii*
242	Cầu điệp tixier	*Bulbophyllum tixieri*
243	Song mật	*Calamus platyacanthus*
244	Song bột	*Calamus poilanei*
245	Cói túi Ba Vì	*Carex bavicola*
246	Cói túi Hà Tuyên	*Carex hatuyenensis*
247	Cói túi Cúc Phương	*Carex trongii*
248	Giác thư tía	*Ceratostylis evrardii*
249	Trúc vuông	*Chimonobambusa quadrangularis*
250	Nhục lan sơn trà	*Cleisostoma equestre*
251	Mật khẩu giả	*Cleisostomopsis eberhadtii*
252	Thanh đạm	*Coelogyne eberhadtii*
253	Mật khẩu bì đúp	*Deceptor bidoupensis*
254	Hoàng thảo hương thơm	*Dendrobium amabile*
255	Hoàng thảo đốm đỏ	*Dendrobium bellatulum*
256	Hoàng thảo Tam Đảo	*Dendrobium daoense*
257	Hoàng thảo ý thảo	*Dendrobium gratiosissimum*

258	Hoàng thảo sừng dài	*Dendrobium longicornu*
259	Thạch hộc gia lu	*Dendrobium nobile*
260	Hoàng thảo vạch đỏ	*Dendrobium ochraceum*
261	Hoàng thảo trinh bạch	*Dendrobium virgineum*
262	Hoàng thảo đốm tía	*Dendrobium wardianum*
263	Nần nghệ	*Dioscorea collettii*
264	Nần đen	*Dioscorea membranacea*
265	Củ mài gừng	*Dioscorea zingiberensis*
266	Hoàng tinh hoa trắng	*Disporopsis longifolia*
267	Ni lan len	*Eria lanigera*
268	Cói tơ nhiều bông	*Eriophorum comosum*
269	Ngải hùm	*Eurycles amboilensis*
270	Lan phích Việt Nam	*Flickingeria vietnamensis*
271	Hèo sợi to	*Guihaia grossefibrosa*
272	Lan ngọc kiện khê	*Habenaria praetermissa*
273	Yến phi	*Iphigennia indica*
274	Lan lá nhẫn	*Liparis petelotii*
275	Lan chiểu tixier	*Malaxis tixieri*
276	Đơn hành hai màu	*Monomeria dichroma*
277	Song rụp	*Myrialepis paradoxa*
278	Mạch môn bắc	*Ophiopogon tonkinensis*
279	lan hài đài cuộn	*Paphiopendilum appletonianum*
280	Lan hài hồng	*Paphiopedilum delenatii*
281	Lan hài lông	*Paphiopedilum hirsutissimum*
282	Bảy lá một hoa	*Paris polyphylla*
283	Võ diệp liên	*Petrosavia sinii*
284	Trúc len	*Phyllostachys nigra*
285	Hoàng tinh hoa đỏ	*Polygonatum kingianum*
286	Cơm lênh nhỏ	*Pothos kerrii*

287	Dực giác lá hình máng	*Pteroceras semiteretifolium*
288	Sốt rét lá nhỏ	*Reineckea carnea*
289	Huyết nhung chung	*Renanthera annamensis*
290	Trúc đũa	*Sasa japonica*
291	Lan sớn	*Schoenorchis brevirachis*
292	Kim cang nhiều tán	*Smilax elegantissima*
293	Thổ phục linh	*Smilax glabra*
294	Kim cang peletot	*Smilax petelotii*
295	Kim cang poilane	*Smilax poilanei*
296	Bách bộ nam	*Stemona cochinchinesis*
297	Bách bộ hoa tím	*Stemona collinsae*
298	Bách bộ đứng	*Stemona saxorum*
299	Khoai thơm lá ráy	*Steudnera colocasiaefolia*
300	Ngải rọm	*Tacca intergrifolia*
301	Bạch tinh	*Tacca leontopetaloides*
302	Nưa chân vịt	*Tacca palmata*
303	Cói rừng Việt Nam	*Thoracostachyum vietnamense*
304	Dị nhụy thảo	*Thysanotus chinensis*
305	Mao lan Đà Lạt	*Trichotosia dalatensis*
306	Vân sam Phan Xi Phăng	*Abies delavayi*
307	Dẻ tùng sọc trắng hẹp	*Amentotaxus argotaenia*
308	Dẻ tùng sọc nâu	*Amentotaxus hatuyenensis*
309	Dẻ tùng poilane	*Amentotaxus poilanei*
310	Dẻ tùng Vân Nam	*Amentotaxus yunnanensis*
311	Bách xanh	*Calocedrus macrolepis*
312	Đỉnh tùng	*Cephalotaxus hiananensis*
313	Sa mộc quế phong	*Cunninghamia konushii*
314	Hoàng đàn rủ	*Cupressus funebris*
315	Hoàng đàn	*Cupressus torulosa*

316	Tuế đá vôi	*Cycas balansae*
317	Tuế lá xẻ	*Cycas micholitzii*
318	Tuế lược	*Cycas pectinata*
319	Hoàng đàn giả	*Dacrydium peirrei*
320	Pơ mu	*Fokienia hodginsii*
321	Thông nước	*Glyptostrobus pensilis*
322	Tô hạp đá vôi	*Keteleeria davidiana*
323	Du xam	*Keteleeria evelyniana*
324	Kim giao giả	*Nageia wallichiana*
325	Kim giao	*Nageia fleuryi*
326	Thông năm lá Đà Lạt	*Pinus dalatensis*
327	Thông lá giẹp	*Pinus krempfii*
328	Thông pà cò	*Pinus kwangtungensis*
329	Thông tre lá ngắn	*Podocarpus pilgeri*
330	Sam hạt đỏ lá ngắn	*Taxus chinensis*
331	Sam hạt đỏ lá dài	*Taxus wallichiana*
332	Thiết sam	*Tsuga dumosa*
333	Móng ngựa cổ Sa Pa	*Archangiopteris sudintegra*
334	Cẩu tích	*Cibotium barometz*
335	Bổ cốt toái	*Drynaria fortunei*
336	Thủy phỉ	*Isoetes coromandeliana*
337	Khuyết lá thông	*Psilotum nudum*
338	Nấm xê da	*Amanita caesarea*
339	Nấm tán độc trắng	*Amanita verna*
340	Nấm thông	*Boletus edulis*
341	Nấm kèn	*Cantharellus cibarius*
342	Nấm cà	*Lepista sordida*
343	Nấm có vòng	*Pleurotus sajor-caju*
344	Ngân nhĩ	*Tremella fuciformis*

345	Rong guột chùm	*Caulerpa racemosa*
346	Rong đại bò	*Codium repens*
347	Rong thuốc giun sần	*Caloglossa leprieurii*
348	Rong thun thút nhánh đốt	*Catenella nipae*
349	Rong chân vịt nhăn	*Cyptonemia undunata*
350	Rong sừng ngắn	*Dermonema pulvinata*
351	Rong hồng vân	*Eucheuma gelatinae*
352	Rong câu chân vịt	*Gracilaria eucheumoides*
353	Rong chủn dẹt	*Grateloupia livida*
354	Rong đông sao	*Hypnea cornuta*
355	Rong đông móc câu	*Hynea japonica*
356	Rong mơ mềm	*Sargassum tenerrimum*

Phụ lục 4. VĂN BẢN PHÁP LỆNH BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Số 36/2001/PL-UBTVQH10

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2001

PHÁP LỆNH
VỀ BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp hiện đại, bền vững, bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và giữ gìn cân bằng hệ sinh thái;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 8 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2001;

Pháp lệnh này quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quy định trong Pháp lệnh này bao gồm việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 2

Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng tài nguyên thực vật và các hoạt động khác có liên quan đến việc bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên lãnh thổ Việt Nam,

trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế.

Điều 3

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài nguyên thực vật bao gồm thực vật có ích và sản phẩm thực vật có ích.

2. Sinh vật gây hại bao gồm vi sinh vật, sâu bệnh, cỏ dại, chuột và các sinh vật khác gây hại tài nguyên thực vật.

3. Sinh vật gây hại lạ là những sinh vật gây hại chưa được xác định trên cơ sở khoa học và chưa từng được phát hiện ở trong nước.

4. Sinh vật có ích bao gồm nấm, côn trùng, động vật và các sinh vật khác có tác dụng hạn chế tác hại của sinh vật gây hại đối với tài nguyên thực vật.

5. Đối tượng kiểm dịch thực vật là loại sinh vật gây hại có tiềm năng gây tác hại nghiêm trọng tài nguyên thực vật trong một vùng mà ở đó loại sinh vật này chưa xuất hiện hoặc xuất hiện có phân bố hẹp.

6. Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật là thực vật, sản phẩm thực vật, phương tiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển hoặc những vật thể khác có khả năng mang đối tượng kiểm dịch thực vật.

7. Chủ tài nguyên thực vật là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc trực tiếp quản lý tài nguyên thực vật đó.

8. Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc trực tiếp quản lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đó.

9. Thuốc bảo vệ thực vật là chế phẩm có nguồn gốc từ hóa chất, thực vật, động vật, vi sinh vật và các chế phẩm khác dùng để phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

10. Giống cây bao gồm hạt, củ, cây, bộ phận của cây hoặc

các sinh chất khác được dùng làm giống.

11. Giống cây nhập nội là giống cây được nhập từ nước ngoài vào để nghiên cứu, gieo trồng trong nước.

Điều 4

Bảo vệ và kiểm dịch thực vật được thực hiện theo các nguyên tắc:

1. Phòng là chính, phát hiện, diệt trừ phải kịp thời, triệt để; bảo đảm hiệu quả phòng, trừ sinh vật gây hại, an toàn sức khoẻ cho người; hạn chế ô nhiễm môi trường, giữ gìn cân bằng hệ sinh thái;

2. Kết hợp giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội;

3. áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, kết hợp giữa khoa học và công nghệ hiện đại với kinh nghiệm trong nhân dân.

Điều 5

Nhà nước tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư trong việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

Nhà nước khuyến khích đầu tư nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học ít gây độc hại và các biện pháp phòng trừ tổng hợp.

Điều 6

Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định của Pháp lệnh này.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 7

Nghiêm cấm mọi hành vi gây hại tài nguyên thực vật, sức khỏe nhân dân, môi trường và hệ sinh thái.

Chương II
PHÒNG, TRỪ SINH VẬT GÂY HẠI TÀI NGUYÊN THỰC VẬT

Điều 8

Việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phải được thực hiện thường xuyên, đồng bộ, kịp thời trong các hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản, buôn bán, sử dụng, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh và các hoạt động khác liên quan đến tài nguyên thực vật.

Điều 9

Việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật bao gồm:

1. Điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo và thông báo về khả năng, thời gian phát sinh, diện phân bố, mức độ gây hại của sinh vật gây hại;

2. Quyết định và hướng dẫn thực hiện biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại;

3. Hướng dẫn việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc phòng, trừ sinh vật gây hại.

Điều 10

Chủ tài nguyên thực vật có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thông báo tình hình sinh vật gây hại trong vùng và hướng dẫn thực hiện biện pháp phòng, trừ;

2. Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng, trừ sinh vật gây hại;

3. Báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật khi phát hiện sinh vật gây hại có khả năng gây tác hại nghiêm trọng đối với tài nguyên thực vật;

4. Áp dụng các biện pháp phù hợp với khả năng của mình để phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật có hiệu quả, không để lây lan, phá hại tài nguyên thực vật của người khác;

5. Áp dụng kịp thời các biện pháp phòng, trừ để bảo vệ tài nguyên thực vật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 11

1. Khi có dấu hiệu sinh vật gây hại có khả năng phát triển thành dịch thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải nhanh chóng tiến hành xác định và hướng dẫn chủ tài nguyên thực vật thực hiện biện pháp phòng, trừ kịp thời.

2. Khi sinh vật gây hại phát triển nhanh, mật độ cao, trên diện rộng, có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng tài nguyên thực vật trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định công bố dịch và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp vùng dịch thuộc phạm vi từ hai tỉnh trở lên thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định công bố dịch và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12

Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khi có quyết định công bố dịch:

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương có dịch nhanh chóng dập tắt dịch, ngăn ngừa dịch lây lan sang các vùng khác; căn cứ mức độ nghiêm trọng của dịch mà quyết định hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết để dập tắt dịch;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có dịch phải tổ

chức chỉ đạo các cơ quan hữu quan phối hợp với các tổ chức xã hội, huy động nhân dân trong vùng có dịch thực hiện ngay các biện pháp hữu hiệu để dập tắt dịch và ngăn ngừa dịch lây lan sang vùng khác. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm, mức độ lây lan của dịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân nơi có dịch báo cáo cấp trên trực tiếp để áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm dập tắt dịch, khắc phục hậu quả và phòng tránh dịch tái diễn;

3. Chủ tài nguyên thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan ở nơi có dịch phải thực hiện các biện pháp để dập tắt dịch theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Khi hết dịch, người có thẩm quyền đã ra quyết định công bố dịch bãi bỏ quyết định công bố dịch đó.

Điều 13

Nghiêm cấm những hành vi sau đây:

1. Sử dụng những biện pháp bảo vệ thực vật có khả năng gây nguy hiểm cho người, cho sinh vật có ích và huỷ hoại môi trường, hệ sinh thái;

2. Có khả năng áp dụng mà không áp dụng các biện pháp ngăn chặn để sinh vật gây hại lây lan thành dịch, huỷ diệt tài nguyên thực vật;

3. Đưa những sản phẩm có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật quá giới hạn cho phép vào buôn bán, sử dụng;

4. Nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán, sử dụng giống cây bị nhiễm sâu bệnh nặng hoặc mang sâu bệnh nguy hiểm.

Chương III
KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 14

1. Công tác kiểm dịch thực vật phải bảo đảm phát hiện và kết luận chính xác, nhanh chóng, kịp thời tình hình nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của các vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

2. Công tác kiểm dịch thực vật bao gồm:

a) Thực hiện các biện pháp kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

b) Quyết định biện pháp xử lý thích hợp đối với vật thể nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật;

c) Giám sát, xác nhận việc thực hiện các biện pháp xử lý;

d) Điều tra, theo dõi, giám sát tình hình sinh vật gây hại trên giống cây nhập nội và sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho;

đ) Phổ biến, hướng dẫn phương pháp phát hiện, nhận biết đối tượng kiểm dịch thực vật, thể lệ và biện pháp kiểm dịch thực vật.

3. Cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật được trang bị các phương tiện cần thiết và hiện đại để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 15

Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định và công bố Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật, Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Điều 16

Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải theo dõi tình trạng nhiễm sinh vật gây hại ở vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của mình.

Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố hoặc sinh vật gây hại lạ thì chủ vật thể phải áp dụng các biện pháp cần thiết để diệt trừ và ngăn chặn sự lây lan, đồng thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất.

Điều 17

1. Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố hoặc sinh vật gây hại lạ thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải quyết định các biện pháp để bao vây, tiêu diệt đối tượng đó và yêu cầu chủ vật

thể phải thực hiện ngay các biện pháp này.

2. Trường hợp đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ lây lan thành dịch thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải báo ngay với cơ quan có thẩm quyền để quyết định công bố dịch theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này.

Điều 18

1. Việc kiểm dịch thực vật được tiến hành đối với tất cả vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập.

2. Trong trường hợp phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật thì được xử lý như sau:

a) Nếu vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật chưa có trên lãnh thổ Việt Nam mà thuộc Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam thì không được phép nhập khẩu và phải trả về nơi xuất xứ hoặc tiêu huỷ;

b) Nếu vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật có phân bố hẹp trên lãnh thổ Việt Nam mà thuộc Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc những sinh vật gây hại lạ khác thì trước khi đưa vào nội địa phải thực hiện các biện pháp xử lý triệt để do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định.

3. Trong trường hợp chưa đủ điều kiện để kết luận về tình trạng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật thì phải được bảo quản nghiêm ngặt ở một địa điểm quy định. Trong thời hạn theo quy định của Chính phủ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải có kết luận để vật thể đó được phép sử dụng hoặc bị xử lý theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 19

1. Sinh vật có ích, tài nguyên thực vật nhập nội để làm giống hoặc có thể được sử dụng làm giống phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật kiểm

tra, giám sát và theo dõi chặt chẽ theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

2. Sinh vật có ích, tài nguyên thực vật được nhập nội để làm giống hoặc có thể được sử dụng làm giống khi vận chuyển từ địa phương này đến địa phương khác thì chủ vật thể phải thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của địa phương nơi đến để theo dõi, giám sát.

3. Giống cây trồng mới, lần đầu tiên nhập khẩu phải được gieo trồng ở một nơi quy định để theo dõi tình hình sinh vật gây hại, chỉ sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật kết luận không mang đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam mới được đưa vào sản xuất.

Điều 20

1. Việc kiểm dịch thực vật được tiến hành đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật xuất khẩu nếu trong hợp đồng mua bán hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định phải kiểm dịch.

2. Trong trường hợp vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật sau khi thực hiện các biện pháp xử lý mà vẫn không đạt tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Điều 21

Tổ chức, cá nhân trước khi đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và phải được áp dụng các biện pháp ngăn chặn sinh vật gây hại nguy hiểm từ vật thể đó lây lan vào Việt Nam. Trong trường hợp xảy ra lây lan thì chủ vật thể phải báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam nơi gần nhất và phải thực hiện các biện pháp bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 22

1. Tổ chức, cá nhân khi nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 20 và Điều 21 của Pháp lệnh này phải khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam tại cửa khẩu đường bộ, đường xe lửa, đường sông, đường biển, đường hàng không, bưu điện và phải được cơ quan này kiểm dịch, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhận được giấy khai báo, căn cứ tính chất, số lượng, loại hàng hóa mà quyết định và thông báo cho chủ vật thể biết địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch.

3. Việc kiểm dịch thực vật phải được tiến hành ngay sau khi vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được đưa đến địa điểm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

4. Chính phủ quy định cụ thể chế độ, tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh.

Điều 23

Trường hợp vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ nước ngoài mà bị rơi vãi, vứt bỏ, để lọt vào Việt Nam, thì chủ vật thể hoặc người phát hiện phải báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam nơi gần nhất để xử lý.

Điều 24

Tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng phải có chứng chỉ hành nghề và các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 25

Khi làm nhiệm vụ kiểm dịch, viên chức phải mang sắc

phục, phù hiệu, cấp hiệu và thẻ kiểm dịch theo quy định của Chính phủ.

Điều 26

Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải trả phí và lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật.

Điều 27

Nghiêm cấm việc đưa vào Việt Nam hoặc làm lây lan giữa các vùng trong nước:

1. Đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố;
2. Sinh vật gây hại lạ;
3. Đất có sinh vật gây hại.

Chương IV
QUẢN LÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

... (không trích lục)

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

... (không trích lục)

Chương VI
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 40

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ tài nguyên thực vật, phòng, trừ sinh vật gây hại hoặc có công phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 41

Người nào có hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh này, giả mạo giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 42

Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn trong việc cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật trái với quy định của pháp luật; thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; bao che cho người vi phạm hoặc vi phạm những quy định khác của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 43

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật mà gây thiệt hại cho nhà nước, tổ chức, cá nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Điều 41 hoặc Điều 42 của Pháp lệnh này còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã được Uỷ ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 04 tháng 02 năm 1993.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 45

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

TM. UB THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An (đã ký)

KẾT LUẬN

SVC là sản phẩm của thiên nhiên, lao động, sáng tạo nghệ thuật và tình cảm của người sản xuất - dịch vụ tạo ra nó và người tiêu dùng làm chủ nó.

Chính phủ và chính quyền các cấp sẽ quan tâm tạo điều kiện cho Hội Sinh Vật Cảnh Việt Nam mở rộng quan hệ với Hiệp hội cây cảnh thế giới, hiệp hội cây cảnh, đá cảnh, cá cảnh khu vực châu Á Thái Bình Dương và các tổ chức quốc gia về sinh vật cảnh. Festival quốc tế Hoa Đà Lạt đã được tổ chức năm 2005 và Festival Tp. HCM, sẽ tổ chức vào ngày 1-3/09/2006 là điều kiện để phát triển SVC Việt Nam và tạo cơ hội cho các hội viên, các hàng hóa SVC Việt Nam so tài với thế giới và mở ra các mối quan hệ hợp tác quốc tế.

Vì vậy, để phát triển SVC một số kết luận, kiến nghị như sau:

Đối với Nhà nước:

1. Phải tạo thị trường, cạnh tranh lành mạnh để hàng hóa SVC có chất lượng và phát triển.
2. Quy chế khen thưởng và các danh hiệu để tôn vinh nghệ nhân SVC dành cho người sản xuất và người tiêu dùng SVC, văn hóa - nghệ thuật SVC đối với các tác phẩm văn thơ về SVC. Trong mối quan hệ với SVC có người sản xuất tạo ra SVC, người tiêu dùng mua làm chủ nó và nâng cấp sản phẩm. Người tiêu dùng có thể sử dụng một thời gian rồi bán cho người khác. Như vậy, Danh hiệu các người chủ nhân SVC có giá trị và đã tô điểm thêm cho các tác phẩm SVC hoàn hảo hơn.
3. Đẩy mạnh Hợp tác Quốc tế về SVC: Mối quan hệ cấp quốc gia, các Hiệp hội quốc tế , Công ty, liên doanh về SVC, mối quan hệ cụ thể về kinh tế đối ngoại. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước.
4. Cơ chế, chính sách đất, bù lãi suất, hỗ trợ vốn, khuyến khích đầu tư đối với SVC phù hợp đến năm 2010 và 2020.

5. Đào tạo nguồn nhân lực: đội ngũ cán bộ quản lý SVC, sản xuất kinh tế SVC. Việc đào tạo SVC là một vấn đề đang đặt ra theo hình thức xã hội hóa: Nhà nước và doanh nghiệp cùng làm.

6. Quy định hỗ trợ kinh phí đào tạo kinh tế SVC, kinh tế SVC. Ví dụ hỗ trợ 50% học phí. Hỗ trợ in ấn các tài liệu, sách xuất bản về kinh tế, kỹ thuật SVC.

7. Tuyên truyền giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng: TV, báo, đài, radio, thuyết trình, sinh hoạt CLB, v.v. Phát triển SVC là điều kiện để nông dân vươn lên thoát khỏi nghèo đói nhưng nếu không cẩn thận sẽ không xóa được đói, giảm được nghèo mà còn làm cho họ mang nợ khó đòi. Việc khắc phục nghèo đói không thể làm nhanh được vì những người bị nghèo đói có nhiều cái Yếu và cái Thiếu (W). Vì vậy, để làm ăn kinh tế có hiệu quả phải củng cố "cái gốc" sao cho vững chắc và "cái cành" phải mềm dẻo, uyển chuyển, linh họat, thích nghi với điều kiện kinh tế thị trường. Phải có thời gian và kết hợp nhiều hình thức phổ cập: ưu tiên về kinh tế SVC, sau đó đến kỹ thuật SVC vì kỹ thuật phần nào đã được ông cha truyền dạy hoặc theo kinh nghiệm.

8. Quản lý xâm nhập SVC nguy hiểm thoát ra môi trường lập danh sách các loài nào thực vật, động vật cảnh nguy hiểm, có nguy cơ xâm hại ra môi trường bên ngoài khi chúng lẩn trốn hay phóng sinh hoặc phát tán ra ngoài. Các cửa hàng kinh doanh sinh vật cảnh phải dán nhãn cảnh báo về nguy cơ trốn thoát vào môi trường tự nhiên của các sinh vật nguy hiểm. Biện pháp quản lý SVC phải được thực hiện: nếu người tiêu dùng không muốn nuôi nữa hay chăm sóc chúng, họ có thể trả chúng về cho một số cửa hàng kinh doanh SVC hoặc giết chúng bằng cách đông lạnh hay phơi khô...

9. Các biện pháp cụ thể để bảo vệ nguồn lợi, nguồn gien quý hiếm của SVC Việt Nam.

Đối với Hội SVC Việt Nam và các địa phương

10. Áp dụng phương pháp SWOT và CBA đối với các dự án đầu tư SVC. Không nên dàn trải tất cả các bộ môn SVC, các loại sản xuất và dịch vụ SVC để tận dụng được các thế Mạnh (S) – Cơ hội (O) của mỗi địa phương, mỗi Hội SVC các cấp. Khắc phục, bổ sung, hoàn thiện các điểm Yếu kém, thiếu thốn (W), có các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các mối Đe dọa (T) để không lặp lại các phong trào, mà trong sản xuất nông nghiệp đã gặp phải trong thời gian vừa qua vì không tính toán cẩn thận nên thua lỗ và gây hậu quả môi trường, hậu quả xã hội rất nghiêm trọng.
11. Lập hồ sơ lý lịch cho các SVC có có giá trị kinh tế, nghệ thuật cao. Đánh dấu SVC đạt giải thưởng: đánh dấu ở đâu, như thế nào?. Có thể quy đinh thời gian dự thi và chấm thi, quy định khi sản phẩm SVC đạt giải có sự thay đổi quyền sở hữu vì trên thực tế chỉ có 1 sản phẩm (ví dụ: chỉ có 1 cây Mai mua bán lòng vòng và dự thi nhiều lần). Có thể khi chuyển nhượng các sản phẩm cần phải có sự xác nhận của Chi Hội địa phương cấp huyện hoặc cấp tỉnh/thành phố.

- Thành lập các chi hội chủ các doanh nghiệp SVC, các chi hội chuyên ngành SVC: cá cảnh, hoa- cây cảnh, hoa Lan, Bonsai, hòn non bộ và tiểu cảnh, Xương rồng, chim cảnh, thú cảnh v.v., tạo sự liên kết để hợp tác, sản xuất ra nhiều hàng hóa SVC liên kết đủ sức cạnh tranh với các hàng hóa SVC thế giới. Liên kết với các Hội khác để có thêm sức mạng và trình độ khoa học - kinh tế - kỹ thuật SVC.
- Có các Ban Giám khảo và các Giải văn hóa - nghệ thuật về SVC; văn, thơ, phóng sự, ảnh, tranh vẽ, v.v. Định hướng và chiến lược phát triển văn hóa - nghệ thuật tập trung sáng tác về SVC vì SVC có giá trị đạo đức, giáo dục, thẩm mỹ, … cho con người rất cao và rất hiệu quả.

Đối với người sản xuất và người tiêu dùng SVC

Phân tích SWOT đối với mỗi bản thân xem mình hiện nay

Mạnh (S) cái gì, Yếu (W) hay thiếu những cái gì so với thị trường hay đối thủ cạnh tranh. Đây là 2 yếu tố chủ quan rất quan trọng. Chúng ta không nên nhầm lẫn với 2 yếu tố khách quan là Cơ hội (O) và Đe dọa (T).

Sau khi phân tích định tính sẽ tiếp tục phân tích định lượng. Việc phân tích tính toán chi phí - lợi ích có thể thực hiện từ đơn giản đến phức tạp đối với từng công việc cụ thể hay dự án đầu tư, sự hợp tác hay SVC là hàng hóa đặc biệt khác với các hàng hóa thông thường, nên đúng thời điểm cho nhu cầu tiêu dùng và thời kỳ hoa nở, hay các cây – con khác làm cảnh đã đạt được đủ chất lượng, đạt yêu cầu, đáp ứng được nhu cầu thị trường là vô cùng cần thiết và có giá trị kinh tế.

Ngoài ra, một số điểm cần lưu ý, trong quá trình sản xuất SVC phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không gây hậu quả môi trường, tạo ra những sản phẩm sạch để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Nông nghiệp và PTNT.** Số: 54/2006/QĐ-BNN. *Quyết định về việc công bố Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.* Hà nội, ngày 05/ 7/2006
2. **Lê Thạc Cán**. *Kinh tế Môi trường*. Viện Đại học Mở Hà Nội. 1995.
3. **Võ Văn Chi**. *Cá Cảnh*. NXB KHKT. 1993.
4. **Chính phủ**. Nghị định về quản lý động, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm. Số 32/ 2006/NĐ-CP.
5. **Nguyễn Văn Định**. Đại cương về sinh lý thực vật.
6. **Trần Đăng Khoa.** Thơ Hoa Xương Rồng nở.
7. **Nguyễn Đức Khiển**. *Kinh tế môi trường*. Hà Nội 2002. NXB Xây dựng.
8. **Trịnh Thuận Đức**. *Cây cảnh, cây thế góp phần củng cố và phát huy đạo đức truyền thống*. Tạp chí "Hương Sắc". Số 49/10/1997. Tr.5-6.
9. **Trương Hoàng**. Phát triển SVC thành một ngành kinh tế và xây dựng tổ chức Hội SVC Việt Nam. Tạp chí "Hương Sắc". Số 154/7/2006. Tr. 4-5; 28-29.
10. **Trương Hoàng**. Phát triển hoa Lan ở Tp.HCM. Tạp chí "Hương Sắc". Số 155/8/2006. Tr. 20.
11. **Trương Mai Hồng.** *Bài giảng môn học Lâm nghiệp đô thị*. Khoa Lâm nghiệp. Trường ĐH Nông Lâm Tp.HCM. Năm 2005. tr. 16-23.
12. **Trần Hợp**. *Cây hoa cảnh Tp.HCM*. NXB Nông nghiệp . 1998.
13. **Trần Hợp.** *Bonsai cây kiểng cổ*. NXB Nông nghiệp . 1998.
14. **Trần Hợp.** *Phong Lan Việt Nam*. NXB Văn Hóa dân tộc. 2000.
15. **Trần Hợp – Phùng Mỹ Trung**. *Bạn có cảm nhận gì về Nữ Hoàng sắc đẹp?*.2006

16. **Nguyễn Thị Lan**. Giáo trình Kinh tế Môi trường. Trường ĐHBK Tp.HCM & Trường ĐH DL Công nghệ Tp.HCM. 2003.

17. **Nguyễn Thị Lan**. Giáo trình Quản lý tài nguyên Rừng. Trường ĐHBK Tp.HCM. Tp.HCM 2001.

18. **Nguyễn Thị Lan.** *Giáo trình môn học Môi trường và Con người.* Trường ĐH Luật Tp.HCM. năm 2001.

19. **Nguyễn Thị Lan.** *Giáo trình môn học Kinh tế sinh vật cảnh.* Trung tâm nghiên cứu DV SVC. Tp.HCM. Tháng 6/2006.

20. **Tạ Phi Long**. Phương pháp thể hiện đặc tính hình sinh thái thực vật đô thị. NXB Nông nghiệp. Tp.HCM 2006. Tr. 15-46.

21. **Nguyễn Văn Luân, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Chí Hải**. *Kinh tế học đại cương.* NXB Thống Kê. Hà Nội năm 2000.

22. **Đỗ Hoàng Toàn, nnk.** (Trường ĐH Kinh tế Quốc dân. Khoa Khoa học Quản lý). *Quản lý Kinh tế.* (dùng cho hệ Cao học & nghiên cứu sinh). NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội 2002. Tr 11-12.

23. **Đặng Như Toàn, Nguyễn Thế Chinh**. Một số vấn đề cơ bản về kinh tế và quản lý môi trường. NXB Xây dựng 1995.

24. **Thái Văn Thiện.** *Kỹ thuật Bonsai.* Trung tâm nghiên cứu DV SVC. Tp.HCM. Tháng 7/2006.

25. **Trần Thuận**. Thiết kế -trồng chăm sóc hoa viên sân vườn. Trung tâm nghiên cứu DV SVC. Tp.HCM. Tháng 7/2006.

26. **Nguyễn Văn Trình**. Kinh tế đại cương. NXB Thống kê. 1998

27. **Thái Văn Trừng, Đặng Hữu Ngọc, Nguyễn Thị Lan, Đoàn Cảnh, Trần Hợp, Võ Văn Chi, nnk**. *Tổng kết tài nguyên Sinh vật Tp.HCM và Đông Nam bộ.* Sở Khoa học --Công nghệ & Môi trường Tp.HCM. Năm 1990-1992.

28. **Đỗ Phượng**, *Mời tham gia diễn đàn tiến tới đại hội IV.* Tạp chí "Hương Sắc". Số 153/6/2006. Tr. 3 -5.

29. **Đỗ Phượng**, *Tổng hợp đầu tiên những ý tưởng góp cho đại hội IV.* Tạp chí "Hương Sắc". Số 155/8/2006. Tr. 3 & 29.

30. **Trần Võ Hùng Sơn**. Nhập môn phân tích lợi ích chi phí 05/2001. NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

31. **Ủy ban thường vụ Quốc hội.** *Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Số 36/2001/PL-UBTVQH10.*

32. **Lư Quang Úy.** *Kỹ thuật tạo dáng và chăm sóc Bonsai.* Trung tâm Nghiên cứu DV SVC. Tp.HCM. Tháng 5/2006.

33. Cost-benefit analysis. http://en.wikipedia.org/wiki/Cost-benefit_analysis

34. **Manfred Schreiner.** Phạm Ngọc Hân dịch. *Quản lý môi trường – Con đường kinh tế dẫn đến nền kinh tế sinh thái.* Hà Nội 2002. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

35. SWOT Analysis. Internet.

36. SWOT Analysis Amazon. Internet.

37. http://www.vncreatures.net/overall.php

38. www.sinhvatcanh.com.vn

39. www.caycanhvietnam.com

40. www.hoalanvietnam.org/

41. www.orchids.com.vn

42. info@earthwormvietnam.com -Trun que An Phu

43. www.aquavietnam.com

44. www.nguyen-family.ws/tuan/cactus.html

45. www.cactus-mail.com/clubs.html (XR)

46. http://www.cactus.at/index

47. http://www.thanhnien.com.vn ngày 21/8/2004

và một số trang web trong và ngoài nước khác.

KINH TẾ SINH VẬT CẢNH VIỆT NAM



Tiến sỹ ***Nguyễn Thị Lan***

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN CAO DOANH

Bản thảo : **Nguyễn Phụng Thoại**
Biên tập : **Đặng Ngọc Phan**
Trình bày - Bìa : **Anh Vũ – Khánh Hà**

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
167/6 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: (04) 8523887 - 5760656 - 8521940
Fax: (04) 5760748. E-mail: nxbnn@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
58 Nguyễn Bỉnh Khiêm Q.1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 9111603 - 8297157 - 8299521
Fax: (08) 9101036

In 10.030 cuốn, khổ 24 x 16 cm, tại **Cty In Văn Hóa Sài Gòn.** Số 754 Hàm Tử, Q.5 - TP.HCM. Đăng ký KHXB số 542-2006/CXB/69-124/NN do Cục Xuất Bản cấp ngày 13/07/2006.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2006.

Vườn Lan

Cũng là cây cỏ sinh ra,
Mà không cần đất, nở hoa tuyệt vời
Trắng vàng, tím đỏ, xanh tươi,
Vườn Hoa Lan đó, bao người ngẩn ngơ...
Rung rinh, bóng mát, đợi chờ,
Hoa Lan khoe sắc, Vườn Thơ nơi này
Làm ta ngây ngất, mê say,
Vuốt ve chiếc lá, nâng tay đỡ cành.
Thoảng qua ngọn gió trong lành,
Vườn Lan ghi được bức tranh hôm nào,
Nhìn em xinh đẹp biết bao,
Hoa Lan tô điểm thanh cao, mỹ miều.
Vườn Lan, nhớ mãi buổi chiều,
Cho ta được gặp, được yêu nồng nàn.
Hoa Lan, ơi hỡi Hoa Lan!
Tình yêu mang đến, đầy tràn niềm vui.

Tiến sỹ **Nguyễn Thị Lan**
Trung tâm Nghiên cứu Dịch vụ sinh vật cảnh TP.HCM
Sài Gòn, ngày 24 tháng 07 năm 2006

63 - 635.9 / NN - 06 69/124-06

